Luật nghi Tổng quát [Vinaya Saṅkhepa] (TK Giác Giới - Bodhisīla Bhikkhu)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

PHẬT GIÁO NAM TÔNG

LUẬT NGHI TỔNG QUÁT (VINAYA SANKHEPA)

TỲ KHEO GIÁC GIỚI
(BODHISILA BHIKKHU)
TL. 1985 - PL. 2529 ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 12-07-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Mục Lục LỜI NÓI ĐẦU 01. LỄ UPOSATHA (Bố-Tát hay Trai Giới) 1.1 Cách thức Sa"ngha-uposatha 1.1.a Cách vấn đáp như sau 1.1.b THUYẾT PHẦN DUYÊN KHỞI (Nidaanuddeso) 1.1.c THUYẾT GIỚI TRIỆT KHAI (Paaraajikuddeso) 1.1.d THUYẾT GIỚI TĂNG TÀN (Sa"nghaadisesuddeso) 1.1.e THUYẾT GIỚI BẤT ĐỊNH (Aniyatuddeso) 1.1.f THUYẾT GIỚI ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ (Nissaggiyapaacittiye vitthaaruddeso) 1.1.g THUYẾT GIỚI ƯNG ĐỐI TRỊ (Paacittiye vitthaaruddeso) 1.1.h THUYẾT GIỚI ƯNG PHÁT LỘ (Paatidesaniie vitthaaruddeso) 1.1.i THUYẾT GIỚI ƯNG HỌC PHÁP (Sekhiyadhamme vitthaaruddeso) 1.1.j THUYẾT GIỚI ĐIỀU DIỆT TRANH. (Adhikara.nasamathe vitthaar'uddeso)

1.1.k TỤNG PHẦN KẾT 1.1.l CÁCH TỤNG GIỚI BỔN TÓM TẮT (Sa"nkhepa)
1.2 Cách thức Ga.na-uposatha
1.3 Cách thức Puggala-uposatha
02. LỄ TỰ TỨ (Pavaara.naa)
2.1 Cách thức Sa"nghappavaara.naa.
2.1.a Vấn đáp luật Tự tứ 2.1.b Tuyên ngôn Tự tứ
2.2 Cách thức Nhóm Tự tứ (Ga.nappavaara.naa)
2.3 Cách thức cá nhân Tự tứ (puggalappa-vaara.naa).
2.4 Phép dời ngày Tự tứ (pavaaranaasa"ngahita-kara.na)
03. SỰ GIAO KA.THINA(Ka.thinadaana)
04. TĂNG SỰ KẾT GIỚI SIIMAA
05. PHÉP TU SA-DI (pabbajitavidhii)
06. PHÉP TRUYỀN CỤ TÚC GIỚI (upasampadaa)
07. TĂNG SỰ GIÁN NGHỊ (Samanubhaasanaa)
08. TĂNG SỰ PHÊ CHUẨN CHỖ XÂY CẤT (Vatthudesanaa)
09. TĂNG SỰ CHO PHÉP LÌA TAM Y (Ticiivaraavippavaasasammati)
10. TĂNG SỰ TRỊ PHẠT TỘI TĂNG TÀN (vu.t.thaana)

10.1 Xử lý tội phạm không che dấu
10.2 Xử lý tội phạm che dấu xác định thời gian.
10.3 Xử lý tội che dấu thời gian không rõ
10.4 Xử lý tội liên tục sai phạm
10.5 Xử lý tội tổng hợp tội danh
10.6 Xử lý tội tái phạm khi đang thọ phạt
11. PHÉP SÁM HỐI TỘI (aapattidesanaa)
12. PHÉP TRỊ PHẠT PHẠM-ĐÀN (Brahmada.n.dakamma)
13. PHÉP ĐƯA THỎA HIỆP TĂNG SỰ (chandadaana)
14. PHÉP NHẬP HẠ (vassuupagata)
15. PHÉP XỬ DỤNG Y BÁT
16. PHÉP KÝ GỞI Y BÁT (vikappa)
---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Phật giáo là một Tôn giáo lớn trên thế giới, có lịch sử truyền bá lâu đời và có hệ thống Giáo lý qui mô nhất.

Phật Giáo ảnh hưởng rất mạnh trong quần chúng, nhất là ở các nước Châu Á, và đặc biệt là Phật Giáo có số lượng Tăng sĩ đông đảo.

Tăng sĩ Phật giáo sinh hoạt theo tập thể giáo hội, được lập thành theo từng xứ sở quốc gia. Thế nhưng, mặc dù ở mỗi quốc độ có phong tục tập quán khác nhau, các Tăng sĩ Phật giáo, nói riêng Tăng sĩ Phật giáo Theravàda hay Phật giáo Nam tông, vẫn giữ được sự hòa hợp đồng nhất với nhau trong cách sinh hoạt cộng đồng Tăng sĩ mỗi khi các vị hợp lại từ các đất nước dân tộc. Điều đó chính nhờ truyền thống Giới luật (vinaya), chính Giới luật đồng nhất đã tạo sự hài hòa và sự cảm thông giữa những vị Tăng sĩ sắc tộc khác nhau, quốc độ khác nhau.

Phật giáo có Tam Tạng Giáo Lý (tipi.taka) đồ sộ; trong đó Tạng Luật (vinayapi.taka) giữ vai trò cội rễ của giáo pháp, gồm có năm bộ luật:

1. luật Đại phân tích (mahaavibha"nga),
2. luật Tỳ Khưu ni phân tích (bhikkhuniivibha"nga),
3. luật Đại phẩm (mahaavagga),
4. luật Tiểu phẩm (cullavagga), và
5. bộ luật Phụ thuộc (parivaara).

Hai bộ luật đầu giải thích chi tiết các học giới (sikkhaapada) của hai phái Tăng (Tỳ khưu và Tỳ khưu ni), hai bộ luật kế lại dẫn giải những nghi thức tăng sự (sa"nghakamma), và bộ luật cuối cùng thì thống kê tổng hợp cả về giới và luật của 4 bộ kia.

Các vị Tỳ kheo trong Phật giáo cần phải học tập thông suốt Giới luật, gồm các học giới cấm chế và các phép tắc sinh hoạt trong đời sống tu sĩ, cá nhân và cộng đồng. Có như

thế giáo hội Tăng già (Sa"ngha) mới được tốt đẹp và có sức mạnh đoàn kết.

Quyển Luật Nghi Tổng Quát này không nêu đầy đủ những chi tiết về Giới và Luật; mà chỉ là trình bày tóm lược những nghi thức cần thiết để áp dụng trong những Tăng sự và phận sự thông thường.

Mục đích của chúng tôi buổi đầu khi soạn quyển Luật nghi Tổng Quát này là để dùng học tập các luật nghi ứng dụng cho gọn nhanh khỏi phải tra cứu khi cần; lại có thể làm cẩm nang cho các vị Luật sư mang theo bên mình.

Thoạt đầu chúng tôi chỉ soạn và ghi nguyên văn Paa.li thôi, nhưng về sau được sự khích lệ và gợi ý của các bậc Trưởng lão, các bậc Trí thức, khuyên nên dịch soạn song ngữ để dễ phổ biến trong Giáo hội Tăng già. Vì vậy chúng tôi mới dịch các văn bản Paa.li ra tiếng Việt, đồng thời cũng giải thích tóm tắt các sự kiện Tăng sự.

Quyển luật này, đã gọi là Luật Nghi Tổng Quát và là đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường xảy ra, do đó chúng tôi chỉ soạn dịch các Luật nghi thông thường mà thôi, như là : Lễ phát lồ, lễ tự tứ, phép nhập hạ, phép sám hối tội, phép trị phạt Tăng tàn, sự gián nghị, sự phê chuẩn xây cất, phép kết giới Siimaa, phép thọ y Ka.thina, phép truyền giới cụ túc, phép sử dụng y bát, ký gởi y bát, đưa lời thỏa thuận, sự cho phép rời tam y ...

Sự sắp xếp tiêu đề luật trong quyển luật nghi này, chúng tôi cũng có dụng ý chớ không phải không có; trước nhất là chúng tôi dựa theo sự xếp đặt tăng sự trong chánh tạng Mahaavagga và Cullavagga, kế đến là chúng tôi chủ ý muốn trình bày từ tăng sự (sinh hoạt tăng hội) đến phận sự (sinh hoạt cá nhân).

Với công đức biên soạn quyển Luật Nghi này, chúng tôi xin phát nguyện cho được đắc quả vô lậu giải thoát cùng tứ tuệ đạt thông trong tương lai.

Xin thành tâm hồi hướng phước này đến chư thiên hộ pháp các bậc hữu ân cha mẹ thầy tổ, cùng các thiện hữu trí đã động viên khích lệ chúng tôi hoàn thành công việc dịch soạn quyển sách.

Với tâm thành phát nguyện.

Mùa an cư 2529 TỲ KHEO GIÁC GIỚI

---o0o---

01. LỄ UPOSATHA (Bố-Tát hay Trai Giới)

Luật qui định, các vị Tỳ kheo mỗi nửa tháng một lần phải họp mặt để tụng đọc giới bổn Paa.timokkha. Ngày Uposatha - Bố-Tát được ấn định là ngày rằm và cuối tháng theo âm lịch.

Có 3 trường hợp Bố-tát:

1). Sa"ngha-uposatha, Tăng bố-tát. Tức là hội chúng có 4 vị Tỳ kheo trở lên họp mặt nơi Siimaa làm bố-tát; Tăng bố-tát phải làm theo cách tụng giới bổn Paa.timokkha.

2). Ga.na-uposatha, Nhóm bố-tát. Tức là hội chúng chỉ có 2 hoặc 3 vị Tỳ kheo họp mặt làm bố-tát; Trường hợp này không tụng giới mà chỉ làm bố-tát tỏ thanh tịnh (parisuddhi-uposatha) với nhau.

3). Puggala-uposatha, Người bố-tát. Tức là chỉ đơn độc một vị Tỳ-kheo trong ngày bố-tát, không tụng giới cũng không tỏ thanh tịnh, mà chỉ bố-tát chú nguyện (adhitthaana-uposatha).

***

1.1 Cách thức Sa"ngha-uposatha

Trước khi tụng giới phải cử hai vị Tỳ khưu thông hiểu đứng ra hỏi và đáp các luật lệ trong ngày bố-tát.

1.1.a Cách vấn đáp như sau

Vấn- Namo tassa bhagavato arahato sammaasambuddhassa... Su.naatu me bhante sa.ngho yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m aayasmanta.m "itthannaama.m" vinaya.m puc-cheyya.m.

Kính lễ Đức Thế Tôn Ưng Cúng Chánh Biến Tri ... Bạch Đức Tăng, xin Tăng hãy nghe tôi trình, nếu đã hợp thời với Tăng, tôi xin được hỏi luật tôn- giả tên vậy.

Đáp - Namo tassa bhagavato arahato sammaasambuddhassa... Su.naatu me bhante sa.ngho yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m aayasmataa "itthannaamena" vinaya.m pu.t.tho vissajjeyya.m.

Kính lễ Đức Thế Tôn Ưng Cúng Chánh Biến Tri ... Bạch Đức Tăng, xin Tăng hãy nghe tôi trình, nếu đã hợp thời với Tăng, tôi phải đáp luật do Tôn- giả tên vậy đã hỏi.

Vấn - Sammajjanii padiipo ca udaka.m aasanena ca uposathassa etaani pubbakaranan'ti vuccati. Ukaasa sammajjanii?

Việc quét dọn, đèn đuốc, nước nôi, chỗ ngồi, các việc đó là tiền sự trong ngày bố-tát. Vậy sự quét dọn là gì?

Đáp - Sammajjanakarana~nca.

Là việc lau bụi quét rác sạch sẽ chỗ hành lễ.

Vấn - Padiio ca?

Sao là đèn đuốc?

Đáp - Padiipa-ujjalana~nca. Idaani suri-yaalokassa natthitaaya padiipakicca.m atthi. (hay laa idaani suriyaalokassa atthitaaya padiipakic- ca.m natthi)

Là việc thắp đèn đốt đuốc cho sáng. Bây giờ không có ánh sáng mặt trời, phải có đèn. (bây giờ giờ có ánh sáng mặt trời, không cần thắp đèn).

Vấn - Udaka.m aasanena ca?

Nước và chỗ ngồi là sao?

Đáp - Aasanena saha paaniiyaparibhoja-niiya udaka.t.thapana~nca.

Là sự sắp đặt nước uống, nước rửa cùng với tọa cụ trải ngồi nơi hành lễ.

Vấn - Uposathassa etaani pubbakara-nan'ti vuccati?

Sao gọi là những tiền sự trong ngày bố-tát?

Đáp - Etaani cattaari vattaani sammajjana-kara.naadiini sa"nghasannipaatato pa.thama.m kat-tabbattaa uposathassa uposathakammassa pub-bakara.nan'ti vuccati pubbakara.naanii'ti akkhaa-taani.

Được gọi là tiền sự của Ngày bố-tát, vì bốn công việc đó như là quét dọn, vân vân, cần phải làm xong trước khi Tăng tụ hợp . Nói rằng tiền sự là thế.

Vấn - Chandapaarisuddhi utukkhaana.m bhikkhuga.nanaa ca ovaado uposathassa etaani pubbakiccan'ti vuccati chandapaarisuddhi?

Trình lời thoả hiệp, tỏ sự thanh tịnh, kể mùa tiết, đếm tăng số, việc giáo giới, những việc đó gọi là "tiền phận sự" của lễ bố-tát. Việc trình lời thoả hiệp và tỏ sự thanh tịnh là sao?

Đáp - Chandaarahaana.m bhikkhuuna.m chandapaarisuddhi aaharana~nca. Idha natthi.

Là sự đem trình tăng lời thoả hiệp và tịnh hạnh của những vị Tỳ khưu đáng gởi lời 1. Hôm nay không có2.

Vấn - Utukkhaana.m?

Việc kể mùa tiết?

Đáp - Hemantaadiina.m ti.n.na.m utuuna.m ettaka.m atikkanta.m ettaka.m avasi.t.than'ti eva.m utu aacikkhana.m utuunii'dha pana saasane hemanta-gimhavassaanaana.m vasena tiini honti (... * ...)

* (Cuối / 10 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto natthi uposatho atikkanto satta uposathaa avasi.t.thaa.

Trong Phật Giáo có ba mùa là mùa lạnh mùa nóng và mùa mưa, việc kể mùa tiết như sau, kể rằng đây là mùa nào trong ba mùa, đã trải qua bao nhiêu kỳ bố-tát? còn lại bao nhiêu kỳ? chẳng hạn như:

"Đây là mùa lạnh, trong mùa này có tám kỳ bố-tát, Nay là một kỳ Bố-tát đang diễn ra, chưa có kỳ bố-tát nào trải qua, vậy còn lại bảy kỳ bố-tát nữa".

* (Rằm / 11 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto eko uposatho atikkanto cha uposathaa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 11 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto dve uposathaa atikkantaa pa~nca uposathaa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 12 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto tayo uposathaa atikkantaa cattaaro uposathaa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 12 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cattaaro uposathaa atikkantaa tayo uposathaa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 1 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto pa~nca uposathaa atikkantaa dve uposathaa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 1 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cha uposathaa atikkantaa eko uposathaa avasi.t.tho.

* (Rằm / 2 âl) Aya.m hemanta-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto satta uposathaa atikkantaa. A.t.tha uposathaa paripu.n.naa.

* (Cuối / 2 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto natthi uposatho atikkanto satta uposathaa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 3 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto eko uposatho atikkanto cha uposathaa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 3 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto dve uposathaa atikkantaa pa~nca uposathaa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 4 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto tayo uposathaa atikkantaa cattaaro uposathaa avasi.t.thaa.

*(Cuối / 4 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cattaaro uposathaa atikkantaa tayo uposathaa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 5 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto pa~nca uposathaa atikkantaa dve uposathaa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 5 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cha uposathaa atikkantaa eko uposathaa avasi.t.tho.

* (Rằm / 6 âl) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi a.t.tha uposathaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto satta uposathaa atikkantaa a.t.tha uposathaa paripu.n.naa.

* (Cuối / 6 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto natthi uposatho atikkanto cha ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 7 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto eko uposatho atikkanto pa~nca ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 7 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto dve uposathaa atikkantaa cattaaro ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 8 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto tayo uposathaa atikkantaa tayo ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa avasi.t.thaa.

* (Cuối / 8 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cattaaro uposathaa atikkantaa dve ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa avasi.t.thaa.

* (Rằm / 9 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena pavaara.naadivaso sampatto pa~nca uposathaa atikkantaa dve uposathaa avasi.t.thaa.

Nếu chưa làm Tự Tứ, vẫn còn phát lồ thì rằng: Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto pa~nca uposathaa atik-kantaa eko ca uposatho ekaa ca pavaara.naa ava-si.t.thaa.

* (Cuối / 9 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto pa~nca ca uposathaa ekaa ca pavara.naa atikkantaa eko uposatho avasi.t.thaa.

Nếu ngày Tự-tứ dời đến hôm nay làm thì rằng: Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena pavaara.naadivaso sampatto cha uposathaa atik-kantaa eko uposatho avasi.t.tho.

(Rằm / 10 âl) Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cha ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa atikkantaa, satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa paripu.n.naa.

Nếu ngày nay làm tự tứ thì rằng . Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa. iminaa pakkhena pavaara.naa-divaso sampatto satta uposathaa atikkantaa satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa paripu.n.naa.

Kể theo năm có tháng nhuần:

* (kỳ 1 (nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa, imasmi.m pana utumhi adhikamaaso bhavissati tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto natthi uposatho atikkanto nava uposathaa avasi.t.thaa (rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto natthi uposatho atikkanto nava uposathaa avasi.t.thaa

(lược kể).

* (kỳ 2 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto eko uposatho atikkanto a.t.tha uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto eko uposatho atikkanto a.t.tha uposathaa avasi.t.thaa(lược kể).

* (kỳ 3 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana

sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto dve uposathaa atikkantaa satta uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto dve uposathaa atikkantaa satta uposathaa avasi.t.thaa(Lược kể).

* (kỳ 4 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto tayo uposathaa atikkantaa cha uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto tayo uposathaa atikkantaa cha uposathaa avasi.t.thaa(Lược kể).

* (kỳ 5 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cattaaro uposathaa atikkantaa pa~nca uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cattaaro uposathaa atikkantaa pa~nca uposathaa avasi.t.thaa (Lược kể).

* (kỳ 6 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto pa~nca uposathaa atikkantaa cattaaro uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa.Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto pa~nca uposathaa atikkantaa cattaaro uposathaa avasi.t.thaa (Lược kể).

* (kỳ 7 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto cha uposathaa atikkantaa tayo uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto cha uposathaa atikkantaa tayo uposathaa avasi.t.thaa(Lược kể).

* (kỳ 8 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana

sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto satta uposathaa atikkantaa dve uposathaa avasi.t.thaa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto satta uposathaa atikkantaa dve uposathaa avasi.t.thaa(Lược kể).

* (kỳ 9 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi, tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto a.t.tha uposathaa atikkantaa

eko uposatho avasi.t.tho (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto a.t.tha uposathaa atikkantaa eko uposatho avasi.t.tho (Lược kể).

* (kỳ 10 / nóng, nhuần) Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi pakativasena a.t.tha uposathaa adhikamaasavasena dasa uposathaa. Imasmi.m pana sa.mvacchare adhikamaaso atthi tasmaa iminaa pakkhena eko uposatho sampatto nava uposathaa atikkantaa dasa uposathaa paripu.n.naa (Rộng kể). Aya.m gimha-utu asmi.m utumhi adhikamaasavasena dasa uposathaa. Iminaa pak-khena eko uposatho sampatto nava uposathaa atikkantaa dasa uposathaa paripu.n.naa (Lược kể).

Vấn - Bhikkhuga.nanaa ca?

Việc đếm tăng số?

Đáp - Imasmi.m uposathagge sannipati taana.m bhikkhuuna.m ga.nanaa "cattaaro" bhikkhuu honti.

Tại phòng bố-tát này có số lượng tỳ khưu tụ hội là "bốn" vị tỳ khưu 3.

Vấn - Ovaado?

Việc giáo giới?

Đáp - Bhikkhuniina.m ovaado daatabbo. idaani pana taasa.m natthitaaya so ca ovaado idha natthi.

Là việc phải dạy đạo chư Tỳ khưu ni. Nhưng hiện nay vì Tỳ-khưu ni không còn nữa nên việc dạy đạo ấy không có.

Vấn - Uposathassa etaani pubbakiccan'ti vuccati?

Sao gọi rằng các việc đó là tiền phận sự của lễ bố-tát?

Đáp - Etaani pa~nca kammaani chandaaha-ra.naadiini paa.timokkhuddesato pa.thama.m kat-tabbattaa uposathassa uposathakammassa pub-bakiccan'ti vuccati pubbakiccaanii'ti akkhaataani.

Gọi là tiền phận sự của lễ bố-tát, tức nói đến các phận sự tiên khởi của lễ bố-tát; năm việc đó như là đem trình lời thoả hiệp.v.v... cần phải làm xong trước khi tụng giới bổn.

Vấn – Uposatho yaavatikaa ca bhikkhuu kammappattaa sabhaagaapattiyo ca na vijjanti vajjaniiyaa ca puggalaa tasmi.m na honti patta-kallan'ti vuccati. uposatho?

Ngày bố-tát, chừng ấy Tỳ khưu làm được tăng sự, không có đồng tội, trong chúng không có hạng người cần tránh, như thế gọi là hợp thời. Ngày bố-tát là gì?

Đáp - Tiisu uposathadivasesu catuddasii-pa.n.narasiisamaggiisu. Ajjuposatho "pa.n.nara-so".

Có ba ngày làm bố-tát là ngày 14, ngày rằm và ngày hòa hợp tăng 4. Ngày bố tát hôm nay là "ngày rằm" 5.

Vấn - Yaavatikaa ca bhikkhuu kammap-pattaa?

Chừng nhiêu vị Tỳ khưu làm được tăng sự?

Đáp - Yattakaa ca bhikkhuu tassa uposa-thakammassa pattaayuttaa anuruupaa sabban-timena paricchedena cattaaro bhikkhuu paka-tattaa sa.nghena anukkhittaa te ca kho hatthapaasa.m avijjahitvaa ekasiimaaya.m .thitaa.

Tối đa bao nhiêu vị Tỳ khưu cũng được, cũng thích hợp làm tăng sự bố-tát cả, nhưng tối thiểu cũng là bốn vị Tỳ khưu thanh tịnh không bị tăng nghị tội, và các vị ấy cùng trụ trong một giới Siimaakhông cách biệt hắc tay.

Vấn - Sabhaagaapattiyo ca na vijjanti?

Không có đồng tội là sao?

Đáp - Vikaalabhojanaadivatthu sabhaagaa-pattiyo ca na vijjanti.

Là không có các tội bị phạm giống nhau như thể đồng phạm tội ăn phi thời chẳng hạn.

Vấn - Vajjaniiyaa ca puggalaa tasmi.m na honti?

Trong chúng không có hạng người cần tránh là sao?

Đáp - Gaha.t.thapa.n.dakaadayo ekaviisati vajjaniiyapuggalaa hatthapaasato bahikara.nava-sena vajjetabbaa tasmi.m na honti.

Là trong chỗ tăng hội ấy không có 21 hạng người phải cách ly chẳng hạn như người thế tục, người bộ nấp v.v... 6 nên cách xa ngoài hắc tay.

Vấn - Pattakallan'ti vuccati?

Sao gọi là hợp thời ?

Đáp - Sa"nghassa uposathakamma.m ime-hi catuuhi lakkha.nehi sa.ngahita.m pattakal-lan'ti vuccati pattakaalavantan'ti akkhaata.m.

Gọi là hợp thời, tức nói đến tặng sự đúng thời điểm để làm, như việc bố-tát của tăng đã hội đủ bốn yếu tố này vậy.

Khi hỏi luật xong, vị vấn phải bạch thỉnh tụng giới như sau:

Pubbakara.napubbakiccaani samaapetvaa desitaapattikassa samaggassa bhikkhusa.n-ghassa anumatiyaa pa.timokkha.m uddisitu.m aaraadhana.m karomi.

Sau khi hoàn tất các tiền sự và phận sự tiên khởi, với sự đồng ý của tỳ khưu tăng hòa hợp và đã phát lồ tội lỗi, tôi cầu thỉnh tụng giới bổn.

Sau khi vấn đáp luật xong, một vị sẽ bắt đầu tụng giới (paa.timokkhuddeso).

Tụng giới, phải tụng thứ lớp năm phần uddesa, là:

1. Nidaanuddesa. Thuyết giới khởi. 2. Paaraajikuddesa, Thuyết giới triệt khai.

3. Sa"nghaadisesuddesa, Thuyết giới Tăng tàn. 4. Aniyatuddesa, Thuyết giới bất định. 5. Vitthaaruddesa, Thuyết giới tổng trì.

Tụng xong cả năm phần ấy mới tụng kết.

Trường hợp có điều trở ngại (antaraayika) thì được phép tụng giới tóm tắt.

***

---o0o---

1.1.b THUYẾT PHẦN DUYÊN KHỞI (Nidaanuddeso)

Namo tassa bhagavato arahato sammaa-sambuddhassa ...

Kính lễ Đức Thế Tôn bậc Ứng cúng đấng Chánh đẳng giác.

Su.naatu me bhante sa.ngho ajj' uposatho "pa.n.naraso" 7 yadi sa"nghassa pattakalla.m sa.ngho uposatha.m kareyya paatimokkha.m uddiseyya.

Ki.m sa"nghassa pubbakicca.m? paarisud-dhi.m aayasmanto aarocetha paa.timokkha.m ud-disissaami ta.m sabb' eva santaa saadhuka.m su.noma manasikaroma yassa siyaa aapatti so aavikareyya asantiyaa aapattiyaa tu.nhii bhavi-tabba.m. Tu.nhii bhaavena kho pan'aayasmante parisuddhaa ' ti vedissaami. yathaa kho pana paccekapu.t.thassa veyyaakara.na.m hoti. Evame-va.m evaruupaaya parisaaya yaavatatiya.m anus-saavita.m hoti. Yo pana bhikkhu yaavatatiya.m anussaaviyamaane saramaano santi.m aapatti.m n'aavikareyya sampajaanamusaavaadassa hoti sampajaanamusaavaado kho pan' aayasmanto antaraayiko dhammo vutto bhagavataa tasmaa saramaanena bhikkhunaa aapannena visuddhaa-pekkhena santii aapatti aavikaatabbaa aavikataa hi'ssa phaasu hoti.

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto nidaana.m.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Nidaanuddeso ni.t.thito.

Bạch Đại Đức Tăng, xin Tăng hãy nghe tôi nói, hôm nay là lễ bố-tát ngày rằm. Nếu đã hợp thời, chúng tăng có thể cử hành lễ bố-tát thuyết giới ba-đề- mộc-xoa.

Phận sự trước tiên của Tăng là gì? là các Tôn Giả hãy bày tỏ sự thanh tịnh, tôi sẽ thuyết giới ba-đề-mộc-xoa. Khi tất cả thanh tịnh hãy lắng nghe hãy khéo tác ý giới bổn; vị nào có tội lỗi phải sám hối, vị không có tội thì nên im lặng. Do sự im lặng mà tôi biết rằng các Tôn-giả được thanh tịnh. Cũng như một người bị cật vấn phải trả lời thế nào thì cũng vậy giữa hội chúng nầy sẽ được bố cáo ba lần. Vị Tỳ khưu nào khi được bố cáo ba lần,nhớ mà chẳng sám hối tội lỗi thì vị ấy phạm lỗi biết vẫn nói dối; Thưa các tôn giả, sự biết vẫn nói dối là một pháp chướng ngại mà Đức Thế Tôn đã nói; bởi thế với vị Tỳ khưu đã phạm tội nhớ ra và muốn thanh tịnh thì cần phải sám hối tội lỗi, khi đã sám

hối thì vị ấy có sự an vui.

Thưa chư Tôn Giả, duyên khởi đã nói xong.

Ở đây tôi xin hỏi các Tôn Giả; các vị có được thanh tịnh chăng? Tôi hỏi lần thứ nhì, các vị có được thanh tịnh chăng? Tôi hỏi lần thứ ba, các vị có được thanh tịnh chăng?

DỨT PHẦN THUYẾT DUYÊN KHỞI.

***

1.1.c THUYẾT GIỚI TRIỆT KHAI (Paaraajikuddeso)

Tatr' ime cattaaro paaraajikaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Yo pana bhikkhu bhikkhuuna.m sik-khaasaajiivasamaapanno sikkha.m appaccakkhaaya dubbalya.m anaavikatvaa methuna.m dhamma.m pa.tiseveyya antamaso tiracchaanagataayapi paaraajiko hoti asa.mvaaso.

2. Yo pana bhikkhu gaamaa vaa ara~n~naa vaa adinna.m theyyasa.nkhaata.m aadiyeyya yathaa-ruupe adinnaadaane raajaano cora.m gahetvaa haneyyu.m vaa bandheyyu.m vaa pabbaajeyyu.m vaa

coro' si baalo' si muu.lho' si theno' sii' ti tathaaruupa.m bhikkhu adinna.m aadiyamaano ayampi paaraajiko hoti asa.mvaaso.

3. Yo pana bhikkhu sa~ncicca manussa-viggaha.m jiivitaa voropeyya satthahaaraka.m vaa' ssa pariyeseyya mara.nava.n.na.m vaa sa.mva.n- .neyya mara.naaya vaa samaadapeyya ambho purisa ki.m tuyh ' iminaa paapakena dujjiivitena matante jiivitaa seyyo'ti iticittamano cittasa.n- kappo anekapariyaayena mara.nava.n.na.m vaa sa.mva.n.neyya mara.naaya vaa samaadapeyya ayampi paaraajiko hoti asa.mvaaso.

4. Yo pana bhikkhu anaabhijaana.m uttari-manussadhamma.m attuupanaayika.m alamari-ya~n~naa.nadassana.m samudaacareyya iti jaanaami iti passaamii'ti tato aparena samayena sama-nuggaahiyamaano vaa asamanuggaahiyamaano vaa aapanno visuddhaapekkho eva.m vadeyya ajaa-na.m eva.m aavuso avaca.m jaanaami apassa.m passaami tuccha.m musaavilapin'ti a~n~natra adhimaanaa ayampi paaraajiko hoti asa.mvaaso.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto cattaaro paaraajikaa dhammaa yesa.m bhikkhu a~n~natara.m vaa a~n~natara.m vaa aapajjitvaa na labhati bhikkhuuhi saddhi.m sa.mvaasa.m yathaa pure tathaa pacchaa paaraajiko hoti asa.mvaaso.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh' etthaayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Paaraajikuddeso ni.t.thito.

Bạch chư Tôn giả, Bốn pháp triệt khai ở đây phải thuyết giới như sau:

1. Vị Tỳ khưu nào đã thọ trì học giới và hạnh sống của hàng Tỳ Khưu, khi chưa xả bỏ học giới, chưa bày tỏ sự yếu kém mà hành động dâm dục, thậm chí với loài thú vật, vị ấy bị tội triệt khai bất cộng trụ.

2. Vị Tỳ khưu nào lấy trộm cắp vật chưa được cho, ở nơi xóm làng hoặc ở rừng, nếu trộm vật như thế nào mà khi Vua bắt được kẻ trộm có thể giết hoặc cầm tù hoặc lưu đày, trách rằng: Ngươi là tên trộm, người là kẻ ngu si,

ngươi là kẻ sai lạc, ngươi là đạo tặc". Vị Tỳ khưu khi lấy trộm vật như thế phạm tội triệt khai bất cộng trụ.

3. Vị Tỳ khưu nào cố ý đoạt mạng sống con người, hoặc tìm phương tiện khí giới cho người, hoặc khen ngợi sự chết, hoặc xúi giục chết, nói rằng: Hởi người, có ích gì cho ngươi với mạng sống khổ xấu xa này, người nên chết tốt hơn là sống" suy nghĩ tính toán như vậy rồi dùng nhiều cách thức khen ngợi sự chết, xúi giục cho chết, thì vị này phạm tội Triệt khai bất cộng trụ.

4. Vị Tỳ khưu nào chưa chứng tri lại khoe khoang pháp thượng nhân tự thể nhập tương ứng thánh tri kiến, nói rằng: "Tôi biết tôi thấy như vậy", thời gian sau đó dù có bị thẩm vấn hay không bị thẩm vấn, nhưng muốn được trong sạch bèn nói lại như sau: "Thưa chư hiền, tôi không biết như vậy mà tôi nói tôi biết, tôi không thấy mà nói tôi thấy, thành ra nói dối nói láo." Dù thế vị này cũng phạm tội triệt khai bất cộng trụ, trừ phi tăng thượng mạn.

Thưa chư tôn giả, bốn pháp triệt khai đã được thuyết giới. Vị Tỳ khưu phạm bất cứ một điều nào đều không được cộng trú với các vị Tỳ khưu, trước như thế nào thì sau cũng thế ấy, vị đó phạm triệt khai bất cộng trụ.

Ở đây, tôi xin hỏi chư Tôn giả, các Ngài có thanh tịnh chăng?

Lần thứ hai tôi xin hỏi, các Ngài có thanh tịnh chăng?

Lần thứ ba tôi xin hỏi, các Ngài có thanh tịnh chăng?

Chư tôn giả ở đây thanh tịnh do đó mới im lặng,Tôi ghi nhận việc đó là vậy.

DỨT PHẦN THUYẾT GIỚI TRIỆT KHAI.

***

1.1.d THUYẾT GIỚI TĂNG TÀN (Sa"nghaadisesuddeso)

Ime kho pan' aayasmanto terasa sa"nghaa-disesaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Sa~ncetanikaa sukkavisa.t.thi a~n~natra supinantaa sa"nghaadiseso.

2. Yo pana bhikkhu oti.n.no vipari.natena cittena maatugaamena saddhi.m kaayasa.msagga.m samaapajjeyya hatthaggaaha.m vaa

ve.niggaaha.m vaa a~n~natarassa vaa a~n~natarassa vaa a.ngassa paraamasana.m sa"nghaadiseso.

3. Yo pana bhikkhu oti.n.no vipari.natena cittena maatugaama.m du.t.thullaahi vaacaahi obhaa-seyya yathaata.m yuvaa yuvati.m methunuupasa~n-hitaahi sa"nghaadiseso.

4. Yo pana bhikkhu oti.n.no vipari.natena cittena maatugaamassa santike attakaamapaari-cariyaaya va.n.na.m bhaaseyya etadagga.m bhagini paaricariyaana.m yaa maadisa.m siilavanta.m kalyaa-na dhamma.m brahmacaari.m etena dhammena paricareyyaa'ti methunuupasa~nhitena sa"nghaa-diseso.

5. Yo pana bhikkhu sa~ncaritta.m samaa-pajjeyya itthiyaa vaa purisamati.m purisassa vaa itthiimati.m jaayattane vaa jaarattane vaa antamaso ta.mkha.nikaaya pi sa"nghaadiseso.

6. Sa~n~naacikaaya pana bhikkhunaa kuti.m kaarayamaanena assaamika.m attuddesa.m pamaa-.nikaa kaaretabbaa tatrida.m pamaa.na.m diighaso dvaadasavidatthiyo sugatavidatthiyaa tiriya.m sattantaraa bhikkhuu abhinetabbaa vatthudesa-naaya tehi bhikkhuuhi vatthu.m desetabba.m anaarambha.m saparikkamana.m saarambhe ce bhikkhu vatthusmi.m aparikkamane sa~n~naaci-kaaya kuti.m kareyya bhikkhuu vaa anabhineyya vatthudesanaaya pamaa.na.m vaa atikkaameyya sa"nghaadiseso.

7. Mahallaka.m pana bhikkhunaa vihaara.m kaarayamaanena sassaamika.m attud-desa.m bhikkhuu abhinetabbaa vatthudesanaaya tehi bhikkhuuhi vatthu.m desetabba.m anaa-rambha.m saparikkamana.m saarambhe ce bhikkhuvatthusmi.m aparikkamane mahal-laka.m vihaara.m kaareyya bhikkhuu vaa ana-bhineyya vatthudesanaaya sa"nghaadiseso.

8- Yo pana bhikkhu bhikkhu.m du.t.tho doso appatiito amuulakena paaraajikena dham-mena anuddha.mseyya appeva naama na.m imamhaa brahmacariyaa caaveyyan'ti tato apa-rena samayena samanuggaahiyamaano vaa asa-manuggaahiyamaano vaa amuulaka~nceva ta.m adhikarana.m hoti bhikkhu ca dosa.m pati.t-.thaati sa"nghaadiseso.

9.Yo pana bhikkhu bhikkhu.m du.t.tho doso appatiito a~n~nabhaagiyassa adhikara.nassa ki~nci desa.m lesamatta.m upaadaaya paaraajikena dhammena anuddha.mseyya appeva naama na.m imamhaa brahmacariyaa caaveyyan' ti tato aparena samayena samanuggaahiyamaano vaa asamanuggaahiyamaano vaa a~n~nabhaagiya~nceva ta.m adhikarana.m hoti koci deso lesamatto upaadinno bhikkhu ca dosa.m pati.t.thaati sa"nghaadiseso.

10. Yo pana bhikkhu samaggassa sa.n-ghassa bhedaaya parakkameyya bhedanasa.m-vattanika.m vaa adhikarana.m samaadaaya paggayha tittheyya. So bhikkhu bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo maa aayasmaa samaggassa sa"nghassa bhedaaya parakkami bhedanasa.m-vattanika.m vaa adhikara.na.m samaadaaya paggayha a.t.thaasi samet'aayasmaa sa.nghena samaggo hi sa.ngho sammodamaano avivada-maano ekuddeso phaasu viharatii' ti. Eva~nca so bhikkhu bhikkhuuhi vuccamaano tath' eva pagga.nheyya so bhikkhu bhikkhuuhi yaavata-tiya.m

samanubhaasitabbo tassa pa.tinissaggaaya yaavatatiya~nce samanubhaasiyamaano ta.m pa.ti-nissajjeyya icceta.m kusala.m no ce pa.tinis-sajjeyya sa"nghaadiseso.

11. Tass'eva kho pana bhikkhussa bhik-khuu honti anuvattakaa vaggavaadakaa eko vaa dve vaa tayo vaa te eva.m vadeyyu.m maa aayasmanto eta.m bhikkhu.m ki~nci avacuttha dhammavaadii c'eso bhikkhu vinayavaadii c' eso bhikkhu am-haaka~nc'eso bhikkhu chanda~nca ruci~nca aadaaya voharati jaanaati no bhaasati amhaakamp' eta.m khamatii'ti. Te bhikkhuu bhikkhuuhi evam-assu vacaniiyaa maa aayasmanto eva.m avacuttha na c'eso bhikkhu dhammavaadii na c'eso bhikkhu vinayavaadii maa aayasmantaanampi sa"nghabhedo rucittha samet' aayasmantaana.m sa.nghena samaggo hi sa.ngho sammodamaano aviva-damaano ekuddeso phaasu viharatii'ti. Eva~nca te bhikkhuu bhikkhuuhi vuccamaanaa tath'eva pagga.nheyyu.m te bhikkhuu bhikkhuuhi yaava-tatiya.m samanubhaasitabbaa tassa pa.tinissag-gaaya. Yaavatatiya~nce samanubhaasiyamaanaa ta.m pa.tinissajjeyyu.m icceta.m kusala.m no ce pa.tinissajjeyyu.m sa"nghaadiseso.

12. Bhikkhu pan'eva dubbacajaatiko hoti uddesapariyaapannesu sikkhaapadesu bhikkhuu-hi sahadhammika.m vuccamaano attaana.m avacaniiya.m karoti maa ma.m aayasmanto ki~nci avacuttha kalyaana.m vaa paapaka.m vaa ahamp' aayasmante na ki~nci vakkhaami kalyaana.m vaa paapaka.m vaa viramath' aayamanto mama vacanaayaa'ti. So

bhikkhu bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo maa aayasmaa attaana.m avacaniiya.m akaasi vacaniiyameva aayasmaa attaana.m karotu aayasmaapi bhikkhuu vadetu sahadhammena bhikkhuupi aayasmanta.m vakkhanti sahadham-mena eva.m sa.mva.d.dhaa hi tassa bhagavato parisaa yadida.m a~n~nama~n~navacanena a~n~na-ma~n~navu.t.thaapanenaa' ti. Eva~nca so bhikkhu bhikkhuuhi vuccamaano tath'eva pagga.nheyya so bhikkhu bhikkhuuhi yaavatatiya.m samanu-bhaasitabbo tassa pa.tinissaggaaya. Yaavata-tiya~nce samanubhaasiyamaano ta.m pa.tinissaj-jeyya icceta.m kusala.m no ce pa.tinissajjeyya sa"nghaadiseso.

13. Bhikkhu pan' eva a~n~natara.m gaama.m vaa nigama.m vaa upanissaaya viharati kuladuusako paapasamaacaaro. Tassa kho paapakaa samaacaaraa dissanti c'eva suyyanti ca kulaani ca tena du.t.thaani dissanti c'eva suyyanti ca. So bhikkhu bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo aayas-maa kho kuladuusako paapasamaacaaro aayasmato kho paapakaa samaacaaraa dissanti c'eva suyyanti ca kulaani c' aayasmataa du.t.thaani dissanti c'eva suyyanti ca pakkamat' aayasmaa imamhaa aavaasaa alante idha vaasenaa' ti. Eva~nca so bhikkhu bhikkhuuhi vuccamaano te bhikkhuu eva.m vadeyya chandagaamino ca bhikkhuu dosagaa-mino ca bhikkhuu mohagaamino ca bhikkhuu bhayagaamino ca bhikkhuu taadisikaaya aapattiyaa ekacca.m pabbaajenti ekacca.m na pabbaa jentii'ti. So bhikkhu bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo maa aayasmaa eva.m avaca na ca bhikkhuu chandagaamino na ca bhikkhuu dosa-gaamino na ca bhikkhuu mohagaamino na ca bhikkhuu bhayagaamino aayasmaa kho kuladu-sako paapasamaacaaro aayasmato kho paapakaa samaacaaraa dissanti c'eva suyyanti ca kulaani c' aayasmataa du.t.thaani dissanti c'eva suyyanti ca

pakkamat aayasmaa imamhaa aavaasaa alante idha vaasenaa'ti. Eva~nca so bhikkhu bhikkhuuhi vuccamaano tath' eva pagga.nheyya so bhikkhu bhikkhuuhi yaavatatiya.m samanubhaasitabbo tassa pa.tinissaggaaya. Yaavatatiya~nce samanu-bhaasiyamaano ta.m pa.tinissajjeyya icceta.m kusala.m no ce pa.tinissajjeyya sa"nghaadiseso.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto terasa sa"nghaadisesaa dhammaa nava pa.thamaapattikaa cattaaro yaavatatiyakaa. Yesa.m bhikkhu a~n~na- tara.m vaa a~n~natara.m vaa aapajjitvaa yaavatiha.m jaana.m pa.ticchaadeti taavatiha.m tena bhikkhunaa akaamaa parivatthabba.m parivutthaparivaasena bhikkhunaa uttari.m chaaratta.m bhikkhumaanat- taaya pa.tipajjitabba.m. Ci.n.namaanatto bhikkhu yattha siyaa viisatiga.no

bhikkhusa.ngho tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce uuno viisatigano bhikkhusa.ngho ta.m bhikkhu.m ab-bheyya so ca bhikkhu anabbhito te ca bhikkhuu gaarayhaa. Aya.m tattha saamiici.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh' etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Sa"nghaadisesuddeso ni.t.thito.

Thưa chư Tôn Giả đây là mười ba pháp Tăng Tàn được thuyết giới.

1. Cố ý làm di tinh, phạm Tăng tàn, ngoại trừ mộng tinh.

2. Tỳ khưu nào do tâm dục nhiễm dồn nén, xúc chạm thân người nữ, hoặc hoặc nắm tay hoặc nắm tóc hoặc rờ chạm bất cứ chi thể nào, phạm Tăng tàn.

3. Tỳ khưu nào do tâm dục nhiễm dồn nén, nói lời tục tỉu với phụ nữ, như thể trai với gái liên hệ dâm dục, phạm Tăng tàn.

4. Tỳ khưu nào do tâm dục nhiễm dồn né, đối trước phụ nữ lại ca ngợi sự cung phụng dục lạc cho mình, nói rằng "Này cô em, sự cung phụng này là tối thượng, tức là cô nào với pháp dâm dục cung phụng bậc giới hạnh thiện hạnh phạm hạnh như tôi đây". Bởi liên hệ dâm dục, phạm Tăng tàn.

5. Tỳ khưu nào làm mai mối, là đem ý người nam nói với người nữ, hoặc đem ý người nữ nói với người nam, để làm vợ chồng hoặc để làm tình nhân, dù chỉ cho họ đến nhau chốc lát, phạm Tăng tàn.

6. Thất liêu do Tỳ khưu tự quyên góp xây cất, không có thí chủ, tự làm cho mình, thì cần phải làm đúng kích cở, trong điều này đúng kích cở là mười hai gang chiều dài, bảy gang chiều ngang, theo gang tay Đức Phật 8 phải mời chư Tỳ khưu để chỉ định nơi chốn, nơi chốn được tỳ khưu ấy chỉ định là chỗ không có trở ngại, có lối thông. Nếu vị Tỳ khưu làm thất liêu do tự quyên góp, làm ở chỗ có trở ngại, không lối thông, cũng không mời các Tỳ khưu để chỉ định nơi chổ, vượt quá kích cở, phạm Tăng Tàn.

7. Tịnh xá lớn mà Tỳ khưu xâng dựng cho mình, có thí chủ cúng, phải mời chư Tỳ khưu để chỉ định nơi chốn, nơi chốn được các Tỳ khưu ấy chỉ định là chỗ không có trở ngại, có lối thông; nếu vị Tỳ khưu làm tịnh xá lớn ở nơi có điều trở ngại, không lối thông, lại không mời các Tỳ khưu để chỉ định nơi chỗ, phạm Tăng Tàn.

8. Tỳ khưu nào phẩn nộ sân hận bất bình, vu khống vị Tỳ khưu với tội triệt khai không căn cứ, nghĩ rằng làm vị ấy bại hoại phạm hạnh này. Sau lúc đó, có bị gạn hỏi hay chưa được gạn hỏi, sự tố tụng ấy là vô căn cứ và dù Tỳ khưu này có nhìn nhận lỗi lầm vẫn phạm Tăng Tàn.

9. Tỳ khưu nào phẫn nộ sân hận bất bình, vịn cớ nhỏ nào đó của một sự vụ khác rồi vu khống vị Tỳ khưu với tội triệt khai, nghĩ rằng làm vị ấy bại hoại phạm hạnh này. Sau lúc đó, bị gạn hỏi hay chưa được gạn hỏi, nhưng sự tố tụng ấy là sự vụ khác được vịn lấy cớ nhỏ, và Tỳ khưu này có nhìn nhận lỗi lầm vẫn phạm Tăng Tàn.

10. Tỳ khưu nào cố gắng phá vỡ hòa hợp Tăng, hoặc sống chấp giữ tranh sự dẫn đến chia rẻ; Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu nhắc bảo như sau: "Tôn Giả chớ cố gắng phá vỡ hòa hợp tăng, hay đừng sống chấp giữ tranh sự dẫn đến chia rẻ, Tôn Giả hãy đoàn kết với tăng, vì Tăng hòa hòa hợp hoan hỷ nhau, không tranh cải, đồng quan điểm, sẽ trú an lạc". Tỳ khưu ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo như vậy mà vẫn cố chấp như thế Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Nếu khi được can gián ba lần mà bỏ sự ấy thì tốt, nếu không bỏ, phạm Tăng Tàn.

11. Những vị Tỳ khưu tùng bọn phe đảng của Tỳ khưu chia rẻ ấy, có một, hoặc hai hoặc ba vị; họ nói như sau: "Chư Tôn Giả chớ nói gì vị Tỳ kheo ấy, tỳ kheo đó là bậc thuyết pháp, thuyết luật, Tỳ khưu đó lấy điều tâm tư nguyện vọng của chúng tôi mà tỏ bày cảm thông và nói ra theo chúng tôi, vả lại chúng tôi cũng chấp nhận". Các Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu nhắc bảo rằng: "Các Tôn Giả đừng nói như vậy, Tỳ khưu đó không phải là vị thuyết pháp, thuyết luật, các Tôn Giả chớ vui thích chia rẻ tăng, các Tôn giả hãy đoàn kết với Tăng, vì Tăng hòa hợo, hoan hỷ nhau, không tranh cải, đồng quan điểm, sẽ trú an lạc." Các vị Tỳ khưu ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo như vậy mà vẫn cố chấp thì các Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Nếu khi được can gián ba lần mà bỏ sự ấy thì tốt, nếu không bỏ, phạm Tăng Tàn.

12. Vị Tỳ khưu có tánh khó dạy khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo đúng pháp theo những điều học liên quan giới bổn, tỏ ra mình không cần khuyên dạy, rằng: "Các tôn giả đừng nói chi đến tôi điều tốt hay xấu, tôi cũng không nói gì đên các Tôn Giả điều tốt hay điều xấu; các Tôn Giả hãy thôi khuyên dạy tôi". Vị Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu nói như sau:

"Xin Tôn giả chớ tỏ ra mình khó dạy, hãy làm người dễ dạy; Tôn giả hãy nhắc bảo chư Tỳ khưu theo đúng pháp, chư Tỳ khưu cũng sẽ nhắc bảo Tôn giả theo đúng pháp, như vậy hội chúng của Đức Thế Tôn được tăng thịnh tức là nhờ sự nhắc bảo lẫn nhau, thức tỉnh lẫn nhau". Vị Tỳ khưu ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc nhở như vậy mà vẫn cố chấp thế ấy thì vị Tỳ khưu đó cần được chư Tỳ khưu can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Nếu được can gián ba lần mà bỏ sự ấy thì tốt, nếu không bỏ, phạm Tăng Tàn.

13. Vị Tỳ khưu sống nương làng mạc hay thị trấn nào đó, làm nhơ nhà người, có hành vi xấu; những hành vi xấu của vị ấy đều được thấy được nghe, các tục gia bị vị ấy làm nhơ cũng đều được thấy được nghe. Vị Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu khuyên nhắc như sau: "Tôn giả là kẻ làm nhơ nhà người, có hành vi xấu, những hành vi xấu của Tôn giả đều được thấy được nghe, các tục gia bị Tôn giả làm nhơ cũng đều được thấy được nghe; Tôn giả hãy đi khỏi chỗ này; đủ rồi cuộc sống của ông tại đây !". vị Tỳ khưu ấy đi được chư Tỳ khưu nhắc bảo như vậy lại nói với chư Tỳ khưu như sau; "chư Tỳ khưu là tây vị thương, chư Tỳ khưu tây vị ghét, chư Tỳ khưu tây vị dốt nát chư Tỳ khưu tây vị sợ hải; tội phạm như nhau mà có người đuổi đi, có người không đuổi". Vị Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu khuyên bảo như vầy: "Tôn giả chớ có nói như vậy, chư Tỳ khưu không tây vị thương, chư Tỳ khưu không tây vị ghét, chư Tỳ khưu không tây vị dốt nát, chư Tỳ khưu không tây vị sợ hãi đâu; Tôn giả là kẻ làm nhơ nhà người, có hành vi xấu, những hành vi xấu của Tôn giả đều được thấy được nghe, các tục gia bị Tôn giả làm nhơ cũng đều được thấy được nghe; Tôn giả hãy đi khỏi chỗ này ! đủ rồi cuộc sống của ông tại đây !". vị Tỳ khưu ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc nhở như vậy mà vẫn cố chấp thế ấy thì vị Tỳ khưu đó cần được chư Tỳ khưu can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Nếu được can gián ba lần mà bỏ sự ấy thì tốt, nếu không bỏ, phạm Tăng tàn.

Bạch chư Tôn giả, mười ba pháp Tăng Tàn đã được thuyết giới; có chín điều phạm ngay lúc đầu, bốn điều phạm sau ba lần can gián, vị Tỳ khưu vi phám bất cứ điều nào, biết mà che dấu đến bao nhiêu ngày thì Tỳ khưu ấy phải bị biệt trú cưởng bức bấy nhiêu ngày; Tỳ khưu đã mãn hạ biệt trú cần phải thực hành thêm sáu đêm tự hối. Tỳ khưu đã đủ thời tự hối, vị ấy phải được

phục vị tại nơi mà có Tỳ khưu Tăng túc số hai mươi vị. Nếu Tỳ khưu Tăng thiếu túc số hai mươi, dù chỉ thiếu một, lại phục vị cho Tỳ khưu ấy, thì vị Tỳ khưu ấy vẫn không được phục vị, còn chư Tỳ khưu kia đáng quở trách. Đây là cách hợp thức hóa.

Ở đây tôi xin hỏi chư Tôn giả, các ngài có thanh tịnh chăng? Lần thứ nhì, tôi xin hỏi, các ngài có thanh tịnh chăng? Lần thứ ba, tôi hỏi, các ngài có thanh tịnh chăng? Chư Tôn giả được thanh tịnh nên mới im lặng, tôi ghi nhận việc đó là vậy.

DỨT THUYẾT GIỚI TĂNG TÀN.

---o0o---

1.1.e THUYẾT GIỚI BẤT ĐỊNH (Aniyatuddeso)

Ime kho pan'aayasmanto dve aniyataa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Yo pana bhikkhu maatugaamena saddhi.m eko ekaaya raho pa.ticchanne aasane ala.nkammaniye nissajja.m kappeyya tamena.m saddheyyavacasaa upaasikaa disvaa ti.n.na.m dhammaana.m a~n~natarena vadeyya paaraajikena vaa sa"nghaadisesena vaa paacittiyena vaa nisajja.m bhikkhu pa.tijaanamaano ti.n.na.m dhammaana.m a~n~natarena kaaretabbo paaraajikena vaa sa.n- ghaadisesena vaa paacittiyena vaa yena vaa saa saddheyyavacasaa upaasikaa vadeyya tena so bhikkhu kaaretabbo. Aya.m dhammo aniyato.

2. Na h'eva kho pana pa.ticchanna.m aasana.m hoti n'aala.nkammaniya.m ala~nca kho hoti maatugaama.m du.t.thullaahi vaacaahi obhaasi-tu.m. Yo pana bhikkhu tathaaruupe aasane maatugaamena saddhi.m eko ekaaya raho nisaj-ja.m kappeyya tamena.m saddheyyavacasaa upaasikaa disvaa dvinna.m dhammaana.m a~n~na-tarena vadeyya sa"nghaadisesena vaa paacittiyena vaa nisajja.m bhikkhu pa.tijaanamaano dvinna.m dhammaana.m a~n~natarena kaaretabbo sa"nghaadi-sesena vaa paacittiyena vaa yena vaa saa saddhey-yavacasaa upaasikaa vadeyya tena so bhikkhu kaaretabbo. Ayampi dhammo aniyato.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto dve aniyataa dhammaa.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Aniyatuddeso ni.t.thito.

Thưa Tôn giả, Đây là hai pháp bất định được thuyết giới:

1. Vị Tỳ khưu nào cùng với người nữ, một với một, ngồi ở nơi che đậy kín đáo, chỗ có thể hành động quấy có người cận sự nữ tín ngôn thấy được bèn tố cáo một tội nào trong ba tội là triệt khai hoặc Tăng Tàn hoặc ưng đối trị; và nếu vị Tỳ khưu thú nhận có ngồi thật thì cần xử trị theo một tội nào trong ba tội là triệt khai hoặc Tăng Tàn hoặc ưng đối trị. Bằng như người cận sự nữ tín ngôn ấy tố cáo ngay tội nào thì vị Tỳ khưu ấy phải được xử theo tội đó. Đây là pháp bất định.

2. Mặc dù chỗ ngồi không che kín đáo, chỗ không thể hành động quấy, nhưng là nơi đủ để chọc ghẹo người nữ bằng lời dâm tục. Vị Tỳ khưu nào cùng với người nữ, một với một ngồi ở nơi khuất vắng như thế; có người cận sự nữ tín ngôn thấy được bèn tố cáo một tội nào trong hai tội là Tăng tàn hoặc ưng đối trị, và nếu vị Tỳ khưu thú nhận có ngồi thật thì cần xử trị theo một tội nào trong hai tội là Tăng tàn hoặc ưng đối trị. Bằng như người cận sự nữ tín ngôn ấy tố cáo ngay tội nào thì vị Tỳ khưu ấy phải được xử theo tội đó. Đây cũng là pháp bất định.

Bạch Chư tôn giả, hai pháp bất định đã được tổng thuyết. Ở đây tôi xin hỏi các tôn giả, các Ngài có thanh tịnh chăng?

Lần thứ nhì, tôi xin hỏi, các ngài có thanh tịnh chăng?

Lần thứ ba, tôi xin hỏi, các ngài có thanh tịnh chăng?

Ở đây các Tôn giả được thanh tịnh bởi thế mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc đó là vậy.

DỨT THUYẾT GIỚI BẤT ĐỊNH.

***

1.1.f THUYẾT GIỚI ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ (Nissaggiyapaacittiye vitthaaruddeso)

Ime kho pan' aayasmanto ti.msa nissag-giyaa paacittiyaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Ni.t.thitaciivarasmi.m bhikkhunaa ub-bhatasmi.m ka.thine dasaahaparama.m atirekacii-vara.m dhaaretabba.m ta.m atikkaamayato nissag-giya.m paacittiya.m.

2. Ni.t.thitaciivarasmi.m bhikkhunaa ub-bhatasmi.m ka.thine ekaratta.mpi ce bhikkhu ticiivarena vippavaseyya a~n~natra bhikkhu sammatiyaa nissaggiya.m paacittiya.m.

3. Ni.t.thitaciivarasmi.m bhikkhunaa ub-bhatasmi.m ka.thine bhikkhuno pan'eva akaalaciivara.m uppajjeyya aaka.nkhamaanena bhikkhunaa pa.tiggahetabba.m pa.tiggahetvaa khippameva kaaretabba.m no c'assa paaripuuri maasaparamantena bhikkhunaa ta.m ciivara.m nikkhipitabba.m uunassa paaripuuriyaa satiyaa paccaasaaya. Tato ce utari.m nikkhipeyya sati-yaapi paccaasaaya nissaggiya.m paacittiya.m.

4. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhik-khuniyaa puraa.naciivara.m dhovaapeyya vaa rajaa-peyya vaa aako.taapeyya vaa nissaggiya.m paa- cittiya.m.

5. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhik-khuniyaa hatthato ciivara.m pa.tigganheyya a~n-~natra paariva.t.takaa nissaggiya.m paacittiya.m.

6. Yo pana bhikkhu a~n~naataka.m gaha-pa.ti.m vaa gahapataani.m vaa ciivara.m vi~n~naapeyya a~n~natra samayaa nissaggiya.m paacittiya.m. Tath' aaya.m samayo acchinnaciivaro vaa hoti bhikkhu na.t.thaciivaro vaa. Aya.m tattha samayo.

7. Ta~nce a~n~naatako gahapati vaa gahapa-taanii vaa bahuuhi ciivarehi abhiha.t.thu.m pavaa-reyya santaruttaraparamantena bhikkhu-naa tato ciivara.m saaditabba.m tato ce uttari.m saadiyeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

8. Bhikkhu.m pan'eva uddissa a~n~naata-kassa gahapatissa vaa gahapataaniyaa vaa ciivara-cetaapana.m upakkhata.m hoti: Iminaa ciivara-cetaapaanena ciivara.m cetaapetvaa itthannaama.m bhikkhu.m

ciivarena acchaadessaamii'ti. Tatra ce so bhikkhu pubbe appavaarito upasa.nkamitvaa ciivare vikappa.m aapajjeyya saadhu vata ma.m aayasmaa iminaa ciivaracetaapanena evaruupa.m vaa evaruupa.m vaa ciivara.m cetaapetvaa acchaadehii'ti kalyaanakamyata.m upaadaaya nissaggiya.m paacit-tiya.m.

9. Bhikkhu.m pan'eva uddissa ubhinna.m a~n~natakaana.m gahapatiina.m vaa gahapataaniina.m vaa paccekaciivaracetaapanaa upakkhataa honti imehi maya.m paccekaciivaracetaapanehi pacce- kaciivaraani cetaapetvaa itthannaama.m bhikkhu.m ciivarehi acchaadessaamaa'ti. Tatra ce so bhikkhu pubbe appavaarito upasa.nkamitvaa ciivare vikappa.m aapajjeyya saadhu vata ma.m ayasmanto imehi paccekaciivaracetaapanehi evaruupa.m vaa evaruupa.m vaa ciivara.m cetaapetvaa acchaadetha ubho va santaa ekenaati kalyaa- nakamyata.m upaadaaya nissaggiya.m paacittiya.m.

10. Bhikkhu.m pan'eva uddissa raajaa vaa raajabhoggo vaa braahma.no vaa gahapatiko vaa duutena ciivaracetaapana.m pahineyya iminaa ciivaracetaapanena ciivara.m cetaapetvaa itthannaa-ma.m bhikkhu.m ciivarena acchaadehii' ti. So ce duto ta.m bhikkhu.m upasa.nkamitvaa eva.m vadeyya ida.m kho bhante aayasmanta.m uddis-sa ciivaracetaapana.m aabhata.m pa.tigganhaatu aayasmaa ciivaracetaapanan'ti. Tena bhikkhunaa so duuto evam-assa vacaniiyo na kho maya.m aavuso ciivaracetaapana.m pa.tigganhaama ciiva-ra~nca kho maya.m pa.tigga.nhaama kaalena kappiyan' ti. So ce duuto ta.m bhikkhu.m eva.m vadeyya atthi pan' aayasmato koci veyyaavacca-karo'ti. Ciivaratthikena bhikkhave bhikkhunaa veyyaavaccakaro niddisitabbo aaraamiko vaa upaa-sako vaa eso kho aavuso bhikkhuuna.m veyyaavac-cakaro'ti. So ce duuto ta.m veyyaavaccakara.m sa~n~naapetvaa ta.m bhikkhu.m upasa.nkamitvaa eva.m vadeyya ya.m kho bhante aayasmaa veyyaavaccakara.m niddisi sa~n~natto so mayaa upasa.nkamatu aayasmaa kaalena ciivarena ta.m acchaadessatii'ti ciivaratthikena bhikkhave bhikkhunaa veyyaavaccakaro upasa.nkamitvaa dvittikkhattu.m codetabbo saaretabbo attho me aavuso ciivarenaa ' ti. Dvittikkhattu.m codayamaa-no saarayamaano ta.m ciivara.m abhinipphaadeyya icceta.m kusala.m no ce abhinipphaadeyya catukkhattu.m pa~ncakkhattu.m chakkhattu-parama.m tu.nhiibhuutena uddissa .thaatabba.m. Catukkhattu.m pa~ncakkhattu.m chakkhattu-parama.m tu.nhiihuuto uddissa ti.t.thamaano ta.m ciivara.m abhinipphaadeyya icceta.m kusala.m no ce abhinipphaadeyya tato ce uttari.m vaayama-maano ta.m ciivara.m

abhinipphaadeyya nissaggi-ya.m paacittiya.m. No ce abhinipphaadeyya ya-t'assa ciivaracetaapana.m aabhata.m tattha saama.m vaa gantabba.m duuto vaa paahetabbo ya.m kho tumhe aayasmanto bhikkhu.m udissa ciivara-cetaapana.m pahinittha na ta.m tassa bhikkhuno ki~nci attha.m anubhoti yu~njant' aayasmanto saka.m maa vo saka.m vinassaa' ti. aya.m tattha samiici.

Ciivaravaggo pa.thamo

11. Yo pana bhikkhu kosiyamissaka.m santhata.m karaapeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

12. Yo pana bhikkhu suddhakaa.lakaana.m e.lakalomaana.m santhata.m kaaraapeyya nissaggi-ya.m paacittiya.m.

13. Nava.m pana bhikkhunaa santhata.m kaarayamaanena dve bhaagaa suddhakaa.lakaana.m e.lakalomaana.m aadaatabbaa tatiya.m odaataana.m catuttha.m gocariyaana.m. Anaadaa ce bhikkhu dve bhaage suddhakaa.lakaana.m e.lakalomaana.m tatiya.m odaataana.m catuttha.m gocariyaana.m nava.m santhata.m kaaraapeyya nissaggiya.m paa- cittiya.m.

14. Nava.m pana bhikkhunaa santhata.m kaaraapetvaa chabbassaani dhaaretabba.m. Orena ce channa.m vassaana.m ta.m santhata.m vissaj- jetvaa vaa avissajjetvaa vaa a~n~na.m nava.m san-thata.m kaaraapeyya a~n~natra bhikkhusamma-tiyaa nissaggiya.m paacittiya.m.

15. Nisiidanasanthata.m pana bhikkhunaa kaarayamaanena puraa.nasanthatassa saamantaa sugatavidatthi aadaatabbaa dubba.n.nakara.naaya. Anaadaa ce bhikkhu puraa.nasanthatassa saamantaa sugatavidatthi.m nava.m nisiidanasanthata.m kaaraapeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

16. bhikkhuno paneva addhaanamag-gappa.tipannassa e.lakalomaani uppajjeyyu.m aaka.nkhamaanena bhikkhunaa pa.tiggahetabbaani pa.tiggahetvaa tiyojanaparama.m sahatthaa haare-tabbaani asante haarake. Tato ce uttari.m hareyya asantepi haarake nissaggiya.m paacit- tiya.m.

17. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhik-khuniyaa e.lakalomaani dhovaapeyya vaa rajaapey-ya vaa vijataapeyya vaa nissaggiya.m paacittiya.m.

18. Yo pana bhikkhu jaataruuparajata.m ugga.nheyya vaa ugga.nhaapeyya vaa upanik-khitta.m vaa saadiyeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

19. Yo pana bhikkhu naanappakaaraka.m ruupiyasa.mvohara.m samaapajjeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

20. Yo pana bhikkhu naanappakaaraka.m kayavikkaya.m samaapajjeyya nissaggiya.m paa-cittiya.m.

Kosiyavaggo dutiyo.

21. Dasaahaparama.m atirekapatto dhaare-tabbo ta.m atikkaamayato nissaggiya.m paacitti-ya.m.

22. Yo pana bhikkhu uunapa~ncabandha-nena pattena a~n~na.m nava.m patta.m cetaapeyya nissaggiya.m paacittiya.m. Tena bhikkhunaa so patto bhikkhuparisaaya nissajjitabbo yo ca tassaa bhikkhuparisaaya pattapariyanto so ca tassa bhikkhuno padaatabbo ayante bhikkhu patto yaava bhedanaaya dhaaretabbo' ti. Aya.m tattha saamiici.

23. Yaani kho pana taani gilaanaana.m bhikkhuuna.m patisaayaniiyaani bhesajjaani seyya-thiida.m sappi navaniita.m tela.m madhu phaa.nita.m taani pa.tiggahetvaa sattaahaparama.m sannidhikaaraka.m paribhu~njitabbaani ta.m atik-kaamayato nissaggiya.m paacittiya.m.

24. maaso seso gimhaananti bhikkhunaa vassikasaatikaciivara.m pariyesitabba.m a.d.ddha-maaso seso gimhaananti katvaa nivaasetabba.m. Orena ce maaso seso gimhaananti vassika-saatikaciivara.m pariyeseyya oren' a.d.ddhamaaso seso gimhaananti katvaa nivaaseyya nissaggiya.m paacittiya.m.

25. Yo pana bhikkhu bhikkhussa saama.m ciivara.m datvaa kupito anattamaano acchin-deyya vaa acchindaapeyya vaa nissaggiya.m paacittiya.m.

26. Yo pana bhikkhu saama.m sutta.m vi~n~naapetvaa tantavaayehi ciivara.m vaayaapeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

27. Bhikkhum pan'eva uddissa a~n~naatako gahapati vaa gahapataanii vaa tantavayehi ciivara.m vaayaapeyya. Tatra ce so bhikkhu pubbe appavaarito tantavaaye upasa.nkamitvaa ciivare vikappa.m aapajjeyya ida.m kho aavuso ciivara.m ma.m uddissa viiyati aayata~n ca karotha vitthata~nca appita~nca suviita~nca suppavaayita~nca suvilekhita~nca suvitacchi-ta~nca karotha appeva naama mayampi aayasmantaana.m ki~nci matta.m anuppadajjey-yaamaa'ti. Eva~nca so bhikkhu vatvaa ki~nci mat-ta.m anuppadajjeyya antamaso pi.n.da-paatamattampi nissaggiya.m paacittiya.m.

28. Dasaahaanaagata.m kattikatemaasipu.n-.nama.m bhikkhuno paneva accekaciivara.m uppajjeyya acceka.m ma~n~namaanena bhik-khunaa pa.tiggahetabba.m pa.tigahetvaa yaava-ciivarakaalasamaya.m nikkhipitabba.m. Tato ce uttari.m nikkhipeyya nissaggiya.m paacittiya.m.

29. Upavassa.m kho pana kattikapu.n.na-ma.m yaani kho pana taani aara~n~nakaani senaasanaani sasa.nkasammataani sappa.tibhayaani tathaaruupesu bhikkhu senaasanesu viharanto aaka.nkhamaano ti.n.na.m ciivaraana.m a~n~natara.m ciivara.m antaraghare nikkhipeyya siyaa ca tassa bhikkhuno koci-d-eva paccayo tena ciivarena vippavaasaaya chaarattaparamantena bhikkhunaa tena ciivarena vippavasitabba.m tato ce uttari.m vippavaseyya a~n~natra bhikkhusammatiyaa nissaggiya.m paacittiya.m.

30. Yo pana bhikkhu jaana.m sa.nghika.m laabha.m pari.nata.m attano pari.naameyya nissag-giya.m paacittiya.m.

Pattavaggo tatiyo.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto ti.msa nissag-giyaa paacittiyaa dhammaa.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Nissaggiyaa paacittiyaa ni.t.thitaa.

Bạch chư Tôn giả, đây là ba mươi pháp ưng xả đối trị được thuyết giới.

1. Khi y đã làm xong, hạn kaỉhina đã xả Tỳ khưu chỉ được cất giữ y dư lâu lắm là mười ngày, quá hạn ấy phạm ưng xả đối trị.

2. khi y đã làm xong, hạn kaỉhina đã xả nếu Tỳ khưu xa lìa tam y, dù chỉ một đêm, phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ Tỳ khưu được cho phép

3. Khi y đã làm xong, hạn kaỉhina đã xả có vải y ngoại thời phát sanh cho vị Tỳ khưu, Tỳ khưu cần thì được nhận, nhận xong phải nhanh chóng may mặc, nếu không đủ vải thì y ấy Tỳ khưu chỉ nên giữ lại lâu lắm là một tháng để đợi bù vào chổ thiếu; nếu giữ lại quá hạn ấy dù có mong tìm, cũng phạm ưng xả đối trị.

4. Tỳ khưu nào khiến Tỳ khưu ni không phải thân quyến, giặt hoặc nhuộm hoặc vắt xả y củ, phạm ưng xả đối trị.

5. Tỳ khưu nào thọ nhận y từ tay tỳ khưu ni không phải thân quyến, phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ trao đổi.

6. Tỳ khưu nào xin y nơi nam gia chủ, hoặc nữ gia chủ không phải thân quyến, phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ có trường hợp. Ở đây có trường hợp là Tỳ khưu y bị cướp đoạt hoặc y bị hư hoại, đây là trường hợp trong điều này vậy.

7. Nếu có nam gia chủ hay nữ gia chủ không phải thân quyến xin được dâng tặng nhiều y đến Tỳ khưu ấy, Tỳ khưu chỉ nên vui nhận nhiều lắm là bộ nội ngoại y thôi, nếu thích hơn số ấy, phạm ưng xả đối trị.

8. có nam gia chủ hay nữ gia chủ không phải thân quyến để dành tiền sắm y cho vị Tỳ khưu, nghĩ rằng: "Ta sẽ mua sắm y với tiền sắm y này rồi dâng y cho vị Tỳ khưu tên ấy mặc" Trong việc này nếu vị Tỳ khưu ấy chưa được yêu cầu trước mà đi đến kèo nài việc y như sau: "tốt lắm, Đạo hữu hày sắm y như vầy, như vầy, dâng cho tôi mặc". Vì muốn đẹp, phạm ưng xả đối trị.

9. Có hai nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải thân quyến để dành tiền sắm y cổ phần dâng cho vị Tỳ khưu, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ lấy cổ phần tiền sắm y này mà mua y cổ phần rồi dâng vị Tỳ khưu tên ấy mặc". Trong việc này, nếu vị Tỳ khưu ấy chưa được yêu cầu trước mà đi đến kéo nài việc y như sau: "Tốt lắm, các đạo hữu hãy lấy các cổ phần tiền sắm y nầy mà

mua y như vầy, như vầy, dâng cho tôi mặc, hai người chung một" Vì muốn đẹp, phạm ưng xả đối trị

10. Đức vua, quan lại, bà-la-môn hoặc gia chủ gởi theo sứ giả số tiền sắm y, nói rằng: "Ngươi hãy lấy số tiền sắm y này mua y rồi dâng cho vị Tỳ khưu tên ấy mặc". Nếu vị sứ giả ấy đi đến vị Tỳ khưu nọ và nói như sau: "Bạch Tôn giả, số tiền sắm y này được để dành cho Ngài, xin Ngài hãy nhận lãnh số tiền sắm y" vị Tỳ khưu nọ nên bảo sứ giả rằng: "Này đạo đạo hữu, chúng tôi không thọ nhận tiền sắm y, chúng tôi chỉ nhận lãnh y hợp thời thôi"Nếu vị sứ giả ấy nói với vị Tỳ khưu nọ rằng: "Có ai là người phục dịch cho Tôn giả chăng?"

Nầy chư Tỳ khưu, vị Tỳ khưu có nhu cầu y thì nên chỉ ra người phục dịch hoặc người hộ tự hoặc một cận sự nam: này đạo hữu, đó là người phục dịch của chư Tỳ khưu". Nếu vị sứ giả ấy giao việc cho người phục dịch kia rồi, bèn đến vị Tỳ khưu nọ mà nói như sau: "Bạch Tôn giả, người phục dịch mà Ngài đã chỉ ra, người ấy được tôi giao việc rồi, Tôn giả hãy đến họ và họ sẽ dâng y hợp thời cho Ngài mặc".

Nầy chư Tỳ khưu, vị Tỳ khưu có nhu cầu y nên đến người phục dịch mà thông báo gợi ý đôi ba lần rằng: "Đạo hữu, tôi cần y". Khi thông báo gợi ý đôi ba lần, có được y ấy, như thế là tốt; bằng không thành thì phải đứng im lặng trước mặt họ bốn năm lần; nhiều lắm là sáu lần; khi đứng im lặng trước họ bốn, năm, sáu lần mà có được y ấy như thế là tốt, nếu không thành mà cố gắng vượt quá hạn ấy, thành tựu y, phạm ưng xả đối trị.

Nếu vẫn không thành thì từ đâu đưa tiền sắm y, phải tự mình đến đấy hoặc phái người đi, nói rằng: "các đạo hữu, tiền sắm y mà các ông đã gởi để dâng vị Tỳ khưu, tiền đó không thành tựu lợi ích gì cho vị Tỳ khưu ấy; các ông hãy đòi lại vật sở hữu, đừng bỏ phí vật sở hữu của các ông". Đây là cách làm đúng trong trường hợp này.

Phẩm y, thứ nhất.

11. Vị Tỳ khưu nào khiến làm ngọa cụ trộn lẫn tơ tằm, phạm ưng xả đối trị.

12.Vị Tỳ khưu nào khiến làm ngọa cụ toàn bằng lông cừu màu đen, phạm ưng xã đối trị.

13. Khi vị Tỳ khưu khiến làm ngọa cụ mới phải lấy lông cừu hai phần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu đỏ. Nếu vị Tỳ khưu khiến làm

ngọa cụ mới mà không lấy lông cừu hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tứ đỏ, phạm ưng xả đối trị.

14. Khi đã cho làm ngọa cụ mới, vị Tỳ khưu phải giữ xài đến sáu năm. Nếu dưới sáu năm mà bỏ ngọa cụ ấy, hoặc không bỏ, rồi khiến làm ngọa cụ mới khác, phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ vị Tỳ khưu được cho phép.

15. Khi vị Tỳ khưu khiến làm tọa cụ phải lấy một mảnh vuông của tấm tọa cụ củ, cở gang tay Đức Phật, để làm hoại sắc. Nếu vị Tỳ khưu khiến làm tọa cụ mới mà

không lấy một mảnh vuông của tấm tọa cụ củ, cở gang tay Đức Phật, để hoại sắc, phạm ưng xả đối trị.

16. Khi vị Tỳ khưu đi đường xa có phát sanh lông cừu, nếu cần thì nhận; khi nhận rồi, không có người mang giúp, thì chỉ nên tự mình mang đi xa lắm là ba do-tuần 9 nếu không có người mang giúp mà tự mang đi quá giới hạn ấy, phạm ưng xả đối trị.

17. vị Tỳ khưu nào sai Tỳ khưu ni không phải thân nhân, giặt hoặc nhuộm hoặc chải lông cừu, phạm ưng xả đối trị.

18. Vị Tỳ khưu nào nhận lấy vàng và bạc, hoặc sai nhận lấy, hoặc vui thích của để dành cho, phạm ưng xả đối trị.

19. Vị Tỳ khưu nào dự việc mậu dịch tài sản bằng mọi hình thức phạm ưng xả đối trị.

20. Vị Tỳ khưu nào dự việc thương mãi bằng mọi hình thức, phạm ưng xả đối trị.

Phần tơ tằm, thứ hai

21. Bình bát dư chỉ nên giữ lâu lắm là mười ngày, vượt quá hạn ấy, phạm ưng xả đối trị.

22. vị Tỳ khưu nào có bình bát dấu nứt bể chưa tới năm dấu mà sắm tìm bình bát mới khác, phạm ưng xả đối trị. Bình bát ấy cần được vị Tỳ khưu đó xả bỏ giữa hội chúng Tỳ khưu; bình bát nào là bát cuối cùng của hội chúng tỳ khưu ấy, bát đó nên giao cho vị Tỳ khưu đó, bảo rằng; Này Tỳ khưu, đây

là bình bát của Ngài, cần phải giữ cho đến khi bể thôi". Đây là cách hợp thức trong việc này.

23. các thứ thuốc cần dùng mà để cho các vị Tỳ khưu bệnh, như là bơ đặc, bơ tươi, dầu mè, mật ong, nước đường; sau khi thọ nhận chỉ nên cất giữ thọ dùng lâu lắm là bảy ngày, quá hạn ấy, phạm ưng xả đối trị.

24. còn một tháng cuối mùa nóng, Tỳ khưu mới nên tìm kiếm y tắm mưa; nữa tháng cuối mùa nóng, mới nên may mặc. Nếu chưa đến tháng cuối mùa nóng mà tìm kiếm y tắm mưa, chưa đến nửa tháng cuối mùa nóng mà may mặc, phạm ưng xả đối trị.

25. Tỳ khưu nào chính mình đã cho y đến vị Tỳ khưu rồi giận hờn bất bình mà cướp lại, hoặc sai cướp lại, phạm ưng xả đối trị.

26. Tỳ khưu nào chính mình xin chỉ vải rồi biểu thợ dệt, dệt thành y, phạm ưng xả đối trị.

27. Có nam gia chủ hay nữ gia chủ không phải quyến thuộc, biểu thợ dệt y để dâng vị Tỳ khưu. Trường hợp này nếu vị Tỳ khưu ấy khi không được yêu cầu trước mà đi đến các thợ dệt, kèo nài việc y, rằng: "Đạo hữu, y này được dệt cho tôi, vậy ông hãy làm khổ dài, khổ rộng, làm cho khít khao, đều đặn, dẻ dặt, mịn màng, mướt láng; chúng tôi sẽ ban thưởng cho các đạo hữu thêm chút ít cái chi nhé !" vị Tỳ khưu ấy nói như vậy rồi ban thưởng cho chút gì đó, thậm chí chỉ là vật thực, cũng phạm ưng xả đối trị.

28. Còn mười ngày nữa sẽ đến ngày rằm tháng Kattikatemàsikà 10 (tháng 9 âl), có biệt thí y11 phát sanh đến vị Tỳ khưu; vị Tỳ khưu nghĩ là y biệt thí thì được nhận, khi nhận rồi chỉ nên cất giữ trong hạn kỳ y12 , nếu quá hạn ấy, phạm ưng xả đối trị.

29. Đến ngày rằm tháng 9 âl (kattikapuị-ịamì) mãn an cư, như ở rừng, chỗ bị khả nghi, có nguy hiểm vị Tỳ khưu trú ngụ những trú xứ như vậy, nếu muốn gởi lại trong xóm một y nào trong tam y, vì có duyên cớ chi cho vị Tỳ khưu ấy xa lìa y đó; thì vị Tỳ khưu chỉ nên xa lìa y đó lâu lắm là sáu đêm, quá hạn ấy, phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ vị Tỳ khưu được cho phép.

30. vị Tỳ khưu nào biết rõ lợi lộc đã hiến thuộc về Tăng lại chuyển đoạt cho riêng mình, phạm ưng xả đối trị.

Phẩm bình bát, thứ ba

Bạch chư Tôn giả, ba mươi pháp ưng xả đối trị đã được tổng thuyết. Ở đây, tôi xin hỏi các Tôn giả, các ngài được thanh tịnh chăng? Lần thứ hai, tôi xin hỏi các Tôn giả, các ngài được thanh tịnh chăng? Lần thứ ba, tôi xin hỏi các Tôn giả, các ngài được thanh tịnh chăng?

Chư Tôn giả trong đây thanh tịnh, do đó im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc này như vậy.

DỨT PHÁP ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ.

***

1.1.g THUYẾT GIỚI ƯNG ĐỐI TRỊ (Paacittiye vitthaaruddeso)

Ime kho pan' aayasmanto dvenavuti paacittiyaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Sampajaanamusaavaade paacittiya.m.

2. Omasavaade paacittiya.m.

3. bhikkhupesu~n~ne paacittiya.m.

4. Yo pana bhikkhu anupasampanna.m padaso dhamma.m vaaceyya paacittiya.m.

5. Yo pana bhikkhu anupasampannena uttaridvirattatiratta.m saha seyya.m kappeyya paacittiya.m.

6. Yo pana bhikkhu maatugaamena saha seyya.m kappeyya paacittiya.m.

7. Yo pana bhikkhu maatugaamassa uttarichappa~ncavaacaahi dhamma.m deseyya a~n~natra vi~n~nunaa purisaviggahena paacittiya.m.

8. Yo pana bhikkhu anupasampannassa uttarimanussadhamma.m aaroceyya bhuutasmi.m paacittiya.m.

9. Yo pana bhikkhu bhikkhussa du.t-.thulla.m aapatti.m anupasampannassa aaroceyya a~n~natra bhikkhusammatiyaa paacittiya.m.

10. Yo pana bhikkhu pa.thavi.m kha-.neyya vaa kha.naapeyya vaa paacittiya.m.

Musaavaadavaggo pa.thamo.

11. Bhuutagaamapaatabyataaya paacittiya.m.

12. A~n~navaadake vihesake paacittiya.m.

13. Ujjhaapanake khiiyanake paacittiya.m.

14. Yo pana bhikkhu sa.nghika.m ma~n-ca.m vaa pii.tha.m vaa bhisi.m vaa koccha.m vaa ajjhokaase santharitvaa vaa santharaapetvaa vaa ta.m pakkamanto n'eva uddhareyya na uddha-raapeyya anaapuccha.m vaa gaccheyya paacitti-ya.m.

15. Yo pana bhikkhu sa.nghike vihaare seyya.m santharitvaa vaa santharaapetvaa vaa ta.m pakkamanto n'eva uddhareyya na uddha- raapeyya anaapuccha.m vaa gaccheyya paacit-tiya.m.

16. Yo pana bhikkhu sa.nghike vihaare jaana.m pubbuupagata.m bhikkhu.m anupakhajja seyya.m kappeyya yassa sambhaadho bhavissati so pakkamissatii' ti etadeva paccaya.m karitvaa ana~n~na.m paacittiya.m.

17. Yo pana bhikkhu bhikkhu.m kupito anattamano sa.nghitaa vihaaraa nikka.d.dheyya vaa nikka.d.dhaapeyya vaa paacittiya.m.

18. Yo pana bhikkhu sa.nghike vihaare uparivehaasaku.tiyaa aahaccapaadaka.m ma~nca.m vaa pii.tha.m vaa abhinisiideyya vaa abhinipajjeyya vaa paacittiya.m.

19. Mahallaka.m pana bhikkhunaa vihaa-ra.m kaarayamaanena yaava dvaarakosaa agga-la.t.thapanaaya aalokasandhiparikammaaya dvit- ticchadanassa pariyaaya.m

appaharite .thitena adhi.t.thaatabba.m. Tato ce uttari.m appaharitepi .thito adhi.t.thaheyya paacittiya.m.

20. Yo pana bhikkhu jaana.m sappaa.naka.m udaka.m tina.m vaa mattika.m vaa si~nceyya vaa si~ncaapeyya vaa paacittiya.m.

Bhuutagaamavaggo dutiyo.

21. Yo pana bhikkhu asammato bhik-khuniyo ovadeyya paacittiya.m.

22. Sammatopi ce bhikkhu attha.ngate suriye bhikkhuniyo ovadeyya paacittiya.m.

23. Yo pana bhikkhu bhikkhunuupas-saya.m upasa.nkamitvaa bhikkhuniyo ovadeyya a~n~natra samayaa paacittiya.m. Tatth' aaya.m samayo gilaanaa hoti bhikkhunii aya.m tattha samayo.

24. Yo pana bhikkhu eva.m vadeyya aami-sahetu bhikkhuu bhikkhuniyo ovadantii'ti paacit-tiya.m.

25. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhik-khuniyaa ciivara.m dadeyya a~n~natra parivattataa paacittiya.m.

26. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhikkhuniyaa ciivara.m sibbeyya vaa sibbaapeyya vaa paacittiya.m.

27. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyaa sad-dhi.m sa.mvidhaaya ekaddhaanamagga.m pa.tipaj-jeyya antamaso gaamantarampi a~n~natra samayaa paacittiya.m. Tatth' aaya.m samayo satthagamaniyo hoti maggo saasa.nkasammato sappa.tibhayo. Aya.m tattha samayo.

28. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyaa sad-dhi.m sa.mvidhaaya ekanaava.m abhiruuheyya ud-dhagaamini.m vaa adhogaamini.m vaa a~n~natra tiriyantara.naaya paacittiya.m.

29. Yo pana bhikkhu jaana.m bhikkhunii-paripaacita.m pi.n.dapaata.m bhu~njeyya a~n~natra pubbe gihisamaarambhaa paacittiya.m.

30. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyaa sad-dhi.m eko ekaaya raho nisajja.m kappeyya paacittiya.m.

Ovaadavaggo tatiyo.

31. Agilaanena bhikkhunaa eko aavasatha-pi.n.do bhu~njitabbo tato ce uttari.m bhu~njeyya paacittiya.m.

32. Ga.nabhojane a~n~natra samayaa paacit-tiya.m. Tatth' aaya.m samayo gilaanasamayo ciivaradaanasamayo ciivarakaarasamayo addhaa-

nagamanasamayo naavaabhiruuhanasamayo ma-haasamayo sama.nabhattasamayo. Aya.m tattha samayo.

33. paramparabhojane a~n~natra samayaa paacittiya.m. Tatth' aaya.m samayo gilaanasamayo ciivaradaanasamayo ciivarakaarasamayo. Aya.m tattha samayo.

34. bhikkhu pan'eva kula.m upagata.m puuvehi manthehi vaa abhiha.t.thu.m pavaareyya. AAka.nkhamaanena bhikkhunaa dvittipattapuuraa pa.tiggahetabbaa. Tato ce uttari.m pa.tigga.nhey-ya paacittiya.m.Dvittipattapuure pa.tiggahetvaa tato niiharitvaa bhikkhuuhi saddhi.m sa.mvibhaji-tabba.m. Aya.m tattha saamiici.

35. Yo pana bhikkhu bhuttaavii pavaarito anatiritta.m khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa paacittiya.m.

36. Yo pana bhikkhu bhikkhu.m bhuttaa-vi.m pavaarita.m anatirittena khaadaniiyena vaa bhojaniiyena vaa abhiha.t.thu.m pavaareyya han-da bhikkhu khaada vaa bhu~nja vaa'ti jaana.m aasaadanaapekkho bhuttasmi.m paacittiya.m.

37. Yo pana bhikkhu vikaale khaadaniiya.m vaa bhojniiya.m vaa khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa paacittiya.m.

38. Yo pana bhikkhu sannidhikaaraka.m khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa paacittiya.m.

39. Yaani kho pana taani pa.niitabhojanaani seyyathiida.m sappi navaniita.m tela.m madhu phaa.nita.m maccho ma.msa.m khiira.m dadhi. Yo pana bhikkhu evaruupaani pa.niitabhojanaani agilaano attano atthaaya vi~n~naapetvaa bhu~njeyya paacittiya.m.

40. Yo pana bhikkhu adinna.m mukha-dvaara.m aahareyya a~n~natra udakadantapo.naa paacittiya.m.

Bhojanavaggo catuttho.

41. Yo pana bhikkhu acelakassa vaa paribbaajakassa vaa paribbaajikaaya vaa sahatthaa khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa dadeyya paacit-tiya.m.

42. Yo pana bhikkhu bhikkhu.m eva.m vadeyya eh' aavuso gaama.m vaa nigama.m vaa pi.n.daaya pavisissaamaa'ti tassa daapetvaa vaa adaapetvaa vaa uyyojeyya gacch'aavuso na me tayaa saddhi.m kathaa vaa nisajjaa vaa phaasu hoti ekakassa me kathaa vaa nisajjaa vaa phaasu hotii'ti. etadeva paccaya.m karitvaa ana~n~na.m paacit-tiya.m.

43. Yo pana bhikkhu sabhojane kule anupakhajja nisajja.m kappeyya paacittiya.m.

44. Yo pana bhikkhu maatugaamena saddhi.m raho pa.ticchanne aasane nisajja.m kappeyya paacittiya.m.

45. Yo pana bhikkhu maatugaamena saddhi.m eko ekaaya raho nisajja.m kappeyya paacittiya.m.

46. Yo pana bhikkhu nimantito sabhatto samaano santa.m bhikkhu.m anaapucchaa pure-bhatta.m vaa pacchaabhatta.m vaa kulesu caaritta.m aapajjeyya a~n~natra samayaa paacittiya.m. Tatth' aaya.m samayo ciivaradaanasamayo ciivarakaara-samayo, aya.m tattha samayo.

47. Agilaanena bhikkhunaa caatummaasap-paccayappavaara.naa saaditabbaa a~n~natra punap-pavaara.naaya a~n~natra niccappavaara.naaya tato ce uttari.m saadiyeyya paacittiya.m.

48. Yo pana bhikkhu uyyutta.m sena.m dassanaaya gaccheyya a~n~natra tathaaruupap-paccayaa paacittiya.m.

49. Siyaa ca tassa bhikkhuno koci deva paccayo sena.m gamanaaya dvirattatiratta.m tena bhikkhunaa senaaya vasitabba.m. Tato ce uttari.m vaseyya paacittiya.m.

50. Dvirattatiratta~nce bhikkhu senaaya vasamaano uyyodhika.m vaa balagga.m vaa sena-byuuha.m vaa aniikadassana.m vaa gaccheyya paacittiya.m.

Acelakavaggo pa~ncamo.

51. Suraamerayapaa.ne paacittiya.m.

52. A.ngulippatodake paacittiya.m.

53. Udake hassadhamme paacittiya.m.

54. Anaadariye paacittiya.m.

55. Yo pana bhikkhu bhikkhu.m bhi.msaa- peyya paacittiya.m.

56. Yo pana bhikkhu agilaano visiiva-naapekkho joti.m samaadaheyya vaa samaadahaa-peyya vaa a~n~natra tathaaruupappaccayaa paacit-tiya.m.

57. Yo pana bhikkhu oren' a.d.dhamaasa.m nahaayeyya a~n~natra samayaa paacittiya.m. Tatth' aaya.m samayo diya.d.dho maaso seso gimhaananti vassaanassa pa.thamo maaso iccete a.d.dhateyya-maaso u.nhasamayo pari.laahasamayo gilaanasa-mayo kammasamayo addhaanagamanasamayo vaatavu.t.thisamayo. Aya.m tattha samayo.

58. Nava.m pana bhikkhunaa ciivaralaabhe-na ti.n.na.m dubba.n.nakara.naana.m a~n~natara.m dubba.n.nakara.na.m aadaatabba.m niila.m vaa kaddama.m vaa kaa.lasaama.m vaa. Anaadaa ce bhik-khu ti.n.na.m dubba.n.nakara.naana.m a~n~natara.m dubba.n.nakara.na.m nava.m ciivara.m paribhu~n-jeyya paacittiya.m.

59. Yo pana bhikkhu bhikkhussa vaa bhikkhuniyaa vaa sikkhamaanaaya vaa saama.ne-rassa vaa saama.neriyaa vaa saama.m ciivara.m vikappetvaa appaccuddhaaraka.m paribhu~njeyya paacittiya.m.

60. Yo pana bhikkhu bhikkhussa patta.m vaa ciivara.m vaa nisiidana.m vaa suucighara.m vaa kaayabandhana.m vaa apanidheyya vaa apanidhaa- peyya vaa antamaso hassaapekkhopi paacittiya.m.

Suraapaa.navaggo cha.t.tho

61. Yo pana bhikkhu sa~ncicca paa.na.m jiivitaa voropeyya paacittiya.m.

62. Yo pana bhikkhu jaana.m sappaa.naka.m udaka.m paribhu~njeyya paacittiya.m.

63. Yo pana bhikkhu jaana.m yathaadham-ma.m nihataadhikarana.m punakkammaaya ukko-teyya paacittiya.m.

64. Yo pana bhikkhu bhikkhussa jaana.m du.t.thulla.m aapatti.m pa.ticchaadeyya paacittiya.m.

65. Yo pana bhikkhu jaana.m uunaviisati-vassa.m puggala.m upasampaadeyya so ca puggalo anupasampanno te ca bhikkhuu gaarayhaa ida.m tasmi.m paacittiya.m.

66. Yo pana bhikkhu jaana.m theyyasat-thena saddhi.m sa.mvidhaaya ekaddhaamagga.m pa.tipajjeyya antamaso gaamantarampi paacit-tiya.m.

67. Yo pana bhikkhu maatugaamena sad-dhi.m sa.mvidhaaya ekaddhaanamagga.m pa.tipaj-jeyya antamaso gaamantarampi paacittiya.m.

68. Yo pana bhikkhu eva.m vadeyya tathaa' ha.m bhagavataa dhamma.m desita.m aajaanaami yathaa ye' me antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa te pa.tisevato n' aala.m antaraayaayaa' ti. So bhikkhu bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo maa aayasmaa eva.m avaca maa bhagavanta.m abbhaacikkhi na hi saadhu bhagavato abbhakkhaana.m na hi bhagavaa eva.m vadeyya anekapariyaayena aavuso antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa ala~nca pana te pa.tisevato antaraayaayaa'ti. Eva~nca so bhikkhu bhikkhuuhi vuccamaano Tath' eva pagga.nheyya so bhikkhu bhikkhuuhi yaavata-tiya.m samanubhaasitabbo tassa pa.tinissaggaaya yaavatatiya~nce samanubhaasiyamaano ta.m pa.ti- nissajjeyya icceta.m kusala.m no ce pa.ti-nissajjeyya paacittiya.m.

69. Yo pana bhikkhu jaana.m tathaavaadinaa bhikkhunaa aka.taanudhammena ta.m di.t.thi.m appa.tinissa.t.thena saddhi.m sambhu~njeyya vaa sa.mvaseyya vaa saha vaa seyya.m kappeyya paacittiya.m.

70. Sama.nuddeso pi ce eva.m vadeyya tathaa' ha.m bhagavataa dhamma.m desita.m aajaa-naami yathaa ye' me antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa te pa.tisevato n' aala.m antaraayaayaa' ti. So sama.nuddeso bhikkhuuhi evamassa vaca-niiyo maa aavuso samanuddesa eva.m avaca maa bhagavanta.m abbhaacikkhi na hi saadhu bhagavato abbhakkhaana.m na hi bhagavaa eva.m vadeyya anekapariyaayena aavuso sama-.nuddesa antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa ala~nca pana te pa.tisevato antaraayaayaa'ti. Eva~nca so sama.nuddeso bhikkhuuhi vucca-maano Tath' eva pagga.nheyya so sama.nuddeso bhikkhuuhi evam-assa vacaniiyo ajjatagge te aavuso sama.nuddesa na c' eva so bhagavaa satthaa apadisitabbo yampi c' a~n~ne sama-.nuddesaa labhanti bhikkhuuhi saddhi.m dvirat-tatiratta.m sahaseyya.m saa'pi te

natthi cara pire vinassaa' ti. Yo pana bhikkhu jaana.m ta-thaanaasita.m sama.nuddesa.m upalaapeyya vaa upa.t.thaapeyya vaa sambhu~njeyya vaa saha vaa seyya.m kappeyya paacittiya.m.

Sappaa.nakavaggo sattano.

71. Yo pana bhikkhu bhikkhuuhi saha-dhammika.m vuccamaano eva.m vadeyya na taa-

v ' aaha.m aavuso etasmi.m sikkhaapade sikkhis-saami yaava n' a~n~na.m bhikkhu.m byatta.m vinayadhara.m paripucchaamii' ti paacittiya.m. Sikkhamaanena bhikkhave bhikkhunaa a~n~na-tabba.m paripucchitabba.m paripa~nhitabba.m. Aya.m tattha saamiici.

72. Yo pana bhikkhu paa.timokkhe uddis-samaane eva.m vadeyya kimpan' imehi khuddaa-nukhuddakehi sikkhaapadehi uddi.t.thehi yaava-deva kukkuccaaya vihesaaya vilekhaaya sa.mvat-tantii' ti. Sikkhaapadaviva.n.nanake paacittiya.m.

73. Yo pana bhikkhu anva.d.dhamaasa.m paa.timokkhe uddissamaane eva.m vadeyya idaan'eva kho aha.m jaanaami ayampi kira dhammo suttaagato suttapariyaapanno anva.d-.dhamaasa.m uddesa.m aagacchatii' ti. Ta~nce bhikkhu.m a~n~ne bhikkhuu jaaneyyu.m nisinna-pubba.m iminaa bhikkhunaa dvittikkhattu.m paa.timokkhe uddissamaane ko pana vaado bhiyyo'ti na ca tassa bhikkhuno a~n~naa.nakena mutti atthi ya~nca tattha aapatti.m aapanno ta~nca yathaadhammo kaaretabbo uttari~nc' assa moho aaropetabbo tassa te aavuso alaabhaa tassa te dulladdha.m ya.m tva.m pa.timokkhe uddissa-maane na saadhuka.m a.t.thikatvaa manasikarosii' ti . Ida.m tasmi.m mohanake paacittiya.m.

74. Yo pana bhikkhu bhikkhussa kupito anattamano pahaara.m dadeyya paacittiya.m.

75. Yo pana bhikkhu bhikkhussa kupito anattamano talasattika.m uggireyya paacit-tiya.m.

76. Yo pana bhikkhu bhikkhu.m amuula-kena sa"nghaadisesena anuddha.mseyya paacitti-ya.m.

77. Yo pana bhikkhu bhikkhussa sa~ncicca kukkucca.m upadaheyya iti' ssa muhuttampi aphaasu bhavissatii' ti. Etadeva paccaya.m karitvaa ana~n~na.m paacittiya.m.

78. Yo pana bhikkhu bhikkhuuna.m bha.n-.danajaataana.m kalahajaataana.m vivaadaapannaa-na.m upassuti.m ti.t.theyya ya.m ime bhanissanti ta.m sossaamii' ti. Etadeva paccaya.m karitvaa ana~n~na.m paacittiya.m.

79. Yo pana bhikkhu dhammikaana.m kammaana.m chanda.m datvaa pacchaa khiiyana-dhamma.m apajjeyya paacittiya.m.

80. Yo pana bhikkhu sa.nghe viniccha-yakathaaya vattamaanaaya chanda.m adatvaa ut-thaay' aasanaa pakkameyya paacittiya.m.

81. Yo pana bhikkhu samaggena sa.nghena ciivara.m datvaa pacchaa khiiyana-dhamma.m aapajjeyya yathaa santhuta.m bhikkhuu sa.nghika.m laabha.m pari.naamentii' ti paacittiya.m.

82. Yo pana bhikkhu jaana.m sa.nghika.m laabha.m pari.nata.m puggalassa pari.naameyya paacittiya.m.

Sahadhammikavaggo a.t.thamo

83. Yo pana bhikkhu ra~n~no khattiyassa muddhaabhisittassa anikkhantaraajake anigga-taratanake pubbe appa.tisa.mvidito indakhiila.m atikkaameyya paacittiya.m.

84. Yo pana bhikkhu ratana.m vaa ratana-sammata.m vaa a~n~natra ajjhaaraamaa vaa ajjhaa-vasathaa vaa ugga.nheyya vaa ugga.nhaapeyya vaa paacittiya.m. Ratana.m vaa pana bhikkhunaa ratanasammata.m vaa ajjhaaraame vaa ajjhaava-sathe vaa uggahetvaa vaa uggahaapetvaa vaa nikkhipitabba.m yassa bhavissati so harissatii' ti. Aya.m tattha saamiici.

85. Yo pana bhikkhu santa.m bhikkhu.m anaapucchaa vikaale gaama.m paviseyya a~n~natra tathaaruupaa accaayikaa kara.niiyaa paacittiya.m.

86. Yo pana bhikkhu a.t.thimaya.m vaa dantamaya.m vaa visaanamaya.m vaa suucighara.m kaaraapeyya bhedanaka.m paacittiya.m.

87. Nava.m pana bhikkhunaa ma~nca.m vaa pii.tha.m vaa kaarayamaanena a.t.tha.ngulapaadaka.m kaaretabba.m sugata.ngulena a~n~natra he.t.thi-maaya a.taniyaa ta.m atikkaamayato chedanaka.m paacittiya.m.

88. Yo pana bhikkhu ma~nca.m vaa pii.tha.m vaa tuulonaddha.m kaaraapeyya uddaalanaka.m paa-cittiya.m.

89. Nisiidana.m pana bhikkhunaa kaaraya-maanena pamaa.nika.m kaaretabba.m tatrida.m pamaa.na.m diighaso dve vidatthiyo sugatavi- datthiyaa tiriya.m diyaddha.m dasaa vidatthii ta.m atikkaamayato chedaka.m paacittiya.m.

90. Ka.n.duppa.ticchaadi.m pana bhikkhunaa kaarayamaanena pamaa.nikaa kaaretabbaa tatrida.m pamaana.m diighaso catasso vidatthiyo sugata-vidatthiyaa tiriya.m dve vidatthiyo ta.m atik-kaamayato chedanaka.m paacittiya.m.

91. Vassikasaa.tika.m pana bhikkhunaa kaarayamaanena pamaanikaa kaaretabbaa tatrida.m pamaana.m diighaso cha vidatthiyo sugatavidat- thiyaa tiriya.m a.d.dhateyyaa ta.m atikkaamayato chedanaka.m paacittiya.m.

92. Yo pana bhikkhu sugataciivarappa-maana.m ciivara.m kaaraapeyya atireka.m vaa chedanaka.m paacittiya.m. Tatrida.m sugatassa sugataciivarappamaana.m diighaso nava vidat-thiyo sugatavidatthiyaa tiriya.m cha vidatthiyo. Ida.m sugatassa sugataciivarappamaa.na.m.

Ratanavaggo navamo.

Udditthaa kho aayasmanto dvenavuti paacittiyaa dhammaa, Tatth' aayasmante pucchaa-mi kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Paacittiyaa. ni.t.thitaa.

Bạch chư Tôn giả, đây là chín mươi hai pháp ưng đối trị được tổng thuyết như sau:

1. Biết rõ lại nói dối, phạm ưng đối trị.

2. Chưởi mắng vị khác, phạm ưng đối trị.

3. Nói đâm thọc Tỳ khưu, phạm ưng đối trị.

4. Vị Tỳ khưu nào dạy pháp cho người chưa thọ cụ túc giới đọc từng câu, phạm ưng đối trị.

5. Vị Tỳ khưu nào ngủ chung với người chưa thọ cụ túc giới quá hai ba đêm, phạm ưng đối trị.

6. Vị Tỳ khưu nào ngủ chung với phụ nữ (một nhà), phạm ưng đối trị.

7. Vị Tỳ khưu nào nói pháp cho người nữ quá năm sáu lời, phạm ưng đối trị, ngoại trừ được người nam tỉnh táo chứng kiến.

8. Vị Tỳ khưu nào tiết lộ pháp cao nhân đã thực chứng đến người chưa thọ cụ túc giới, phạm ưng đối trị.

9. Vị Tỳ khưu nào tiết lộ tội lỗi của Tỳ khưu đến người chưa thọ cụ túc giới, phạm ưng đối trị ngoại trừ vị Tỳ khưu được phép.

10. Vị Tỳ khưu nào đào hoặc sai đào đất, phạm ưng đối trị.

Phẩm nói dối, thứ nhất.

11. Phá hoại thảo mộc, phạm ưng đối trị.

12. Nói tráo trở gây khó khăn, phạm ưng đối trị.

13. kích bác chỉ trích, phạm ưng đối trị.

14. Vị Tỳ khưu nào lấy giường của Tăng hoặc ghế hoặc nệm hoặc gối trải ra nơi trống hay sai trải ra rồi khi đi khỏi không thu dọn cũng không nhờ thu dọn hoặc đi không từ giả, phạm ưng đối trị.

15. Vị Tỳ khưu nào trải dọn chỗ nằm, hoặc sai trải dọn, trong tịnh thất của Tăng rồi khi rời khỏi chỗ ấy không thu dọn cũng không nhờ thu dọn hoặc đi không cáo từ phạm ưng đối trị.

16. Vị Tỳ khưu nào biết trong tịnh thất của Tăng có vị Tỳ khưu đã đến trước, vẫn chen vào trải dọn chỗ ngủ nghĩ rằng ai bực bội thì đi ra; chỉ có nguyên nhân đó không việc gì khác cũng phạm tội ưng đối trị.

17. Vị Tỳ khưu nào sân giận bất bình với Tỳ khưu rồi lôi kéo hoặc sai lôi kéo ra khỏi tịnh thất của tăng, phạm ưng đối trị.

18. Vị Tỳ khưu nào ngồi hoặc nằm trên giường ghế kê tạm ở gác lửng trong tịnh xá của tăng, phạm ưng đối trị.

19. Khi vị tỳ kheo cho làm tịnh thất lớn, cần phải đứng ở khoảng cách cửa cái để mở then gài, để sơn phết cửa sổ; đứng tại chỗ không phải ruộng rẩy để lợp mái, chỉ lợp hai ba lớp. Nếu thực hiện vượt quá cách đó, dù đứng tại chỗ không phải ruộng rẩy, cũng phạm ưng đối trị.

20. Vị Tỳ khưu nào biết rõ nước có sinh vật lại đổ hoặc sai đổ trên cỏ hay mặt đất, phạm ưng đối trị.

Phẩm thảo mộc, thứ hai.

21. Vị Tỳ khưu nào chưa được cho phép mà giáo đạo các Tỳ khưu ni, phạm ưng đối trị.

22. Vị Tỳ khưu mặc dù đã được cho phép nhưng giáo đạo các Tỳ khưu ni lúc mặt trời đã lặn, phạm ưng đối trị.

23. Vị Tỳ khưu nào đi đến cư xá ni chúng mà giáo đạo chư Tỳ khưu ni, phạm ưng đối trị, ngoại trừ có trường hợp. Trường hợp ở đây là có Tỳ khưu ni bị bệnh.

24. Vị Tỳ khưu nào nói như sau "chư Tỳ khưu giáo đạo Tỳ khưu ni vì nhận lợi lộc" phạm ưng đối trị.

25. Vị Tỳ khưu nào cho y đến Tỳ khưu ni không phải quyến thuộc, phạm ưng đối trị ngoại trừ trao đổi.

26. Vị Tỳ khưu nào may hoặc nhờ may y cho Tỳ khưu ni không phải quyến thuộc, phạm ưng đối trị.

27. Vị Tỳ khưu nào rủ nhau với vị Tỳ khưu ni hành trình chung một đường dài, thậm chí dù chỉ qua một khoảng xóm, phạm ưng đối trị, ngoại trừ có

trường hợp. Trường hợp ở đây là con đường cần đi thành đoàn, có điều nghi ngờ, có sự nguy hiểm.

28. Vị Tỳ khưu nào rủ nhau với Tỳ khưu ni ngồi chung một thuyền, đi xuôi hoặc đi ngược dòng, phạm ưng đối trị, trừ khi băng đò ngang.

29. Vị Tỳ khưu nào biết rõ vẫn ăn thực phẩm do Tỳ khưu ni sắp đặt, phạm ưng đối trị, trừ khi người cư sĩ khởi xướng trước.

30. Vị Tỳ khưu nào cùng với Tỳ khưu ni, một với một, ngồi chỗ vắng vẻ, phạm ưng đối trị.

Phẩm giáo đạo, thứ ba.

31. Với Tỳ khưu vô bệnh, thức ăn tại bố thí đường chỉ nên dùng một lần, nếu thọ dụng hơn hạn ấy, phạm ưng đối trị.

32. Thọ thực chung nhóm, phạm ưng đối trị, ngoại trừ có trường hợp. Ở đây có trường hợp là lúc bị bệnh, lúc lễ dâng y, lúc bận làm y, lúc đi đường xa, lúc đi thuyền, lúc đại hội, lúc tu sĩ thí thực. Đây là trường hợp trong điều học này.

33. Thọ thực hậu thỉnh phạm ưng đối trị, ngoại trừ có trường hợp. Ở đây trường hợp này là lúc bị bệnh, lúc lễ dâng y, lúc bận làm y. Đây là trường hợp trong điều học này.

34. Vị Tỳ khưu đi đến tư gia, có người yêu cầu để cúng dường bánh hoặc lương khô. Nếu vị Tỳ khưu muốn thì chỉ nên thọ nhận hai-ba bát đầy. Nếu thọ nhận quá hạn ấy phạm ưng đối trị. Sau khi thọ nhận hai ba bát đầy, đem khỏi nơi ấy cần phải phân chia với các vị Tỳ khưu. Đây là cách làm đúng trong điều học này.

35. Vị Tỳ khưu nào đã ăn xong, đã ngăn thực, lại ăn hoặc thưởng thức vật thực loại cứng hay loại mềm phi tàn thực, phạm ưng đối trị.

36. Vị Tỳ khưu nào nài ép dâng cho Tỳ khưu đã ăn xong và ngăn vật thực rồi, bằng thức ăn loại cứng hay loại mềm phi tàn thực, bảo rằng: "Này Tỳ khưu hãy ăn, hãy thọ dùng" biết rõ nhưng muốn chỉ trích; khi vị đó ăn xong, vị này phạm ưng đối trị.

37. Vị Tỳ khưu nào nhai ăn hoặc thọ dùng vật thực loại cứng hay loại mềm trong phi thời, phạm ưng đối trị.

38. Vị Tỳ khưu nào nhai ăn hoặc thọ dùng vật thực loại cứng hay loại mềm đã dự trử, phạm ưng đối trị.

39 Những thức ăn thượng vị nào như là bơ tươi, bơ đặc, dầu mè, mật ong, đường, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông; vị Tỳ khưu nào vô bịnh vì lợi mình mà xin những thức ăn thượng vị như vậy rồi thọ dùng, phạm ưng đối trị.

40. Vị Tỳ khưu nào đưa vào miệng thứ vật thực chưa được cho, phạm ưng đối trị ngoại trừ nước lả và tăm xỉa răng.

Phẩm vật thực, thứ tư.

41. Vị Tỳ khưu nào tự tay cho thức ăn loại cứng hoặc loại mềm đến tu sĩ lỏa thể hay nam du sĩ hay nữ du sĩ, phạm ưng đối trị.

42. Vị Tỳ khưu nào nói với Tỳ khưu khác như sau: "này hiền giả hãy đi, chúng ta sẽ vào làng hay thị trấn để khất thực; nhưng rồi khi đã bố thí cho vị ấy hoặc chưa bố thí lại xua đuổi về: hãy đi đi này hiền giả nói chuyện với ông hay ngồi lại với ông, tôi không thoải mái, thà tôi nói chuyện một mình hay ngồi một mình mà an vui hơn". Chỉ có nguyên nhân ấy không chi khác, phạm ưng đối trị.

43. Vị Tỳ khưu nào xen vào ngồi trong gia đình đôi vợ chồng, phạm ưng đối trị.

44. Vị Tỳ khưu nào ngồi trong chỗ che dừng kín đáo với người phụ nữ, phạm ưng đối trị.

45. Vị Tỳ khưu nào ngồi khuất vắng với người phụ nữ, một với một, phạm ưng đối trị.

46. Vị Tỳ khưu nào được mời thỉnh nhận đi thọ thực, nếu chưa từ giả vị Tỳ khưu đang có mặt lại đi thăm viếng các gia đình khác trước hoặc sau thời ngọ trai, phạm ưng đối trị., ngoại trừ có trường hợp. Trường hợp ở đây là lúc lễ dâng y, lúc đang làm y. Đây là trường hợp trong điều học này.

47. Với vị Tỳ khưu vô bệnh chỉ nên vui nhận vật dụng yêu cầu thời hạn bốn tháng, nếu vui nhận quá thời hạn ấy, phạm ưng đối trị, ngoại trừ có lời yêu cầu tiếp tục hay được yêu cầu vĩnh viễn.

48. Vị Tỳ khưu nào đi xem quân đội diễn tập, phạm ưng đối trị. Ngoại trừ có duyên cớ thích đáng.

49. Đối với vị Tỳ khưu có duyên cớ chi phải đến gia binh thì vị Tỳ khưu ấy chỉ nên ngụ lại trong gia binh hai ba đêm. Nếu ngụ quá hạn ấy, phạm ưng đối trị.

50. Nếu vị Tỳ khưu khi đang cư ngụ tại gia binh hai ba đêm mà đi đến chỗ tập trận, chỗ đóng quân, chỗ tập hợp quân hoặc chỗ duyệt binh, phạm ưng đối trị.

Phẩm lõa thể, thứ năm.

51. Uống rượu ngâm, rượu cất, phạm ưng đối trị.

52. Chơi thọc cù lét, phạm ưng đối trị.

53. Giỡn nước, phạm ưng đối trị.

54. Thái độ bất cần, phạm ưng đối trị.

55. Vị Tỳ khưu nào hù nhát Tỳ khưu, phạm ưng đối trị.

56. Vị Tỳ khưu nào vô bệnh, đốt lửa muốn sưởi ấm hoặc sai đốt lửa, phạm ưng đối trị, ngoại trừ có duyên cớ hợp lẽ.

57. Vị Tỳ khưu nào chưa tới nữa tháng mà tắm, phạm ưng đối trị. ngoại trừ có trường hợp. Ở đây có trường hợp là còn một tháng rưỡi cuối mùa nóng, tháng đầu của mùa mưa, đó là hai tháng rưỡi thời gian oi bức; trường hợp thời tiết nực nội; trường hợp bệnh hoạn; trường làm việc nhọc; trường hợp đi đường xa; trường hợp mưa gió. Đây là duyên cớ trong điều học này.

58. Vị Tỳ khưu nhận được y mới phải lấy một trong ba màu tối để làm hoại sắc, là màu xanh, màu bùn hay màu đen. Nếu vị Tỳ khưu không lấy một trong ba màu tối làm hoại sắc mà sử dụng y mới, phạm ưng đối trị.

59. Vị Tỳ khưu nào tự mình ký gởi y cho Tỳ khưu hoặc Tỳ khưu ni hoặc học nữ hoặc sa di hoặc sa di ni, chưa rút lời mà sử dụng, phạm ưng đối trị.

60. Vị Tỳ khưu nào cất giấu hoặc bảo cất giấu bình bát của Tỳ khưu, hoặc y hoặc tọa cụ hoặc ống đựng kim hoặc dây lưng. Dù chỉ để vui cười. phạm ưng đối trị.

Phẩm uống rượu, thứ sáu.

61. Vị Tỳ khưu nào cố ý đoạt mạng sống sinh vật, phạm ưng đối trị.

62. Vị Tỳ khưu nào biết rõ nước có sinh vật mà vẫn sử dụng, phạm ưng đối trị

63. Vị Tỳ khưu nào biết rõ vụ kiện tụng đã được xử theo pháp vẫn khơi dậy để xử lại, phạm ưng đối trị.

64. Vị Tỳ khưu nào biết rõ lại che dấu tội xấu xa của Tỳ khưu, phạm ưng đối trị.

65. Vị Tỳ khưu nào biết rõ người chưa đủ hai mươi tuổi mà truyền cụ túc giới, phạm ưng đối trị; người ấy không thành cụ túc giới và chư Tỳ khưu ấy đáng bị quở trách.

66. Vị Tỳ khưu nào biết rõ mà rủ nhau hành trình chung đường dài cùng với bọn lậu thương, dù chỉ đi qua một khoảng xóm cũng phạm ưng đối trị.

67. Vị Tỳ khưu nào rủ nhau hành trình chung đường dài với người phụ nữ, dù chỉ qua một khoảng xóm cũng phạm ưng đối trị.

68. Vị Tỳ khưu nào nói như sau: "theo tôi hiểu biết pháp do Đức Thế Tôn đã thuyết thì những pháp mà Đức Thế Tôn bảo là pháp tai hại, những pháp ấy thật không đủ gây tai hại cho người hành theo đâu". Vị Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu khuyên bảo như vầy: "Tôn Giả chớ có nói như vậy, chớ có xuyên tạc Đức Thế Tôn, sự xuyên tạc Đức Thế Tôn chắc chắn là không tốt; bởi lẽ đức Thế Tôn không hề nói như vậy, này hiền giả các pháp tai hại được đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tuyên bố hại thì những pháp ấy hẳn đúng là gây tai hại cho người hành theo". Vị Tỳ khưu ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo như vậy mà vẫn cố chấp như cũ thì vị Tỳ khưu ấy cần được chư Tỳ khưu can gián ba lần cho bỏ lời ấy; nếu khi được can gián ba lần mà bỏ thì là điều tốt, bằng nếu không bỏ, phạm ưng đối trị.

69. Vị Tỳ khưu nào biết rõ vẫn ăn chung hoặc ở chung hoặc ngủ chung với Tỳ khưu người nói quấy không hành theo pháp, không bỏ tà kiến ấy, phạm ưng đối trị.

70. Nếu có vị sa di nói như sau: "theo tôi hiểu pháp Đức Thế Tôn đã thuyết, thì những pháp mà Đức Thế Tôn tuyên bố là tai hại, những pháp ấy thật sự không đủ để làm tai hại cho người thực hành đâu". Vị sa di ấy cần được chư Tỳ khưu nhắc bảo như sau: "Này ông sa di, ngươi chớ có nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn, vì sự xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt, chắc chắn Đức Thế Tôn không tuyên bố như vậy; này ông sa di những pháp tai hại đã được Đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tuyên bố thì những pháp ấy hẳn đúng là gây tai hại cho người thực hành" Vị sa di ấy khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo như vậy vẫn cố chấp thì vị sa di ấy cần được chư Tỳ khưu nói rằng: " kể từ hôm nay này ông sa di, Đức Thế Tôn không cần ngươi bái làm bậc Đạo Sư nữa; lợi đắc nào mà các vị sa di khác có được như quyền đồng cư với chư Tỳ khưu hai ba đêm, lợi đắc ấy ngươi không có, hỡi kẻ xấu hãy đi mất đi". Vị Tỳ khưu nào biết rõ vị sa đã bị tẩn xuất như thế lại dụ dỗ hoặc sai phục dịch hoặc ăn chung hoặc ngủ chung, phạm ưng đối trị.

Phẩm có sinh vật, thứ bảy.

71. Vị Tỳ khưu nào khi được chư Tỳ khưu nhắc bảo đúng pháp lại nói như sau: "Nầy chư hiền cho đến khi nào tôi chưa hỏi vị Tỳ khưu khác thông thạo trì luật thì đến chừng ấy tôi vẫn chưa chịu học tập điều học đó đâu" nói vậy phạm ưng đối trị. Này chư Tỳ khưu, với vị Tỳ khưu cầu học cần phải tìm hiểu, cần phải học hỏi, cần phải nghi vấn. Đây là điều hợp lý trong pháp này.

72. Vị Tỳ khưu nào khi giới bổn đang được thuyết tụng lại nói như sau: "có ích gì với những điều học nhỏ nhặt tiểu tiết này, chỉ là dẫn đến sự hối tiếc, ray rứt bận tâm thôi".

Vì thái độ chê bai học giới, phạm ưng đối trị.

73. Vị Tỳ khưu nào khi giới bổn được thuyết tụng mỗi nửa tháng một lần, lại nói như sau: "tới nay tôi mới biết là pháp này được tổng thuyết mỗi nửa tháng lại có liên quan đến kinh luật, hệ thuộc kinh luật". Các vị Tỳ khưu khác vẫn biết rõ đối với Tỳ khưu này đã từng ngồi nghe thuyết tụng giới bổn đôi ba lần, huống chi là nhiều hơn nữa. Đối với Tỳ khưu ấy không thoát tội do sự thiếu hiểu biết, vị đó có phạm tội gì thì cần được trị phạt theo pháp tội ấy; thêm nữa cần phải giải tỏa sự u mê của vị ấy, rằng: "này hiền giả thật bất lợi cho ông, thật thiệt hại cho ông về việc này, việc mà ông không chú

tâm khéo tác ý khi giới bổn đang được thuyết tụng". Trong vụ này vì việc giả khờ, phạm ưng đối trị.

74. Vị Tỳ khưu nào sân giận bất bình vị Tỳ khưu khác rồi đánh đập, phạm ưng đối trị.

75. Vị Tỳ khưu nào sân giận bất bình vị Tỳ khưu khác rồi giá tay dọa, phạm ưng đối trị.

76. Vị Tỳ khưu nào vu cáo vị Tỳ khưu với tội Tăng tàn vô căn cớ, phạm ưng đối trị.

77. Vị Tỳ khưu nào cố tình gây áy náy cho Tỳ khưu, nghĩ rằng: "làm cho vị ấy chỉ bất an một chút thôi". Chỉ có duyên cớ đó không chi khác, phạm ưng đối trị.

78. Vị Tỳ khưu nào trong khi các Tỳ khưu xung đột cãi vã tranh luận, lại đứng rình rập, nghĩ rằng: "Những vị này nói gì ta sẽ nghe điều ấy". Chỉ có duyên cớ đó không chi khác, phạm ưng đối trị.

79. Vị Tỳ khưu nào khi đã đưa lời thỏa thuận trong vụ tăng sự đúng pháp, về sau lại hiềm trách, phạm ưng đối trị.

80. Vị Tỳ khưu nào giữa cuộc xét xử đang tiến hành trong tăng, chưa đưa lời thỏa hiệp mà đứng dậy khỏi chỗ ngồi bỏ đi, phạm ưng đối trị.

81. Vị Tỳ khưu nào khi Tăng hòa hợp giao y rồi mà về sau lại hiềm trách rằng: "Chư Tỳ khưu theo pháp vị thân mà cưỡng đoạt lợi lộc của Tăng", phạm ưng đối trị.

82. Vị Tỳ khưu nào biết rõ lợi lộc được dâng hiến thuộc về tăng, lại cưỡng đoạt cho một cá nhân, phạm ưng đối trị.

Phẩm theo pháp, thứ tám.

83. Vị Tỳ khưu nào chưa báo tin trước mà đi vào hậu cung của vua Sát-đế-lỵ đã được tôn vương, khi vua và hoàng hậu chưa ngự ra ngoài, phạm ưng đối trị.

84. Vị Tỳ khưu nào nhặt lấy hoặc sai nhặt lấy báu vật hay vật được định là của báu, phạm ưng đối trị. ngoại trừ trong chùa hoặc nơi cư ngụ, khi vị Tỳ

khưu nhặt được hoặc bảo người nhặt báu vật hay vật được định là của báu, trong vòng chùa hoặc chỗ cư ngụ thì nên giữ lại nghĩ rằng là của ai người ấy sẽ mang đi. Đây là cách làm tốt trong điều này.

85. Vị Tỳ khưu nào nào chưa từ giả Tỳ khưu hiện diện, mà đi vào xóm lúc phi thời, phạm ưng đối trị, trừ phi có việc cấp thiết chính đáng.

86. Vị Tỳ khưu nào sai làm ống đựng kim bằng xương hoặc bằng nanh hoặc bằng sừng, phạm ưng đối trị, vật phải đập bể.

87. Giường hay ghế mới mà vị Tỳ khưu sai làm ra, cần phải cho làm chân cao tám ngón, tính theo ngón tay Đức Phật13 , đo từ thanh diềm dưới, vượt quá mức ấy phạm ưng đối trị, vật phải cất bỏ.

88. vị Tỳ khưu nào sai làm giường hay ghế lót nệm gòn, phạm ưng đối trị, nệm phải xé bỏ.

89. Tọa cụ mà Tỳ khưu nhờ làm, phải cho làm theo kích cở, kích thước ở đây là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, bìa 1 gang, tính theo gang Đức Phật 14, làm vượt quá cở ấy phạm ưng đối trị, vật phải cắt bỏ.

90. Băng rịt ghẻ mà Tỳ khưu nhờ làm, phải cho làm theo kích cở, kích thước ở đây là dài 4 gang, rộng 2 gang, tính theo gang Đức Phật; quá cở ấy phạm ưng đối trị, vật phải cắt bỏ.

91. Choàng tắm mưa mà Tỳ khưu nhờ làm, phải cho làm theo kích cở, kích thước ở đây là dài 6 gang, rộng 2 gang rưỡi, theo gang Đức Phật, quá cở ấy phạm ưng đối trị, vật phải cắt bỏ.

92. Vị Tỳ khưu nào nhờ làm y bằng cở y của Đức Phật hoặc rộng hơn, phạm ưng đối trị, y phải cắt bỏ. Ở đây, kích thước y của Đức Phật là chiều dài 9 gang chiều ngang 6 gang, theo gang tay Đức Phật, đây là kích thước tấm y của Đức Thiện Thệ.

Phẩm châu báu, thứ chín.

Bạch chư Tôn Giả, chín mươi hai pháp ưng đối trị đã được tổng thuyết.

Ở đây tôi xin hỏi chư Tôn Giả, các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ hai, tôi xin hỏi các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ ba, tôi xin hỏi các Ngài

được thanh tịnh chăng? chư Tôn giả trong đây được thanh tịnh, do đó im lặng, tôi xin ghi nhận sự việc ấy như vậy.

DỨT THUYẾT GIỚI ƯNG ĐỐI TRỊ.

--- o0o ---

1.1.h THUYẾT GIỚI ƯNG PHÁT LỘ (Paatidesaniie vitthaaruddeso)

Ime kho pan' aayasmanto cattaaro paa.tide-saniiyaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. Yo pana bhikkhu a~n~naatikaaya bhik-khuniyaa antaraghara.m pavi.t.thaaya hatthato khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa sahatthaa pa.tig-gahetvaa khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa pa.ti-desetabba.m tena bhikkhunaa gaarayha.m aavuso dhamma.m aapajji.m asappaaya.m paa.tide-saniiya.m ta.m pa.tidesemii' ti.

2. Bhikkhuu pan'eva kulesu nimantitaa bhu~njanti. Tatra ce bhikkhunii vosaasamaa-naruupa .thitaa hoti idha suupa.m detha idha odana.m dethaa ' ti. Tehi bhikkhuuhi saa bhik-khunii apasaadetabbaa apasakka taava bhagini yaava bhikkhuu

bhu~njantii' ti. Ekassapi ce bhik-khuno nappa.tibhaaseyya ta.m bhikkhuni.m apa-saadetu.m apasakka taava bhagini yaava bhikkhuu bhu~njantii' ti pa.tidesetabba.m tehi bhikkhuuhi gaarayha.m aavuso dhammaa aapajjimhaa asap-paaya.m paa.tidesaniiya.m ta.m pa.tidesemaa ' ti.

3. Yaani kho pana taani sekkhasammataani kulaani. Yo pana bhikkhu tathaaruupesu sekkha-sammatesu kulesu pubbe animantito agilaano khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa sahatthaa pa.tig-gahetvaa khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa pa.tidese-tabba.m tena bhikkhunaa gaarayha.m aavuso dhamma.m aapajji.m asappaaya.m pa.tidesaniiya.m ta.m pa.tidesemii ' ti.

4.Yaani kho pana taani aara~n~nakaani senaasanaani saasa.nkasammataani sappa.tibha-yaani. Yo pana bhikkhu tathaaruupesu senaasa-nesu viharanto pubbe appa.tisa.mvidita.m khaadaniiya.m vaa bhojaniiya.m vaa ajjhaaraame sahatthaa pa.tiggahetvaa agilaano khaadeyya vaa bhu~njeyya vaa pa.tidesetabba.m tena bhikkhunaa

gaarayha.m aavuso dhamma.m aapajji.m asappaa-ya.m paa.tidesaniiya.m ta.m pa.tidesemii ' ti.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto cattaaro paa.ti-desaniiyaa dhammaa.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Paa.tidesaniiyaa ni.t.thitaa.

Bạch chư Tôn giả, đây là bốn pháp ưng phát lộ được tổng thuyết như sau:

1. Vị Tỳ khưu nào ăn hoặc dùng vật thực loại cứng hay loại mềm nhận từ tay vị Tỳ khưu ni không phải thân quyến mới đi vào xóm, vị Tỳ khưu ấy cần phải phát lộ rằng: "Thưa hiền giả, tôi đã phạm điều ưng phát lộ, không thích hợp, đáng quở trách, tôi xin sám hối tội ấy".

2. Các vị Tỳ khưu được thỉnh mời, đang thọ thực tại những tư gia. Nếu tại đấy có vị Tỳ khưu ni đứng chiêu đãi, bão rằng: "Hãy cho canh ở đây, hãy cho cơm ở đây". Vị Tỳ khưu ni ấy cần được chư Tỳ khưu này đuổi ra: "Sư tỷ hãy tránh đi cho đến khi nào chư Tỳ khưu thọ thực xong". Nếu không có một vị Tỳ khưu nào lên tiếng đuổi Tỳ khưu ni ấy đi ra để chư Tỳ khưu thọ thực thì chư Tỳ khưu này đáng phải phát lộ như sau: "Này hiền giả, chúng tôi đã phạm điều ưng phát lộ, không thích hợp, đáng bị quở trách, chúng tôi xin sám hối điều ấy."

3. Có những gia đình được thừa nhận là bậc thánh hữu học. Vị Tỳ khưu nào vô bệnh, chưa được thỉnh mời trước mà tự tay thọ nhận và ăn hoặc dùng vật thực loại cứng hay loại mềm tại những gia đình thánh hữu học ấy, thì vị Tỳ khưu ấy cần phải phát lộ như sau: "này hiền giả, tôi đã phạm điều ưng phát lộ, không thích hợp, đáng bị quở trách, tôi xin sám hối điều ấy."

4. Có những trú xứ ở rừng mà được cho rằng đáng khả nghi, có sự nguy hiểm. Vị Tỳ khưu nào cư ngụ tại những trú xứ như thế vô bệnh lại tự tay thọ nhận rồi ăn hoặc dùng những thức ăn loại cứng, loại mềm, không thông báo trước, với vị Tỳ khưu ấy cần phải phát lộ như sau: "này hiền giả, tôi đã phạm điều ưng phát lộ, không thích đáng, đáng bị quở trách, tôi xin sám hối điều ấy."

Bạch chư Tôn Giả, bốn pháp ưng phát lộ đã được tổng thuyết. Ở đây tôi xin hỏi chư Tôn Giả, các Ngài có được thanh tịnh chăng? lần thứ hai, tôi xin hỏi các Ngài có được thanh tịnh chăng? lần thứ ba, tôi xin hỏi, các Ngài có được thanh tịnh chăng? Chư Tôn giả trong đây được thanh tịnh bởi thế mới im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó là vậy.

DỨT PHẦN ƯNG PHÁT LỘ

***

1.1.i THUYẾT GIỚI ƯNG HỌC PHÁP (Sekhiyadhamme vitthaaruddeso)

Ime kho pan' aayasmanto (pa~ncasattati) sekhiyaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

1. parima.n.dala.m nivaasissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

2. parima.n.dala.m paarupissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

3. Suppa.ticchanno antaraghare gamis-saamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

4. Suppa.ticchanno antaraghare nisiidis-saamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

5. Susa.mvuto antaraghare gamissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

6. Susa.mvuto antaraghare nisiidissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

7. Okkhittacakkhu antaraghare gamis-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

8. Okkhittacakkhu antaghare nisiidissaa-mii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

9. Na ukkhittakaaya antaraghare gamis-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

10. Na ukkhittakaaya antaraghare nisii-dissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

Parima.n.dalavaggo pa.thamo

11. Na ujjagghikaaya antaraghare gamis-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

12. Na ujjagghikaaya antaraghare nisii-dissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

13. Appasaddo antaraghare gamissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

14. Appasaddo antaraghare nisiidissaa-mii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

15. Na kaayappacaalaka.m antaraghare ga-missaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

16. Na kaayappacaalaka.m antaraghare nisiidissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

17. Na baahuppacaalaka.m antaraghare ga-missaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

18. Na baahuppacaalaka.m antaraghare ni-siidissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

19. Na siisappacaalaka.m antaraghare ga-missaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

20. Na siisappacaalaka.m antaraghare nisii-dissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

Ujjagghikavaggo dutiyo.

21. Na khambhakato antaraghare gamis-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

22. Na khambhakato antaraghare nisii-dissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

23. Na Ogu.n.thito antaraghare gamis-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

24. Na Ogu.n.thito antaraghare nisiidis-saamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

25. Na ukku.tikaaya antaraghare gamis-saamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

26. Na pallatthikaaya antaraghare nisii-dissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

Chabbiisati saaruppaa

27. Sakkacca.m pi.n.dapaata.m pa.tiggahes-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

28. Pattasa~n~nii pi.n.dapaata.m pa.tiggahes-saamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

29. Samasuupaka.m pi.n.dapaata.m pa.tigga-hessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

30. Samatittika.m pi.n.dapaata.m pa.tigga-hessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

Khambhakatavaggo tatiyo.

31. Sakkacca.m pi.n.dapaata.m bhu~njis-saamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

32. Pattasa~n~nii pi.n.dapaata.m bhu~njissaa- mii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

33. Sapadaana.m pi.n.dapaata.m bhu~njis-saamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

34. Samasuupaka.m pi.n.dapaata.m bhu~njis-saamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

35. Na thuupato omadditvaa pi.n.dapaata.m bhu~njissaamii'ti sikkhaa kara.niiyaa.

36. Na suupa.m vaa bya~njana.m vaa odanena pa.ticchaadessaamii' ti bhuyyokamyata.m upaadaa-yaa' ti sikkhaa kara.niiyaa.

37. Na suupa.m vaa odana.m vaa agilaano attano atthaaya vi~n~naapetvaa bhu~njissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

38. Na ujjhaanasa~n~nii paresa.m patta.m olokessaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

39. N ' aatimahanta.m kabala.m karissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

40. Parima.n.dala.m aalopa.m karissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

Sakkaccavaggo catuttho

41. Na anaaha.te kabale mukhadvaara.m vi-varissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

42. Na bhu~njamaano sabba.m hattha.m mukhe pakkhipissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

43. Na sakabalena mukhena byaaharis-saamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

44. Na pi.n.dukkhepaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

45. Na kabalaavacchedaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

46. Na avaga.n.dakaaraka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

47. Na hatthaniddhuunaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

48. Na sitthaavakaaraka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

49. Na jivhaanicchaaraka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

50. Na capucapukaaraka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

kabalavaggo pa~ncamo.

51. Na surusurukaaraka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

52. Na hatthanillehaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

53. Na pattanillehaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

54. Na o.t.thanillehaka.m bhu~njissaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

55. Na saamisena hatthena paaniiyathaala-ka.m pa.tiggahessaamii' ti sikkhaa kara.niiyaa.

56. Na sasitthaka.m pattadhovana.m an-taraghare cha.d.dessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

Sama.t.ti.msa bhojanappa.tisa.myuttaa

57. Na chattapaa.nissa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

58. Na da.n.dapaa.nissa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

59. Na satthapaa.nissa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

60. Na aavudhapaa.nissa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

Surusuruvaggo cha.t.tho.

61. Na paadukaaruu.lhassa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

62. Na upaahanaaruu.lhassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

63. Na yaanagatassa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

64. Na sayanagatassa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

65. Na palla.t.thikaaya nisinnassa agi-laanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara-.niiyaa.

66. Na ve.thitasiisassa agilaanassa dham-ma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

67. Na ogu.n.thitasiisassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

68. Na chamaaya.m nisiiditvaa aasane nisin-nassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sik-khaa kara.niiyaa.

69. Na niice aasane nisiiditvaa ucce aasane nisinnassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

70. Na .thito nisinnassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

71. Na pacchato gacchanto purato gac-chantassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

72. Na uppathena gacchanto pathena gac-chantassa agilaanassa dhamma.m desessaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

So.lasa dhammadesanaapa.tisa.myuttaa.

73. Na .thito agilaano uccaara.m vaa passaava.m vaa karissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

74. Na harite agilaano uccaara.m vaa pas-saava.m vaa khe.la.m vaa karissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

75. Na udake agilaanassa uccaara.m vaa pas-saava.m vaa khe.la.m vaa karissaamii ' ti sikkhaa kara.niiyaa.

Tayo paki.n.nakaa ni.t.thitaa.

Paadukaavaggo sattamo.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto (pa~ncasattati) sekhiyaa dhammaa.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh'etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Sekhiyaa ni.t.thitaa.

Bạch chư Tôn Giả, đây là bảy mươi lăm ưng học pháp được tổng thuyết như sau:

1. Điều cần phải học tập là ta sẽ vận y tề chỉnh.

2. Điều cần phải học tập là ta sẽ choàng y tề chỉnh.

3. Điều cần phải học tập là ta sẽ mặc kín đáo đi giữa xóm nhà.

4. Điều cần phải học tập là ta sẽ mặc kín đáo ngồi giữa xóm nhà.

5. Điều cần phải học tập là ta sẽ khéo thu thúc đi giữa xóm nhà.

6. Điều cần phải học tập là ta sẽ khéo thu thúc ngồi giữa xóm nhà.

7. Điều cần phải học tập là ta sẽ đi vào xóm nhà mắt nhìn xuống.

8. Điều cần phải học tập là ta sẽ ngồi trong xóm nhà mắt nhìn xuống.

9. Điều cần phải học tập là ta sẽ đi trong xóm nhà không vén y lên.

10. Điều cần phải học tập là ta sẽ ngồi trong xóm nhà không vén y lên

Phẩm tề chỉnh, thứ nhất.

11. Điều cần phải học tập là ta sẽ đi giữa xóm nhà không cười giòn.

12. Điều cần phải học tập là ta sẽ ngồi trong xóm nhà không cười giòn.

13. Điều cần phải học tập là ta sẽ nhỏ tiếng khi đi giữa xóm nhà.

14. Điều cần phải học tập là ta sẽ nhỏ tiếng khi ngồi giữa xóm nhà.

15. Điều cần phải học tập là ta sẽ không uốn éo người khi đi giữa xóm nhà.

16. Điều cần phải học tập là ta sẽ không uốn éo người khi ngồi giữa xóm nhà.

17. Điều cần phải học tập là ta sẽ không múa tay chân khi đi giữa xóm nhà.

18. Điều cần phải học tập là ta sẽ không múa tay chân khi ngồi giữa xóm nhà.

19. Điều cần phải học tập là ta sẽ không lắc đầu khi đi giữa xóm nhà.

20. Điều cần phải học tập là ta sẽ không lắc đầu khi ngồi giữa xóm nhà.

Phẩm cười giòn, thứ hai.

21. Điều cần phải học tập là ta sẽ không chống nạnh khi đi giữa xóm nhà.

22. Điều cần phải học tập là ta sẽ không chống nạnh khi ngồi giữa xóm nhà.

23. Điều cần phải học tập là ta sẽ không trùm đầu khi đi giữa xóm nhà.

24. Điều cần phải học tập là ta sẽ không trùm đầu khi ngồi giữa xóm nhà.

25. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đi nhón gót giữa xóm nhà.

26. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ngồi bó gối giữa xóm nhà.

Dứt hai mươi sáu điều hảo tướng.

27. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ nhận thực phẩm một cách nghiêm trang.

28. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ nhận thực phẩm, tưởng nhìn ngay bát.

29. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ nhận thực phẩm canh cơm bằng nhau.

30. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ nhận thực phẩm vừa đủ dùng.

Phẩm chống nạnh, thứ ba.

31. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ thực một cách nghiêm trang.

32. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ thực chỉ tưởng nhìn trong bát.

33. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ thực đều đặn.

34. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ thực cơm canh vừa nhau.

35. Điều cần phải học tập là ta sẽ thọ thực không đắp cơm vun lên.

36. Điều cần phải học tập là ta sẽ không lấy cơm che lấp canh hoặc thức ăn vì ý muốn được nhiều thêm.

37. Điều cần phải học tập là ta vô bệnh sẽ không xin canh hoặc cơm cho chính mình ăn.

38. Điều cần phải học tập là ta sẽ không nhìn ngó bát của vị khác có ý tìm lỗi.

39. Điều cần phải học tập là ta sẽ không làm vắt cơm quá lớn.

40. Điều cần phải học tập là ta sẽ vắt vật thực tròn đều.

Phẩm nghiêm trang, thứ tư.

41. Điều cần phải học tập là ta sẽ không há miệng khi vắt cơm chưa đưa tới.

42. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đút trọn các ngón tay vào miệng khi đang ăn.

43. Điều cần phải học tập là ta sẽ không nói chuyện khi miệng còn vật thực.

44. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn bằng cách tung hứng vắt cơm.

45. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn bằng cách cắn vỡ vắt cơm.

46. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn độn cơm phình má.

47. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn rảy búng ngón tay.

48. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn làm rơi đổ cơm.

49. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn thè lưỡi ra.

50. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn chép miệng thành tiếng.

Phẩm vắt cơm, thứ năm.

51. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn húp thành tiếng.

52. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn liếm tay.

53. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn liếm bát.

54. Điều cần phải học tập là ta sẽ không ăn liếm môi.

55. Điều cần phải học tập là ta sẽ không cầm đồ đựng nước với tay dính vật thực.

56. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đổ nước rửa bát có cặn thức ăn ra ngoài đất trống.

Dứt ba mươi hai điều liên quan vật thực.

57. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh tay cầm dù.

58. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh tay cầm gậy.

59. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh tay cầm dao.

60. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh tay cầm vũ khí.

Phẩm húp thành tiếng, thứ sáu.

61. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mang dép.

62. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người mang giày.

63. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh đi trên xe thuyền.

64. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà nằm.

65. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi bó gối.

66. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh đầu đội khăn nón.

67. Điều cần phải học tập là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh đầu trùm kín.

68. Điều cần phải học tập là khi ngồi trên đất trệt ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi trên chỗ trãi.

69. Điều cần phải học tập là khi ngồi trên chỗ thấp ta sẽõ không thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi trên chỗ cao.

70. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đứng thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi.

71. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đi phía sau thuyết pháp đến người vô bệnh đang đi phía trước.

72. Điều cần phải học tập là ta sẽ không đi phía lề đường thuyết pháp đến người vô bệnh đi chính giữa đường.

Dứt mười sáu điều liên quan việc thuyết pháp.

73. Điều cần phải học tập là ta vô bệnh sẽ không đứng đại tiện hoặc tiểu tiện.

74. Điều cần phải học tập là ta vô bệnh sẽ không đứng đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạt nhổ trên thảo mộc xanh tươi.

75. Điều cần phải học tập là ta vô bệnh sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạt nhổ trong nước sạch.

Dứt ba điều linh tinh.

Phẩm dép giày, thứ bảy.

Bạch chư Tôn Giả, bảy mươi lăm điều ưng học pháp đã được tổng thuyết. Ở đây tôi xin hỏi các tôn giả, các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ hai, tôi xin hỏi các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ ba, tôi xin hỏi các Ngài được thanh tịnh chăng? Các Tôn giả trong đây được thanh tịnh bởi thế mới im lặng, tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

DỨT THUYẾT GIỚI ƯNG HỌC PHÁP.

***

1.1.j THUYẾT GIỚI ĐIỀU DIỆT TRANH. (Adhikara.nasamathe vitthaar'uddeso)

Ime kho pan' aayasmanto satta adhikara-.nasamathaa dhammaa uddesa.m aagacchanti.

Uppannuppannaana.m adhikara.naana.m samathaaya vuupasamaaya sammukhaavinayo daà-tabbo sativinayo daatabbo amuu.lhavinayo daa- tabbo pa.ti~n~naaya kaaretabba.m yebhuyyasikaa tassa paapiyasikaa ti.navatthaarako' ti.

Uddi.t.thaa kho aayasmanto satta adhika-ra.nasamathaa dhammaa.

Tatth' aayasmante pucchaami kacci' ttha parisuddhaa? Dutiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa? Tatiyampi pucchaami kacci'ttha parisuddhaa?

Parisuddh' etth' aayasmanto tasmaa tu.nhii evameta.m dhaarayaami.

Adhikara.nasamathaa ni.t.thitaa.

Bạch chư tôn giả, đây là bảy pháp diệt tranh được tổng thuyết như sau:

Để lắng yên, hòa giải những vụ tố tụng đã khởi dậy, cần được đưa ra luật xử hiện diện, cần được đưa ra luật thừa nhận kẻ chánh niệm, cần được đưa ra luật thừa nhận kẻ bất si, cần được xử trị theo lời thú tội, giải quyết theo phần đông ý kiến, giải quyết theo mức tội phạm của đương sự, giải quyết nhượng bộ như cỏ che phủ.

Bạch chư Tôn Giả, bảy pháp diệt tranh đã được tổng thuyết. Ở đây tôi xin hỏi các tôn giả, các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ hai, tôi xin hỏi, các Ngài được thanh tịnh chăng? lần thứ ba, tôi xin hỏi các Ngài được thanh tịnh chăng? Các Tôn giả trong đây được thanh tịnh nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

DỨT PHÁP DIỆT TRANH.

***

1.1.k TỤNG PHẦN KẾT

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto nidaana.m.

Uddi.t.thaa cattaaro paaraajikaa dhammaa.

Uddi.t.thaa terasa sa"nghaadisesaa dhammaa.

Uddi.t.thaa dve aniyataa dhammaa.

Uddi.t.thaa ti.msa nissaggiyaa paacittiyaa dhammaa.

Uddi.t.thaa dvenavuti paacittiyaa dhammaa.

Uddi.t.thaa cattaaro paa.tidesaniyaa dhammaa.

Uddi.t.thaa (pa~ncasattati) sekhiyaa dham-maa.

Uddi.t.thaa satta adhikara.nasamathaa dhammaa.

Ettaka.m tassa bhagavato suttaagata.m suttapariyaapanna.m anva.d.dhamaasa.m uddesa.m aagacchati. Tattha sabbeh'eva samaggehi sam-modamaanehi avivadamaanehi sikkhitabban' ti.

Vi.t.thaaruddeso ni.t.thito

Bhikkhuppaatimokkha.m ni.t.thita.m.

Bạch chư Tôn Giả, duyên khởi đã được thuyết; bốn pháp triệt khai đã được thuyết; mười ba pháp Tăng tàn đã được thuyết; hai pháp bất định đã được thuyết; ba mươi pháp ưng xả đối trị đã được thuyết; chín mươi hai pháp ưng đối trị đã được thuyết;bốn pháp ưng phát lộ đã được thuyết; bảy mươi lăm ưng học pháp đã được thuyết; bảy pháp diệt tranh đã được thuyết. Bao nhiêu đó là giới kinh, điển pháp của Đức Thế Tôn, phải tụng đọc mỗi nửa tháng. Nơi đây cần được tất cả chúng ta học tập với sự hòa hợp hoan hỷ vô tranh.

DỨT PHẦN THUYẾT TỔNG GIỚI.

DỨT GIỚI BỔN TỲ KHƯU.

***

1.1.l CÁCH TỤNG GIỚI BỔN TÓM TẮT (Sa"nkhepa)

Trong ngày bố-tát, nếu lúc sắp tụng giới bổn, có xãy ra một trong mười trở ngại (antaraayika) thì chư tăng có thể tụng giới bổn tóm tắt, không phạm tội tác ác. Mười trở ngại ấy như sau:

1. Trở ngại vì vua đến (raajanta raayika).
2. Trở ngại vì trộm cướp (coranta raayika).
3. Trở ngại vì hỏa hoạn (aggi-anta raayika).
4. Trở ngại vì nước lụt (udakanta raayika).
5. Trở ngại vì đông người (manussanta raayika).
6. Trở ngại vì phi nhơn (amanussanta raayika)
7. Trở ngại vì thú dữ (vaalanta raayika)
8. Trở ngại vì rắn rít (siri.msapanta raayika)
9. Trở ngại vì thiệt mạng (jiiitanta raayika) 10. Trở ngại vì nguy phạm hạnh (brahmacari-yanta raayika).

Có bốn cách tụng giới bổn tóm tắt:

I. Tụng giới bỏ bớt phần Vitthaaruddeso, sau đó tụng phần kết thúc như vầy:

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto nidaana.m, uddi.t.thaa cattaaro paaraajikaa dhammaa, uddi.t.thaa terasa sa"nghaadisesaa dhammaa, uddi.t.thaa dve aniyataa dhammaa. Sutaa kho pan' aayasmantehi ti.msa nissaggiyaapaacittiyaa dhammaa, dvenavuti paacittiyaa dhammaa cattaaro paa.tidesaniiyaa dham-maa (pa~ncasattati) sekhiyaa dhammaa satta adhi-kara.nasamathaa dhammaa. Ettaka.m tassa bha-gavato suttaagata.m suttapariyaapanna.m anva.d-.dhamaasa.m uddesa.m aagacchati. Tattha

sabbeh' eva samaggehi sammodamaanehi avivadamaa- nehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhuppaa.timokkha.m ni.t.thita.m.

Bạch chư Tôn Giả, duyên khởi đã được thuyết; bốn pháp triệt khai đã được thuyết; mười ba pháp Tăng tàn đã được thuyết; hai pháp bất định đã được thuyết. Còn lại các Tôn Giả đã được nghe rồi như là ba mươi pháp ưng xả đối trị, chín mươi hai pháp ưng đối trị, bốn pháp ưng phát lộ, (bảy mươi lăm) ưng học pháp, bảy pháp diệt tranh. Bao nhiêu đó là kinh giới pháp điển của Đức Thế Tôn, phải tụng đọc mỗi nửa tháng. Ở đây tất cả chúng ta cần học tập với sự hòa hợp hoan hỷ vô tranh.

Dứt giới bổn tỳ khưu.

II. Tụng giới bỏ bớt phần Aniyatuddeso và Vitthaaruddeso, sau đó tụng phần kết thúc như vầy:

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto nidaana.m, uddi.t.thaa cattaaro paaraajikaa dhammaa, uddi.t.thaa terasa sa"nghaadisesaa dhammaa. Sutaa kho pan' aayasmantehi dve aniyataa dhammaa ti.msa nissaggiyaa paacittiyaa dhammaa, dvenavuti paacit-tiyaa dhammaa cattaaro paa.tidesaniiyaa dham-maa, (pa~ncasattati) sekhiyaa dhammaa, satta adhi- kara.nasamathaa dhammaa. Ettaka.m tassa bha-gavato suttaagata.m suttapariyaapanna.m anva.d-.dhamaasa.m uddesa.m aagacchati. Tattha sabbeh' eva samaggehi sammodamaanehi avivadamaa-nehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhuppaa.timokkha.m ni.t.thita.m.

Bạch chư Tôn Giả, duyên khởi đã được thuyết; bốn pháp triệt khai đã được thuyết; mười ba pháp Tăng tàn đã được thuyết; Còn lại đã được chư Tôn Giả nghe rồi như là hai pháp bất định, ba mươi pháp ưng xả đối trị, chín mươi hai pháp ưng đối trị, bốn pháp ưng phát lộ, (bảy mươi lăm) ưng học pháp, bảy pháp diệt tranh. Bao nhiêu đó là kinh giới pháp điển của Đức Thế Tôn, phải đọc tụng mỗi nửa tháng. Ở đây tất cả chúng ta cần phải học tập với sự hòa hợp hoan hỷ vô tranh.

Dứt giới bổn tỳ khưu.

III. Chỉ tụng giới hai phần là Nidaanuddeso, và Paaraajikuddeso rồi tụng phần kết như sau:

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto nidaana.m, uddi.t.thaa cattaaro paaraajikaa dhammaa. Sutaa kho pan' aayasmantehi terasa sa"nghaadisesaa dham- maa dve aniyataa dhammaa ti.msa nissaggiyaa paacittiyaa dhammaa dvenavuti paacittiyaa dham-maa cattaaro paa.tidesaniiyaa dhammaa (pa~nca-sattati) sekhiyaa dhammaa satta adhikara-.nasamathaa dhammaa. Ettaka.m tassa bhaga-vato suttaagata.m suttapariyaapanna.m anva.d-.dhamaasa.m uddesa.m aagacchati. Tattha sabbeh' eva samaggehi sammodamaanehi avivadamaa-nehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhuppaa.timokkha.m ni.t.thita.m.

Bạch chư Tôn Giả, duyên khởi đã được thuyết; bốn pháp triệt khai đã được thuyết. Còn lại đã được chư Tôn Giả nghe rồi như là mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp bất định, ba

mươi pháp ưng xả đối trị, chín mươi hai pháp ưng đối trị, bốn pháp ưng phát lộ, (bảy mươi lăm) ưng học pháp, bảy pháp diệt tranh. Bao nhiêu đó là kinh giới điển pháp của Đức Thế Tôn, phải tụng đọc mỗi nửa tháng. Ở đây cần được tất cả chúng ta học tập với sự hòa hợp, hoan hỷ, vô tranh.

Dứt giới bổn tỳ khưu.

IV. Chỉ tụng giới một phần là Nidaanuddeso, rồi tụng phần kết như sau:

Uddi.t.tha.m kho aayasmanto. Sutaa kho pan' aayasmantehi cattaaro paaraajikaa dhammaa, terasa sa"nghaadisesaa dhammaa dve aniyataa dhammaa ti.msa nissaggiyaa paacittiyaa dham-maa dvenavuti paacittiyaa

dhammaa cattaaro paa-.tidesaniiyaa dhammaa (pa~ncasattati) sekhiyaa dhammaa satta adhikara.nasamathaa dhammaa. Ettaka.m tassa bhagavato suttaagata.m sutta-pariyaapanna.m anva.d.dhamaasa.m uddesa.m aagacchati. Tattha sabbeh' eva samaggehi sam-modamaanehi avivadamaanehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhuppaa.timokkha.m ni.t.thita.m.

Bạch chư Tôn Giả, duyên khởi đã được thuyết. Còn lại đã được chư Tôn Giả nghe rồi như là bốn pháp triệt khai, mười ba pháp tăng tàn, hai pháp bất định, ba mươi pháp ưng xả đối trị, chín mươi hai pháp ưng đối trị, bốn pháp ưng phát lộ, (bảy mươi lăm) ưng học pháp, bảy pháp diệt tranh. Bao nhiêu đó là kinh giới điển pháp của Đức Thế Tôn, phải tụng đọc mỗi nửa tháng. Ở đây cần được tất cả chúng ta học tập với sự hòa hợp, hoan hỷ, vô tranh.

Dứt giới bổn tỳ khưu.

Đến đây đã kết thúc cách thức tăng bố-tát (Sa"ngha-uposatha).

***

1.2 Cách thức Ga.na-uposatha

Làm lễ bố-tát chỉ có hai hoặc ba vị Tỳ khưu thì không tụng Paa.timokkha mà chỉ làm bằng cách phát lộ sự thanh tịnh. Cách bố-tát nầy vì vậy cũng được gọi là Parisuddhi-uposatha (thanh tịnh bố-tát).

Nếu chúng có ba vị thì phải tuyên ngôn trước khi mỗi vị phát lộ thanh tịnh, như sau:

Su.nantu me aayasmantaa ajjuposatho pa.n.naraso15. Yad' aayasmantaana.m pattakalla.m maya.m a~n~nama~n~na.m parisuddhi- uposatha.m kareyyaama.

Thưa các tôn giả, xin hãy nghe tôi, hôm nay là ngày bố-tát rằm. Nếu đã hợp thời với các tôn giả, chúng ta phải làm thanh tịnh bố-tát lẫn nhau.

Sau khi tuyên ngôn, mỗi vị sẽ tuần tự hạ lạp phát lộ thanh tịnh, như sau:

Vị lớn hạ nhất hãy nói ba lần:

Parisuddho aha.m aavuso parisuddho' ti ma.m dhaaretha. Dutiyampi parisuddho.. pe.. Tatiyampi parisuddho.. pe..

Các hiền giả tôi thanh tịnh, xin các vị nhận biết tôi là người được thanh tịnh. Lần thứ hai ... Lần thứ ba ...

Các vị nhỏ hạ nói Sàdhu, rồi phát lộ 3 lần như vầy:

Ukaasa parisuddho aha.m bhante pari-suddho' ti ma.m dhaaretha. Dutiyampi pari-suddho.. pe.. Tatiyampi parisuddho.. pe..

Thưa các Ngài, tôi thanh tịnh, xin các Ngài nhận biết tôi là người được thanh tịnh. Lần thứ hai ... Lần thứ ba...

Một vị phát lộ xong các vị khác đều nói Sàdhu.

Nếu Gana-uposatha chỉ có hai vị Tỳ khưu thì không cần tuyên ngôn, chỉ tự mỗi vị phát lộ thanh tịnh cho biết nhau là được.

Vị lớn hạ phát lộ:

Parisuddho aha.m aavuso parisuddho' ti ma.m dhaarehi. Dutiyampi parisuddho.. pe.. Tatiyampi parisuddho.. pe..

Nầy Hiền giả, tôi thanh tịnh; ông hãy nhận biết là tôi thanh tịnh. Lần thứ nhì ... lần thứ ba ...

Vị nhỏ hạ phát lộ:

Parisuddho aha.m bhante parisuddho' ti ma.m dhaaretha 16 . Dutiyampi parisuddho.. pe.. Tatiyampi parisuddho.. pe..

Bạch Ngài, tôi thanh tịnh, xin Ngài nhận biết là tôi thanh tịnh. Lần thứ nhì ... Lần thứ ba ...

DỨT GA.NA-UPOSATHA

***

1.3 Cách thức Puggala-uposatha

Puggala-uposatha tức là Đơn thân bố-tát. Khi vị Tỳ khưu tại trú xứ vào ngày bố-tát không có các vị khác đến cùng làm lễ bố-tát thì một cũng phải làm lễ bố-tát bằng cách chú nguyện rằng:

Ajja me uposatho, Hôm nay là ngày bố-tát của ta.

Hoặc nguyện khác:

Ajja me uposatho pa.n.naraso' ti adhit-thaami, ta chú nguyện rằng hôm nay ngày rằm là ngày bố-tát của ta.

Dứt Puggala-uposatha.

DỨT LỄ BỐ TÁT

---o0o---

02. LỄ TỰ TỨ (Pavaara.naa)

Ngày Tự tứ là ngày chư Tỳ khưu mãn an cư mùa mưa (ra hạ), rằm tháng 9 âl, ngày ấy chư Tỳ khưu không làm lễ bố-tát tụng giới mà phải làm lễ Tự tứ (pavaara.naa).

Lễ Tự tứ có 3 là:

1. Tăng Tự tứ (sa"nghappavaara.naa), nơi có từ 5 vị tỳ khưu trở lên làm lễ Tự tứ, gọi làSa"nghappavaara.naa. 2. Nhóm Tự tứ (ga.nappavaara.naa), nơi chỉ có hai, ba, hoặc bốn vị Tỳ khưu làm lễ Tự tứ, gọi làga.nappavaara.naa. 3. Cá nhân Tự tứ (puggalappavaara.naa) chỉ có một vị Tỳ khưu đơn thân làm lễ Tự tứ, gọi làpuggalappavaara.naa.

---o0o---

2.1 Cách thức Sa"nghappavaara.naa.

Khi bắt đầu vào lễ Tự tứ, Tăng phải cử ra hai vị rành mạch để hỏi đáp luật; cũng giống như trường hợp hành lễ bố-tát, chỉ có một vài điểm đổi khác.

2.1.a Vấn đáp luật Tự tứ

Lời vấn đáp luật như sau:

Vấn - Namo tassa bhagavato arahato sammaasambuddhassa. Su.naatu me bhante sa.ngho yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m aayasmanta.m itthannaama.m vinaya.m pucchey-ya.m.

Kính lễ Đức Thế Tôn Ưng Cúng Chánh Biến Tri ... Bạch Đại Đức Tăng, xin hãy nghe tôi, nếu đã hợp thời với Tăng, tôi xin hỏi luật tôn-giả tên vậy.

Đáp - Namo tassa bhagavato arahato sammaasambuddhassa. Su.naatu me bhante sa.ngho yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m aayasmataa itthannaamena vinaya.m pu.t.tho vissajjeyya.m.

Kính lễ Đức Thế Tôn Ưng Cúng Chánh Biến Tri ... Bạch Đại Đức Tăng, xin hãy nghe tôi, nếu đã hợp thời với Tăng, tôi sẽ đáp luật do tôn-giả tên vậy đã hỏi.

Vấn - Sammajjanii padiipo ca udaka.m aasanena ca pavaaranaaya etaani pubbakara.nan' ti vuccati. Ukaasa sammajjanii?

Sự quét dọn, đèn đuốc, nước nôi và chỗ ngồi, các việc đó là tiền sự của ngày Tự tứ. Vậy sự quét dọn là gì?

Đáp - Sammajjanakara.na~nca

Là việc lau quét sạch sẽ chỗ làm lễ.

Vấn - Padiipo ca?

Sao là đèn đuốc?

Đáp - Padiipa-ujjalana~nca. Idaani suriyaa-lokassa natthitaaya padiipakicca.m atthi..

(Hoặc là ... Idaani suriyaalokassa atthitaaya padiipakicca.m natthi).

Là việc thắp sáng đèn đuốc. Bây giờ cần đốt đèn vì không có ánh sáng mặt trời.

(Hoặc là bây giờ không cần đốt đèn vì có ánh sáng mặt trời).

Vấn - Udaka.m aasanena ca?

Nước và chỗ ngồi là sao?

Đáp - Aasanena saha paaniiyabhojaniiya-udaka.t.thapana~nca.

Là sự sắp đặt nước uống nước rửa cùng với tấm trải ngồi nơi làm lễ.

Vấn - Pavaara.naaya etaani pubbakara.nan' ti vuccati?

Nói rằng đó là tiền sự trong này Tự tứ, là sao?

Đáp - Etaani cattaari vattaani sammajja-nakara.naadiini sa"nghasannipaatato pa.thama.m kattabbattaa pavaara.naaya pavaara.naakammassa pubbakaranan'ti vuccati pubbakara.naanii' ti akkhaataani.

Gọi là tiền sự của ngày Tự tứ, tức là bốn việc đó như quét dọn.v.v... cần phải làm trước khi Tăng tụ họp. Những việc đó được gọi là những tiền sự vậy.

Vấn - Chandappavaara.naa utukkhaana.m bhikkhuga.nanaa ca ovaado pavaaranaaya etaani pubbakiccan' ti vuccati. Chandappavaara.naa?

Trình lời hưởng ứng, cùng lời Tự tứ, kể mùa tiết, đếm tăng số, ban giáo giới, những việc đó gọi là tiền phận sự của lễ Tự tứ. Việc trình lời thoả hiệp cùng lời Tự tứ là sao?

Đáp - Chandaarahaana.m bhikkhuuna.m chandappavaara.naaharana~nca. Idha natthi. (Idha natthi).

Tức là đem lời thoả hiệp và lời Tự tứ của các vị Tỳ khưu đáng gởi lời. Hôm nay không có. (Hôm nay có việc ấy) 17

Vấn - Utukkhaana.m?

Việc kể mùa tiết?

Đáp - Hemantaadiina.m tinna.m utuuna.m ettaka.m atikkanta.m ettaka.m avasi.t.than' ti eva.m utu aacikkhana.m utuunii' dha pana saasane hemantagimhavassaanaana.m vasena tiini honti. Aya.m vassaana-utu asmi.m utumhi satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa; (nếu làm Tự tứ Rằm / 9) Iminaa pakkhena pavaara.naadivaso sampatto pa~nca

uposathaa atikkantaa dve uposathaa ava-si.t.thaa. (Nếu là ngày cuối / 9) Iminaa pakkhena pavaara.naadivaso sampatto cha uposathaa atikkantaa eko uposatho avasi.t.tho. (Nếu là ngày rằm / 10) Iminaa pakkhena pavaranaadivaso sam-patto satta uposathaa atikkantaa satta ca uposathaa ekaa ca pavaara.naa paripu.n.naa.

Sự kể mùa tiết là như vầy, nói rằng " trong ba mùa như mùa lạnh.v.v... đã trải qua mấy kỳ, còn lại mấy kỳ". Trong Phật giáo có ba mùa là mùa lạnh, mùa nóng và mùa mưa. Nay là mùa mưa, trong mùa này có bảy kỳ bố-tát và một kỳ Tự tứ; (Rằm/ 9) kỳ này là ngày Tự tứ, đã trải qua năm kỳ bố-tát, còn lại hai kỳ bố-tát nữa. (cuối / 9) kỳ này là ngày Tự tứ, đã trải qua sáu kỳ bố- tát, còn lại một kỳ bố tát nữa. (Rằm / 10) kỳ này là ngày Tự tứ, đã trải qua bảy kỳ bố-tát, bảy kỳ bố-tát và một kỳ Tự tứ tròn đủ rồi.

Vấn - Bhikkhuga.nanaa ca?

Việc đếm số lượng Tỳ khưu?

Đáp - Imasmi.m pavaara.nagge sannipati-taana.m bhikkhuuna.m ga.nanaa "pa~nca"18 bhikkhuu honti.

Tại Tự tứ phòng này, số lượng Tỳ khưu cu hội là "năm" vị Tỳ khưu.

Vấn - Ovaado?

Việc giáo giới?

Đáp - Bhikkhuniina.m ovaado daatabbo. Idaani pana taasa.m natthitaaya so ca ovaado idha natthi.

Là việc phải ban giáo huấn đối với Tỳ khưu ni. Bây giờ không còn Tỳ khưu ni nên ở đây không có việc giáo giới ấy.

Vấn - Pavaara.naaya etaani pubbakiccan’ti vuccati?

Nói rằng, những việc đó là tiền phận sự của lễ Tự tứ, là sao?

Đáp - Etaani pa~nca kammaani chandappa-vaara.naadiini ~nattiyaa.thapanato pa.thama.m kat-tabbattaa pavaara.naaya paavaara.naakammassa pub-bakiccan’ti vuccati pubbakiccaanii’ ti akkhaataa-ni.

Gọi là tiền phận sự của lễ Tự tứ, tức là nói những việc phải làm trước; trong ngày Tự tứ có năm việc cần làm trước khi sắp đặt tuyên ngôn, như là đưa lời thỏa hiệp, lời Tự tứ.v.v...

Vấn - Pavaara.naa yaavatikaa ca bhikkhuu kammappattaa sabhaagaapattiyo ca na vijjanti vajjaniiyaa ca puggalaa tasmi.m na honti patta-kallan’ti vuccati. Pavara.naa?

Đúng ngày Tự tứ, có đủ số Tỳ khưu tác thành tăng sự, không có phạm đồng tội, trong tăng hội không có những hạng người phải tránh, đó được gọi là đã đúng thời. Ngày Tự tứ là gì?

Đáp - Dvisu pavaara.naadivasesu catud-dasiipa.n.narasiisu. Ajja pavaara.naa "pa.n.narasii".

Làm lễ trong hai ngày Tự tứ, là ngày 14 âl hoặc ngày rằm. Hôm nay lễ Tự tứ "ngày rằm" 19.

Vấn - Yaavatikaa ca bhikkhuu kammap-pattaa?

Đủ số Tỳ khưu tác thành tăng sự, là sao?

Đáp - Yattakaa bhikkhuu tassa pavaara.naa-kammassa pattaayuttaa anuruupaa sabbantimena paricchedena pa~nca bhikkhuu pakatattaa sa.nghena anukkhittaa te ca kho hatthapaasa.m avijjahitvaa ekasiimaaya.m.thitaa.

Tối đa bao nhiêu vị Tỳ khưu cũng phải lẽ, thích hợp, tác thành tăng sự Tự tứ ấy cả; nhưng giới hạn tối thiểu cũng phải có năm vị Tỳ khưu trong sạch không bị Tăng nghi tội, và các vị ấy đồng trụ trong cùng Siimaa không cách biệt khoảng hắc tay.

Vấn - Sabhaagaapattiyo ca na vijjanti?

Không có phạm đồng tội là sao?

Đáp - Vikaalabhojanaadivatthusabhaagaapat-tiyo ca na vijjanti.

Là không có các tội bị phạm giống nhau như là đồng phạm tội ăn phi thời chẳng hạn.

Vấn - Vajjaniiyaa ca puggalaa tasmi.m na honti?

Trong chúng không có hạng người cần tránh, là sao?

Đáp - Gaha.t.thapa.n.dakaadayo ekaviisati vajjaniiyapuggalaa hatthapaasato bahikara.nava-sena vajjetabbaa tasmi.m na honti.

Là trong chỗ tăng hội ấy không có 21 hạng người phải cách ly, chẳng hạn như người thế tục, người bộ nấp.v.v... nên cách xa ngoài hắc tay.

Vấn - Pattakallan'ti vuccati?

Sao gọi là hợp thời?

Đáp - Sa.nghassa pavaara.naakamma.m imehi catuuhi lakkha.nehi sa.ngahita.m patta-kallan' ti vuccati pattakaalavantan' ti ak-khaata.m.

Gọi là hợp thời tức là nói đến tăng sự đúng thời điểm để làm, như việc Tự tứ của tăng đã hội đủ bốn yếu tố này vậy.

---o0o---

2.1.b Tuyên ngôn Tự tứ

Khi hỏi luật xong, vị vấn phải bạch thỉnh tụng tuyên ngôn Tự tứ như sau:

Pubbakara.napubbakiccaani samaapetvaa desitaapattikassa samaggassa bhikkhusa"nghas-sa anumatiyaa ~natti.m.thapetu.m ajjhesana.m karomi.

Khi đã hoàn tất các tiền sự và tiền phận sự, theo sự chấp nhận của Tăng Tỳ khưu đã sám hối tội và hòa hợp rồi, tôi xin thỉnh cầu Ngài đọc tuyên ngôn.

Phần vấn đáp luật vừa xong, tiếp theo vị luật sư xướng tuyên ngôn Tự tứ. Tùy theo hoàn cảnh cho phép mà xướng tuyên ngôn cáo bạch; có 4 trường hợp:

a) Rộng thời gian và không có điều chi trở ngại, thì mỗi vị Tỳ khưu phải tác bạch ba lời tự tự (Tevaacikaa pavaara.naa), trường hợp này tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa.ngho ajjappa-vaara.naa pa.n.narasii. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho tevacika.m pavaareyya.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, hôm nay ngày rằm là ngày Tự tứ, nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên Tự tứ ba lời.

b) Hoàn cảnh gấp rút vì có điều trở ngại xảy ra, như có hiểm nạn phạm hạnh v.v... cần làm tăng sự nhanh chóng thì cáo bạch cho tăng biết chỉ nên mỗi vị Tự tứ hai lời (Dvevaacikaa pavaara.naa), trường hợp này tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa.ngho, aya.m brahmacariyantaraayo20 sace sa.ngho tevaaci-ka.m pavaaressati appavaarito va sa.ngho bhavissati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho dvevaacika.m pavaareyya.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, nay có điều trở ngại cho phạm hạnh, nếu Tăng Tự tứ ba lời, e Tăng chúng sẽ không được Tự tứ đủ cả. Nếu đã hợp thời với Tăng, tăng phải nên Tự tứ hai lời.

c) Hoàn cảnh khẩn cấp nữa, không đủ thời gian để mỗi vị Tự tứ hai ba lời, thì nên đề nghị mỗi vị chỉ Tự tứ một lời (Ekavaacikaa pavaara.naa), trường hợp này tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa.ngho, aya.m brah-macariyantaraayo sace sa.ngho tevaacika.m pavaa-ressati appavaarito va sa.ngho bhavissati yadi sa"nghassa pattakalla.m sa.ngho ekavaacika.m pavaareyya.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, nay có điều trở ngại cho phạm hạnh, nếu Tăng Tự tứ ba lời, e Tăng chúng sẽ không được Tự tứ đủ cả. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên Tự tứ một lời.

d) Hoàn cảnh thúc bách hơn, không đủ thời gian để mỗi vị Tự tứ một, hai, ba lời, thì nên đề nghị chư Tăng các vị đồng hạ cùng Tự tứ một lượt (samaanavassikaa pavaara.naa), trường hợp này tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa.ngho, aya.m brah-macariyantaraayo sace sa.ngho tevaacika.m pavaa-ressati appavaarito va sa.ngho bhavissati yadi sa"nghassa pattakalla.m sa.ngho samaanavas-sika.m pavaareyya.

Bạch Đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, nay có điều trở ngại cho phạm hạnh, nếu Tăng Tự tứ ba lời, e tăng chúng sẽ không được Tự tứ đủ cả. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên Tự tứ đồng hạ lạp.

Còn một trường hợp khác, dù không có xảy ra điều tai hại chi, nhưng trong tăng hội có các vị niên cao lạp lớn sức khỏe kém không thể ngồi lâu để nghe từng vị Tự tứ, vậy phải đề nghị Tăng Tự tứ theo đồng hạ lạp, lý do khác hơn (a~n~nathà pavaara.naa), trường hợp này sẽ tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa.ngho, ajjappa-vaara.naa pa.n.narasii aya.m ca bhikkhusa.ngho bahutaro hoti sace ekeko bhikkhu pacceka.m pavaaressati sa"nghassa pavaara.naakamma.m ati-cira.m pavattissati mahallakaa ca mahaatheraa cira.m

nisiiditu.m na sakkhissanti. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa.ngho samaanavassi-ka.m pavaareyya.

Bạch Đại đức Tăng, hãy nghe tôi, hôm nay ngày rằm là ngày Tự tứ, Tỳ khưu tăng này quá đông nếu mỗi vị Tỳ khưu Tự tứ riêng biệt thì việc Tự tứ sẽ diễn ra rất lâu, các vị đại lão già cả không thể ngồi lâu được, vậy nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên Tự tứ theo đồng hạ lạp.

Sau tuyên ngôn là đến lúc các Tỳ khưu Tự tứ lần lượt. Lời Tự tứ, tỏ với Tăng như vầy:

Sa.ngha.m bhante pavaaremi di.t.thena vaa sutena vaa parisa.nkaaya vaa vadantu ma.m aayas-manto anukampa.m upaadaaya passanto pa.tika- rissaami.

Bạch quí Ngài, Tôi xin yêu cầu Tăng chúng, quí Ngài hãy vì lòng thương tưởng mà nhắc nhở tôi nếu thấy hoặc nghe hoặc nghi ngờ gì; khi thấy lỗi tôi sẽ sám hối.

Có thể yêu cầu ba lần, hoặc hai, hoặc một, tùy theo hoàn cảnh thời gian mà trong tuyên ngôn vị luật sư đã đề nghị.

Lại nữa trong lời Tự tứ tỏ với tăng ấy, nếu đối với vị cao hạ nhất trong tăng hội thì vị ấy sẽ nói Aavuso (các hiền giả) thay vìBhante (quí ngài).

DỨT CÁCH THỨC TĂNG TỰ TỨ.

***

2.2 Cách thức Nhóm Tự tứ (Ga.nappavaara.naa)

Nhóm (ga.na) là chỉ 2 hoặc 3 hoặc 4 vị Tỳ khưu. không gọi là tăng Tự tứ vì nếu có 2 vị thì một Tự tứ với một, nếu có 3 vị thì một Tự tứ với hai, nếu có 4

vị Tỳ khưu một Tự tứ với ba, như vậy không thành Tự tứ với tăng (4 vị Tỳ khưu).

Tự tứ với Nhóm, không cần vấn đáp luật, chỉ cần có tuyên ngôn cáo bạch, rồi lần lượt mỗi vị Tự tứ. Một vị Tỳ khưu thông hiểu hãy tuyên ngôn như sau:

Su.nantu me aayasmanto ajjappavaara.naa pa.n.narasii. Yad’ aayasmantaana.m pattakalla.m maya.m a~n~nama~n~na.m tevaacika.m pavaareyyaama.

Thưa chư Tôn Giả, xin hãy nghe tôi, hôm nay ngày rằm là ngày Tự tứ. Nếu đã hợp thời với chư tôn Giả, chúng ta nên Tự tứ với nhau ba lần.

Tiếp đến các vị Tỳ khưu sẽ lần lượt nói lời Tự tứ, như sau:

Aha.m bhante21 aayasmante pavaaremi di.t.thena vaa sutena vaa parisa.nkaaya vaa vadantu ma.m aayasmanto anukampa.m upaadaaya passanto pa.tikarissaami. Dutiyampi aha.m.. pe... Tatiyampi aha.m.. pe...

Bạch quí Ngài, tôi xin yêu cầu quí Ngài, quí Ngài hãy vì lòng thương tưởng mà nhắc nhở tôi do đã thấy, đã nghe hoặc nghi ngờ gì; khi thấy lỗi tôi sẽ sám hối. Lần thứ nhì ... Lần thứ ba.

Trường hợp có 2 vị Tự tứ với nhau, không cần phải vấn đáp cũng khỏi tuyên ngôn (~natti), chỉ tỏ lời Tự tứ là đủ, nói như sau:

Aha.m bhante aayasmanta.m pavaaremi di.t.thena vaa sutena vaa parisa.nkaaya vaa vadatu ma.m aayasmaa anukampa.m upaadaaya passanto pa.tikarissaami. Dutiyampi.. pe.. Tatiyampi aha.m.. pe..

Bạch Tôn giả, tôi xin yêu cầu Ngài, xin Ngài hãy vì thương tưởng mà nhắc nhở tôi do đã thấy, đã nghe, hoặc đã nghi ngờ gì; khi thấy lỗi tôi sẽ sám hối. Lần thứ nhì ... lần thứ ba.

DỨT CÁCH NHÓM TỰ TỨ.

***

2.3 Cách thức cá nhân Tự tứ (puggalappa-vaara.naa).

Đến ngày Tự tứ, Tỳ khưu chỉ có một mình tại trú xứ nhập hạ, phải chú nguyện ngày Tự tứ như sau:

Ajja me pavaara.naa pa.n.narasii.

Hôm nay ngày rằm là ngày Tự tứ của ta.

DỨT CÁCH CÁ NHAÂN TỰ TỨ.

***

2.4 Phép dời ngày Tự tứ (pavaaranaasa"ngahita-kara.na)

Trong ngày mãn hạ, tức là ngày rằm tháng Kattika (9 âl), nếu chư tăng ở tại chùa đó có duyên cớ chi đặc biệt nên không thể làm lễ Tự tứ cùng nhau được thì hãy dời lại vào ngày khác, còn ngày ấy thì làm bố-tát (Uposatha).

Nên cho một vị Tỳ khưu nào thông hiểu đứng ra tuyên ngôn cáo bạch trình tăng như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho avaasiko. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho idaani upo-satha.m kareyya paa.timokkha.m uddiseyya aagame kaale pavaareyya.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Tăng không ở yên, nếu đã hợp thời với Tăng, bây giờ Tăng phải nên làm bố-tát thuyết giới bổn, lúc sau hãy Tự tứ.

Trường hợp tuyên ngôn trình nhóm vài vị Tỳ khưu thì đọc như sau:

Su.nantu me aayasmantaa avaasikaa. Yad’ aayasmantaana.m pattakalla.m maya.m idaani uposatha.m kareyyaama paa.timokkha.m uddisey-yaama aagame kaale pavaareyyaama.

Thưa chư Tôn giả, xin hãy nghe tôi, các vị không ở yên. Nếu đã hợp thời với các tôn giả, thì bây giờ chúng ta chỉ nên làm bố-tát tụng giới bổn, lúc sau hãy Tự tứ.

Ngày Tự tứ có thể dời lại ngày sau, tức là trong hai kỳ bố-tát cuối mùa mưa, cuối tháng chín âl hoặc rằm tháng mười âl, nhưng không thể quá mùa mưa.

DỨT LỄ TỰ TỨ.

***

03. SỰ GIAO KA.THINA(Ka.thinadaana)

Sau khi mãn hạ, thời gian từ 16 / 9 âl đến rằm / 10, tháng cuối của mùa mưa, nếu có thí chủ cúng dường vải may y đến chư Tỳ kheo, vị Tỳ kheo được phép thọ lảnh để làm y Ka.thina.

Tại một chùa hay một trú xứ an cư chư Tỳ kheo chỉ được phép lãnh y ka.thina một lần, một dịp sau khi ra hạ; chư tăng sẽ chọn giao y ka.thina cho một vị Tỳ kheo nào đó, vị ấy thọ lãnh (atthata.m) và các vị khác trong chùa sẽ tùy hỷ (anumodanaa), và như thế tất cả Tỳ kheo ở đó sẽ được hưởng năm l?i ích (anisa.msa) đồng nhau; tức là suốt thời gian từ ngày thọ y đến hết mùa nắng (gimha-utu) vị Tỳ kheo lìa tam y cách đêm không phạm tội ưng xã đối trị, cất giữ y dư quá mười ngày không phạm tội ưng xả đối trị, rủ nhau thành nhóm thọ thực biết trước món ăn không phạm tội ưng đối trị, đi vào xóm chưa kiếu từ vị sư bạn cũng không phạm ưng đối trị, và được hưởng chia bất cứ lợi lộc nào phát sanh tại đấy. Đó là năm lợi ích cho vị lãnh và vị tùy hỷ yKa.thina.

* Cách thức tác thành y Ka.thina:

Tăng sự giao y ka.thina, túc số tăng tối thiểu cũng phải có năm vị Tỳ kheo, 4 vị giao cho một vị, phải cử hành trong phạm viSiimaa (ngoại trừ việc nguyện thọ y và tùy hỷ y, có thể làm ngoài Siimaa).

Vị Tỳ kheo được chọn để giao thọ y ka.thina phải là vị đã nhập hạ tròn đủ (không đứt hạ, không phải hậu thời an cư rằm/ bảy), vị ấy có y cũ rách, thông hiểu cách thức làm ka.thina.

Khi giao y cho vị Tỳ kheo thọ lãnh ka.thina cần phải làm tăng sự nhị bạch tuyên ngôn (~nattiduti-yakammavaacaa) như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho ida.m sa"nghassa ka.thinadussa.m uppanna.m. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho ima.m ka.thina- dussa.m itthannaamassa bhikkhuno dadeyya ka.thina.m attharitu.m. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho ida.m sa"nghassa ka.thinadussa.m uppanna.m. Sa"ngho ima.m ka.thinadussa.m itthannaamassa bhik-khuno deti ka.thina.m attharitu.m. Yass' aayasmanto khamati imassa ka.thinadussassa itthannaamassa bhikkhuno daana.m ka.thina.m attharitu.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dinna.m ida.m sa.nghena ka.thina-dussa.m itthannaamassa bhikkhuno ka.thina.m attharitu.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, đây là vải ka.thina phát sanh đến tăng. Nếu đã hợp thời với tăng, chúng tăng nên giao vải ka.thina này cho Tỳ kheo tên vậy để làm y ka.thina.Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, đây là vải ka.thina phát sanh đến tăng. chúng tăng nên giao vải ka.thina này cho Tỳ kheo tên vậy để làm y ka.thina; sự giao vải ka.thina

nầy cho Tỳ kheo tên vậy làm y ka.thina, nếu Tôn Giả nào chấp nhận thì vị ấy im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nói ra.

Vải ka.thina này đã được tăng giao cho Tỳ kheo tên vậy để làm y ka.thina, Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

Sau khi tuyên ngôn, vị Tỳ kheo được tăng giao vải ka.thina phải nhanh chóng làm cho xong y trong ngày, tuần tự công việc là đo, cắt, lược, may, giặt, nhuộm, và làm dấu hoại sắc.

Làm dấu hoại sắc, là dùng mực màu xanh hoặc đen hoặc xám, khuyên tròn bốn góc y, dấu khuyên cở bằng tròng mắt gà, lúc đang làm dấu phải tác ý:

Ima.m bindukappa.m karomi, Ta làm dấu này.

Ngày nay thí chủ thường dâng Ka.thina với y may sẳn nên vị Tỳ kheo không bận việc may nhuộm nữa, chỉ còn công việc là làm dấu y (bindukappa) thôi.

Làm dấu y mới xong, phải xả bỏ y cũ và chú nguyện tên y mới. Vải Ka.thina đã may thành một y nào trong tam y, thì xả bỏ y cũ và chú nguyện tên y mới phải theo thứ đó; chẳng hạn may y Ka.thina là y Tăng già lê (sa"nghaa.ti),thì xả bỏ y tăng già lê cũ, và nguyện tên y tăng già lê mới.

Lời xả tên y cũ 22 (paccuddhara) như sau:

Ima.m sa"nghaati.m paccuddharaami.

Ta xả bỏ y tăng-già-lê này.

Lời nguyện tên y mới (adhi.t.thàna) như sau:

Ima.m sa"nghaati.m adhi.t.thaami.

Ta chú nguyện y tăng-già-lê này.

Khi vị Tỳ kheo ấy đã hoàn tất y, may làm dấu, chú nguyện, và đắp mặc rồi hãy đến trước Tăng chúng mà tuyên bố sự thành tựu y Ka.thina, như sau:

Imaaya sa"ngha.tiyaa23 ka.thina.m attha-raami.

Tôi thọ Ka.thina với y tăng già lê nầy.

Nếu trong chùa đó có nhiều vị Tỳ kheo đã cùng nhập hạ thì vị thọ lãnh y Ka.thina ấy tiếp theo đó phải kêu gọi các vị trong chùa tuỳ hỷ Ka.thina với mình, hãy nói như sau:

Atthata.m bhante24 sa"nghassa ka.thina.m dhammiko ka.thinatthaaro anumodatha 25 .

Bạch quí Ngài, y Ka.thina của tăng đã hoàn thành, sự thọ lãnh Ka.thina đã đúng pháp xin quí Ngài hãy tùy hỷ.

Các vị trong chùa ấy đồng nói lời tùy hỷ, như sau:

Atthata.m aavuso sa"nghassa Ka.thina.m dhammiko Ka.thinatthaaro anumodaama.26

Hiền giả, y Ka.thina của tăng đã hoàn thành sự thọ lãnh Ka.thina đã đúng pháp, chúng tôi xin tùy hỷ.

***

Trong thời gian hưởng quyền lợi do hiệu lực Ka.thina, vị Tỳ kheo đã thọ hoặc tùy hỷ không nên rời khỏi trú xứ ấy với ý nghĩ là ta sẽ không trở lại chỗ này; vì hai điều kết buộc hiệu lực Ka.thina là y chưa thành (ciivarapalibodha) và chỗ an cư (aavaasa-palibodha); nay y đã Ka.thina hoàn thành rồi, chỉ còn một điều kết buộc hiệu lực Ka.thina tức là vương vấn chỗ an cư.

Tuy nhiên, hiệu lực Ka.thina vẫn có một lý do khác làm hoại mất, ấy là chư tăng trong chùa đồng lòng xã bỏ hiệu lực.

Khi có duyên cớ phải xả hiệu lực Ka.thina, như có thí chủ yêu cầu để cúng dường lợi lộc đến khách tăng chẳng hạn, thì chư tăng trong chùa nếu xét hợp lý hãy họp tăng, và làm tăng sự hủy hiệu lực Ka.thina (Ka.thinuddhara). Một vị thông thạo luật sẽ tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho. Yadi sa"n-ghassa pattakalla.m sa"ngho ka.thina.m uddha-reyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho. Sa"ngho ka.thina.m uddharati. Yass’ aayasmato khamati ka.thinassa uddharo so tu.nh’ assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Ubbhata.m sa"nghena ka.thina.m khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch Đại đức tăng,xin hãy nghe tôi, nếu đã hợp thời với Tăng, thì tăng phải xả bỏ ka.thina. Đó là lời bố cáo.

Bạch Đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Tăng xả bỏ ka.thina.Sự xả bỏ ka.thina, tôn giả nào chấp nhận thì vị ấy im lặng, bằng như vị nào không đồng ý phải nói ra. Hiệu lực ka.thina đã được tăng xả bỏ rồi; Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

Khi Tăng đã đồng lòng xả bỏ hiệu lực ka.thina bằng tăng sự nhị bạch tuyên ngôn như thế thì hiệu lực ka.thina không còn nữa, dù có một vị Tỳ kheo nào trong chùa bận vắng mặt không dự tăng sự nhưng cũng hết quả báo (anisa.msa) cùng lúc với các vị ở chùa.

DỨT SỰ GIAO Y KA.THINA

***

04. TĂNG SỰ KẾT GIỚI SIIMAA

Siimaa là ranh giới, biên giới, lằn kẽ phân địa hạt. Địa phận mà được ấn định làm ranh nơi tăng hòa hợp giải quyết tăng sự, bằng cách đánh dấu cột mốc chung quanh, địa phận ấy gọi là vùng Siimaa .

Siimaa hay cương giới có hai loại là:

1. Siimaa có đánh dấu (baddhasiimaa) tức là cương giới có đặt cột mốc (nimitta) làm dấu ranh.

2. Siimaa không đánh dấu (abaddhasiimaa) tức là cương giới được giới hạn mơ hồ, không có đặt cột mốc làm dấu ranh, chẳng hạn như tạm thời ấn định phạm vi một làng.v.v...

Đề cập đến baddhasiimaa (cương giới đặt cột mốc). Loại Siimaa nầy kiên cố, đảm bảo cho sự hòa hợp tăng hành tăng sự.

Điều kiện tác thành cương giới Siimaa là:

a) Hợp lý về dấu ranh (nimittasampatti) b) Hợp lý về tăng hội thực hiện (parisaasam-patti) c) Hợp lý về tuyên ngôn tăng sự (kammavaacaa-sampatti).

Hợp lý về dấu ranh, nghĩa là cột mốc (nimitta) phải là vật đúng qui cách luật cho phép; có 8 thứ là ngọn núi (pabbata), đá tảng (paasaana), khu rừng già (vana), cội cây (rukkha), đường lộ (magga), gò mối (vammika), dòng sông (nadii),vũng nước (udaka). Tám thứ ấy khi lấy làm móc ranh vị luật sư phải xem xét kỷ chọn cho đúng qui cách, thí dụ lấy đá tảng phải chọn kích cở không lớn quá con bò, trọng lượng nặng trên 36 cân Anh (21, 6 kg).v.v...

Mặt khác, vật ranh ấy phải đặt theo các hướng của địa bàn, tối thiểu cũng 3 điểm hướng thành hình tam giác, nếu 4 điểm hướng thành hình tứ giác.v.v... không nên chỉ hai hướng hoặc một hướng, vì không thành hình thức mặt bằng.

Thêm nữa, khi đi xác minh cột mốc ranh hướng, vị Luật sư phải xác minh theo từng hướng thứ tự và vòng qua hướng khởi điểm, như thế mới gọi là Ranh bao bọc, thí dụ: Đông - Nam - Tây - Bắc - Đông.

Điều kiện thứ hai, hợp lý về tăng hội thực hiện, nghĩa là hội chúng (parisaa) Tỳ kheo phải có túc số tối thiểu từ 4 vị đến nhiều hơn; các vị trong tăng hội phải thanh tịnh, hòa hợp, đứng hoặc ngồi không cách khoảng nhau quá hắc tay (hatthapaasa).

Mặt khác khi tăng thực hiện kết giới phải đứng trong vòng ranh mà ấn định; không nên đứng phía ngoài vòng ranh mà ấn địnhSiimaa vì đứng bên ngoài thực hiện sẽ bất thành siimaa.

Điều kiện thứ ba, hợp lý về tuyên ngôn tăng sự. Tuyên ngôn (Kammavaacaa) thực hiện kết giới Siimaa phải là hình thức Nhị bạch tuyên ngôn (~nattidutiya-kammavaacaa), không thể làm khác; và phải tùy ý nghĩa loại Siimaa mà lập tuyên ngôn. Có 3 loại hình Siimaa :

a) Samaanasa.mvaasasiimaa, cương giới ấn định chỗ cộng trú hòa hợp tăng. Loại Siimaa nầy nhất định phải hình thành trong mọi địa bàn.

b) Ticiivaraavippavaasasiimaa, cương giới ấn định thành nơi cho phép lìa xa tam y. Loại Siimaa nầy không nhất thiết phải ấn định, có thể hình thành tùy địa bàn; tức là nơi mà có Samaanasa.mvaasasiimaa bao trùm cả những trú xứ của chư Tỳ kheo, thì Đức Phật cho phép ấn định thành Ticiivaraavippavaasasiimaa để để các vị Tỳ kheo

khỏi phạm tội do xa lìa tam y cách đêm; tuy nhiên, nếu mahaasiimaa đó tọa lạc trong làng xóm hoặc quá cận làng (gaama~nca gaamuupacaara~nca) vẫn không được phép ấn định thành Ticiivaraavippa-vaasasiimaa.

c) Kha.n.dasiimaa,cương giới nhỏ hay cương giới ấn định thành bố-tát đường (uposathaa gaarasammati). NếuMahaasiimaa tức samaanasa.mvaasasiimaa có phạm vi quá rộng bao gồm cả tăng xá, giảng đường, phòng ăn, nhà xí ... thì để thuận tiện cho việc họp Tăng làm bố-tát, Tự tứ ... Đức Phật cho phép Tăng ấn định một ngôi nhà làm bố-tát đường hay chánh điện. Theo đây thấy rằng, nếu samaanasa.mvaasasiimaa đã ấn định chỉ nội phạm vi chánh điện thì không cần làm thêm kha.n.dasiimaa cũng được; mà làm để đặt tên chùa cũng được.

* Cách thức xác định cột mốc ranh giới:

Nếu không tiện cho tất cả Tăng đi xem xét cột mốc ranh giới thì nên cử 4 vị Tỳ kheo thông hiểu, đi ra xác minh mốc ranh ở các hướng rồi trình lại chư tăng cũng được.

Xác minh bắt đầu từ hướng Đông rồi sang hướng Nam, hướng tây, hướng bắc; cũng có thể mốc ranh nằm ở hướng phụ như Đông nam, Tây nam, Tây bắc, Đông bắc ... vị Luật sư phải xác định.

Khi xác minh mốc ranh, vị luật sư phải hỏi, và một người nào đó đứng gần phải đáp, rồi vị Luật Sư xác nhận. Cứ thế theo mỗi hướng.

- Hỏi: Puratthimaaya disaaya ki.m nimit-ta.m?

Ở hướng đông có gì là mốc ranh?

- Đáp: Paasaano bhante!

Bạch Ngài, có đá tảng!

- Xác nhận: Eso paasaamo nimitta.m.

Mốc ranh là tảng đá đó.

Hướng Đông nam: Puratthimaaya anudi-saaya...

Hướng Nam: Dakkhinaaya disaaya...

Hướng Tây nam: Dakkhinaaya anudisaaya...

Hướng Tây: Pacchimaaya disaaya...

Hướng Tây bắc: Pacchimaaya anudisaaya...

Hướng bắc: Uttaraaya disaaya...

Hướng đông bắc: Uttaraaya anudisaaya...

Xác minh xong các hướng phải xác minh lại một lần nữa ở hướng khởi điểm:

- Hỏi: Puratthimaaya disaaya ki.m nimit-ta.m.

- Đáp: Pàsàno bhante!

- Xác nhận: Eso paasaano nimitta.m.

* Cách thức tuyên ngôn kết giới:

Sau khi đã xác minh mốc ranh chung quanh địa bàn rồi, chư tăng tập trung một nơi, vị Luật sư hãy trình bày cho Tăng biết các mốc ranh theo phương hướng; Nếu tất cả Tỳ kheo nơi ấy đã cùng đi xác minh mốc ranh rồi thì khỏi phảitrình nữa. Tiếp theo đó hãy tuyên ngôn trình tăng ấn định cương giới Siimaa.

* Tuyên ngôn Samaanasa.mvaasasiimaa:

Su.naatu me bhante sa"ngho yaavataa samantaa nimittaa kittitaa. Yadi sa"nghassa pat-takalla.m sa"ngho etehi nimittehi siima.m sam-manneyya samaanasa.mvaasa.m ekuposa-tha.m. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho yaavataa sa-mantaa nimittaa kittitaa. Sa"ngho etehi nimittehi siima.m sammannati samaanasa.mvaasa.m ekupo-satha.m. Yass' aayasmato khamati etehi nimit-tehi siimaaya sammati samaa.nasa.mvaasaaya eku-posathaaya so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Sammataa Siimaa sa"nghena etehi nimittehi samaanasa.mvaasaa ekuposathaa. Kha-mati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaa-rayaami.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, các mốc ranh đã xác định giới hạn chung quanh. Nếu đã hợp thời với tăng, Tăng nên ấn định cương giới chỗ cộng trú đồng bố-tát, theo các mốc ranh đó. Đây là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, các mốc ranh đã xác định giới hạn chung quanh. Tăng ấn định cương giới chỗ cộng trú đồng bố-tát, theo các mốc ranh đó. Sự ấn định cương giới chỗ cộng trú đồng bố-tát vị nào chấp nhận thì im lặng, vị nào không chấp nhận phải nói ra. Cương giới chỗ cộng trú đồng bố-tát đã được tăng ấn định theo các mốc ranh đó, Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

* Tuyên ngôn Ticiivaravippavaasasiimaa:

Ticiivaraavippavaasasiimaa là địa phận mà tăng ấn định theo vùng samaanasa.mvaasasiimaa, có tác dụng để cho phép khi cư ngụ trong địa phận ấy được phép để rời tam y cách đêm mà không phạm tội ưng xã đối trị. Loại Siimaa này được kết giới phải có đủ hai điều kiện: nơi mà cách biệt xóm làng, và là nơi đã kết Samaanasa.mvaasasiimaa rộng bao trùm các liêu cốc trú xứ. Do đó loại Ticiivaaravippavaasasiimaa không nhất thiết nơi nào cũng làm được. Nếu có làm, đọc tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho yaasaa sa"n-ghena Siimaa sammataa samaanasa.mvaasaa ekupo-sathaa. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho ta.m siima.m ticiivarena avippavaasa.m samman-neyya .thapetvaa gaama~nca gaamuupacaara~nca. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho yaasaa sa"nghena Siimaa sammataa samaanasa.mvaasaa ekuposathaa. Sa"ngho ta.m siima.m ticiivarena avippavaasa.m sammannati .thapetvaa

gaama~nca gaamuupacaara~nca.

Yass' aayasmato khamati etis-saa siimaaya ticiivarena avippavaasaaya sammati .thapetvaa gaama~nca gaamuupacaara~nca so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Sammataa saa Siimaa sa"nghena ticiivarena avippavaasaa .thapetvaa gaama~nca gaamuupacaara~nca. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaara-yaami.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, Siimaa nào Tăng đã ấn định là chỗ cộng trú đồng bố-tát. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng nên ấn định Siimaa ấy là nơi lìa xa tam y, ngoại trừ làng và cận làng. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, Siimaa nào Tăng đã ấn định là chỗ cộng trú đồng bố-tát, bây giờ Tăng ấn định Siimaa ấy thành nơi được xa lìa tam y ngoại trừ làng và cận làng. Sự ấn định Siimaa ấy thành nơi được xa lìa tam y ngoại trừ làng và cận làng, nếu vị tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận phải nói ra. Siimaa ấy đã được tăng ấn định thành nơi được xa lìa tam y trừ làng và cận làng, tăng chúng đã chấp nhận nên mới im lặng, tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

* Tuyên Ngôn Kha.n.dasiimaa:

Kha.ndasiimaa là khu vực nhỏ mà tăng ấn định trên vùng Samaanasa.mvaasasiimaa, vì vùng Siimaa nầy quá rộng không tiện để họp tăng sự nên phải ấn định một khu vực nhất là nơi chánh điện, làm tụ điểm. Kha.n.dasiimaa cũng còn gọi làuposathaagaarasam-matisiimaa. Tuyên ngôn đ? kết giới Kha.n.dasiimaa như sau:

" Su.naatu me bhante sa"ngho. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m 27 vihaara.m uposathaagaara.m sammanneyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho. Sa"ngho itthannaama.m vihaara.m uposathaagaara.m sam-mannati. Yass' aayasmato khamati itthannaa- massa vihaarassa uposathaagaarassa sammati so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya sammato sa"nghena itthannaamo vihaaro uposathaagaara.m. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức tăng, xin nghe tôi nếu đã hợp thời với tăng, tăng nên ấn định chánh điện "tên vậy" là bố-tát đường. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi tăng chúng ấn định chánh điện "tên vậy" là bố-tát đường. Sự ấn định chánh điện "tên vậy" là bố-tát đường nếu vị tôn giả nào chấp nhận thì hãy im lặng, như vị nào không chấp nhận thì hãy nói ra. Chánh điện "tên nầy" đã được tăng ấn định là bố-tát đường, tăng chúng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

* Cách thức hủy bỏ cương giới Siimaa :

Nơi nào là phạm vi cương giới Siimaa, nếu tăng không cần sử dụng nữa, hoặc để dời đi nơi khác, hoặc để làm Siimaa mới hẹp hơn hay rộng hơn, chư tăng phải hủy bỏ hiệu lực Siimaa cũ đó.

Nếu không hủy bỏ Siimaa cũ mà làm Siimaa mới đè lên thì Siimaa mới không thành tựu. Ngày nay khi làm Siimaa ? các chùa đều phải tụng xã Siimaa cũ trước vì lý do ngừa sự bất thành Siimaa do không biết đã có Siimaa từ xưa rồi làm đè lên nền cũ.

Tụng tuyên ngôn hủy bỏ Siimaa phải thứ lớp, tức là xả Ticiivaravippavaasasiimaa trước, tụng xả Samaanasa.mvaasasiimaasau, vì khi kết giới Siimaa làm Samaanasa.mvaasasiimaa trước mới làm Ticiivaraavip-pavaasasiimaa.

* Tuyên ngôn hủy bỏ Ticiivaraavippavaasa-siimaa:

Su.naatu me bhante sa"ngho yo so sa"n-ghena ticiivarena avippavaaro sammato. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho ta.m ticiivarena avippavaasa.m samuuhaneyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho yo so sa"nghena ticiivarena avippavaaro sammato. Sa"ngho ta.m ticiivarena avippavaasa.m samuuha-nati. Yass' aayasmanto khamati etassa ticiiva-rena avippavasassa samugghaato so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Samuuhato so sa"nghena ticiivarena avippavaaso. Khamati sa"n-ghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, cương giới xa lìa tam y đã được Tăng ấn định, tăng đã ấn định, nếu đã hợp thời với tăng, tăng phải hủy bỏ cương giới xa lìa tam y ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, cương giới xa lìa tam y đã được tăng ấn định, tăng hủy bỏ cương giới xa lìa tam y ấy. Sự hủy bỏ cương giới xa lìa

tam y đó, nếu vị Tôn giả nào chấp nhận thì im lặng như vị nào không chấp nhận phải nói ra. Cương giới xa lìa tam y ấy đã được tăng hủy bỏ, tăng chúng chấp nhận nên mới im lặng. tôi ghi nhận việc đó như vậy.

* Tuyên ngôn hủy bỏ Samaanasa.mvaasasiimaa:

Su.naatu me bhante sa"ngho yaa saa sa"n-ghena Siimaa sammataa samaanasa.mvaasaa ekupo-sathaa. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho ta.m siima.m samuuhaneyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho yaa saa sa"n-ghena Siimaa sammataa samaanasa.mvaasaa ekupo-sathaa. Sa"ngho ta.m siima.m samuuhanati. Yass' aayasmato khamati etissaa siimaaya samaanasa.m-vaasaaya ekuposathaaya samugghaato so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Samuu-hataa saa Siimaa sa"nghena samaanasa.mvaasaa eku- posathaa. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Siimaa cộng trú đồng bố-tát mà tăng đã ấn định, nếu đã hợp thời với tăng, tăng nên hủy bỏ Siimaa ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Siimaa cộng trú đồng bố-tát mà tăng đã ấy định, tăng hủy bỏ Siimaa ấy.Sự hủy bỏ Siimaa cộng trú đồng bố-tát, vị nào chấp nhận thì im lặng, vị nào không chấp nhận phải nói ra. Siimaa cộng trú đồng bố-tát ấy đã được tăng

hủy bỏ, tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

DỨT KẾT GIỚI SIIMAA.

---o0o---

05. PHÉP TU SA-DI (pabbajitavidhii)

Truyền giới xuất gia cho một thiện nam tử để trở thành một vị Sa-di (Saama.nera), gọi là phép tu Sa-di.

Về nghi thức cho tu Sa-di không cần đến tăng sự tuyên ngôn (~natti). Một vị tỳ khưu trưởng lão làm thầy tế độ của thiện nam tử ấy trước sự chứng minh của vài vị Tỳ khưu hay Tăng chúng cũng tốt.

Trước tiên, giới tử phải tìm đủ y và bát, cạo bỏ râu tóc, cầm y bát đến trước mặt vị thầy tế-độ, sau khi đảnh lễ Ngài ba lạy, xong đứng lên chấp tay nghiêm trang, tác bạch như sau:

" Ukaasa vandaami bhante sabba.m apa-raadha.m khamatha me bhante mayaa kata.m pu~n~na.m saaminaa anumoditabba.m saaminaa ka-ta.m pu~n~na.m mayha.m daatabba.m saadhu saadhu anumodaami. Ukaasa kaaru~n~na.m katvaa pabbaj-ja.m detha me bhante".

Bạch Ngài, con thành kính đãnh lễ Ngài. Bạch Ngài, xin hãy xá tội lỗi cho con: phước báo con đã làm xin Ngài tùy hỷ, phước báo Ngài đã tạo hãy cho đến con, lành thay! con xin tùy hỷ. Bạch Ngài, kính xin Ngài hãy vì lòng bi mẩn mà cho con xuất gia.

Rồi ngồi xuống theo thế ngồi chồm hổm, chấp tay lên nói tiếp:

"Aha.m bhante pabbajja.m yaacaami; duti-yampi aha.m bhante pabbajja.m yaacaami; tati-yampi aha.m bhante pabbajja.m yaacaami".

Bạch Ngài, con cầu xin được xuất gia; lần thứ nhì, con cầu xin được xuất gia; lần thứ ba, con cầu xin được xuất gia.

Kế đến giới tử cầm lấy bộ y ca-sa dâng đến tay thầy tế độ và tác bạch như sau:

"Sabbadukkhanissara.nanibbaanasacchi-kara.natthaaya ima.m kaasàva.m gahetvaa pabbaa-jetha ma.m bhante anukampa.m upaadaaya" (nói ba lần).

Vì mục đích chứng ngộ níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch ngài, xin Ngài vì lòng bi mẩn mà thu nhận y cà sa nầy và cho con xuất gia

Giới tử lại đọc lời nầy để xin y ca sa:

Sabbadukkhanissara.nanibbaanasacchi -kara.natthaaya eta.m kaasaava.m datvaa pabbaajetha ma.m bhante anukampa.m upaadaaya "(nói ba lần).

Vì mục đích chứng ngộ Níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch ngài, xin Ngài vì lòng bi mẩn mà cho lại con y ca sa đó và cho con xuất gia.

Khi giới tử dứt lời, Thầy Hòa Thượng hãy cho lại y ca sa cho giới tử và dạy sơ lược về cách quán tưởng khi mặc y phục, đồng thời dạy về đề mục niệm thân thể trược, và giới tử phải nói theo từng đề mục như sau:

"Kesaa, lomaa, nakhaa, dantaa, taco; taco, dantaa, nakhaa, lomaa, kesaa".

Tóc, lông, móng, răng, da; da, răng, móng, lông, tóc.

Xong rồi giới tử lui ra đến chỗ khuất mà thay đổi tướng mạo mặc y ca sa vào nghiêm trang đúng luật, mới trở lại trước mặc Thầy Hòa Thượng đãnh lễ ngài ba lạy, và đứng lên chấp tay tác bạch xin thọ qui giới, như sau:

"Ukaasa vandaami bhante sabba.m aparaa-dha.m khamatha me bhante mayaa kata.m pu~n~na.m saaminà anumoditabba.m saaminà kata.m pu~n~na.m mayha.m daatabba.m saadhu saadhu anumodaami. Ukaasa kaaru~n~na.m katvaa tisara.nena saha siilaani detha me bhante."

Nghĩa như trước, đoạn cuối nghĩa là: Bạch ngài, xin hãy bi mẩn truyền qui giới cho con.

Đoạn ngồi chồm hổm chấp tay đọc tiếp:

"Aha.m bhante sara.nasiila.m yaacaami, dutiyampi aha.m bhante sara.nasiila.m yaacaami, tatiyampi aha.m bhante sara.nasiila.m yaacaami".

Bạch ngài, con cầu xin thọ qui giới, lần thứ nhì ... lần thứ ba ...)

Thầy Hòa Thượng phán:

" Yam-aha.m vadaami ta.m vadehi"

Ta nói lời nào ngươi hãy nói theo lời ấy.

Giới tử lãnh giáo:

"Aama bhante" Xin vâng, bạch Ngài.

Thầy Hoà Thượng niệm Phật và giới tử cũng làm theo:

Namo tassa bhagavato arahato sammaa-sambuddhassa.

Kính lễ Đức Thế Tôn, Ưng Cúng, Chánh Biến Tri (ba lần).

Tiếp đến, Thầy Hòa Thượng truyền dạy giới tử thọ Tam qui, đọc hai giọng Nam và Bắc Phạn:

- Buddha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Phật).

- Dhamma.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Pháp).

- Sa"ngha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Tăng).

- Dutiyampi buddha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Phật, lần thứ nhì).

- Dutiyampi dhamma.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Pháp, lần thứ nhì).

- Dutiyampi sa"ngha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Tăng, lần thứ nhì).

- Tatiyampi buddha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Phật, lần thứ ba).

- Tatiyampi dhamma.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y pháp, lần thứ ba).

- Tatiyampi sa"ngha.m sara.na.m gacchaami (con thành kính qui y Tăng, lần thứ ba).

Phải đọc lại tam qui một lần nữa bằng giọng Bắc. Phân biệt giữa giọng Nam và giọng Bắc. Giọng Nam phát âm mũi (nàsikaja) như "Buddha.m (.m) sarana.m (.m) gacchaami" ...; còn giọng Bắc là phát âm môi (o.t.thaja) hợp với âm mũi (nàsikaja) như "Buddham (m) sara.nam (m) gacchaami" ... vì rằng phẩm mạo sa-di được thành tựu hay không do sau lời tuyên thệ tam qui (tisara.nagamana), nên phải phát âm cho đúng chuẩn tiếng Phạn.

Sau phần giới tử đã thọ tam qui, Thầy Hòa Thượng nhắc nhở:

"Tisaranaggahana.m paripu.n.na.m" (phép thọ trì Tam qui đã tròn đủ)

Sa-di lãnh giáo: "Aama bhante".

Thầy Hòa Thượng tiếp tục truyền thọ thập giới cho sa-di:

1. Paanaa.tipaataa verama.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng sát sanh).

2. Adi.n.naadaanaa verama.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng trộm cắp).

3. Abrahmacariyaa verama.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng hành dâm).

4. Musaavaadaa verama.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng nói dối).

5. Suraamerayamajjapamaada.t.thaanaa vera-ma.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng uống rượu dễ duôi).

6. Vikaalabhojanaa verama.nii sikkhaapa-da.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng ăn phi thời).

7. Naccagiiavaaditavisuukadassanaa vera-ma.niisikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng sự ca nhạc khiêu vũ).

8. Maalaagandhavilepanadhaaranama.n.da-navibhuusa.na.t.thaanaa verama.ii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng sự trang điểm đeo tràng hoa xức hương liệu).

9. Uccaasayanamahaasayanaa verama.ii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng chỗ nằm ngồi cao rộng).

10. Jaataruuparajatappa.tiggahanaa vera-ma.nii sikkhaapada.m samaadiyaami. (con thọ trì điều học kiêng thọ nhận vàng bạc châu báu).

Kết luận, đọc ba lần như sau:

"Imaani dasa sikkhaapadaani samaadiyaami" (Con xin thọ trì cả mười điều học nầy).

Sa-di đã được truyền thọ mười giới như vậy rồi, đãnh lễ Thầy Hòa Thượng. Tiếp theo đó là làm nghi thức bái sư và xin y chỉ (nissaya).

Sa-di đứng lên trước mặt Thầy Hòa Thượng, chấp tay tác bạch như sau:

"Vandaami bhante sabba.m aparaadha.m khamatha me bhante mayaa kata.m pu~n~na.m saaminaa anumoditabba.m saaminaa kata.m pu~n- ~na.m mayha.m daatabba.m saadhu saadhu anumo-daami. Ukaasa kaaru~n~na.m katvaa nissaya.m detha me bhante."

Bạch Ngài, con xin đãnh lễ Ngài ...v.v... bạch Ngài, xin Ngài từ bi cho con y chỉ.

Phục xuống ngồi chồm hổm chấp tay, đọc tiếp:

" Aha.m bhante nissaya.m yaacaami, dutiyampi aha.m bhante nissaya.m yaacaami, tatiyampi aha.m bhante nissaya.m yaacaami". "Upajjhaayo me bhante hohi".

Bạch Ngài, con cầu xin pháp y chỉ, lần thứ nhì ... lần thứ ba ... Bạch Ngài, xin hãy là Thầy Tế Độ của con.

Vị Hòa Thượng chấp nhận bằng lời:

" Saadhu! " Tốt lắm!

Hoặc laahu, pa.tiruupa.m, opaayika.m, paasaadikena, sampaadehi ... một tiếng nào cũng được.

Sa-di cúi đầu bái nhận bằng lời:

"Ukaasa sampa.ticchaami. Sampa.ticchaami. Sampa.ticchaami".

Con xin lãnh hội, con xin lãnh hội, con xin lãnh hội.

Vẫn tiếp tục nói:

"Ajjatagge daani thero mayha.m bhaaro, ahampi therassa bhaaro". (ba lần).

Kể từ hôm nay trưởng lão là trọng trách của con, phần con cũng là trọng trách của trưởng lão.

Xong, sa-di đãnh lễ thầy ba lạy và ngồi xuống nơi phải lẽ để nghe thầy dạy dỗ ... Từ đây vị sa-di n?y phải làm tròn các bổn phận của vị đệ tử đối với Thầy Tế Độ, phải luôn luôn tinh tấn học tập và trau dồi phẩm hạnh Sa-di trong thời gian chưa được tu lên bậc trên.

DỨT PHÉP TU SA-DI

***

---o0o---

06. PHÉP TRUYỀN CỤ TÚC GIỚI (upasampadaa)

Lễ truyền cụ túc giới là sự tế độ cho một thiện nam tử hay vị Sa di được đắc thành tăng tướng Tỳ kheo.

Phép truyền cụ túc giới nhất định phải theo qui cách luật chế định mà Đức Thế Tôn đã ban hành từ xưa. Tăng sự này phải được thực hiện trải qua nhiều giai đoạn tuyên ngôn; tăng hội chứng minh phải có túc số tối thiểu là mười vị Tỳ kheo, ở tại Ấn Quốc độ bắt buộc phải có tăng hội từ hai mươi vị mới được phép truyền cụ túc giới; tăng sự phải được tiến hành trong siimaa, và giới tử (người thọ cụ túc) phải là người nam, người công dân hợp pháp, phải sắm đủ y bát, được cha mẹ hoặc người bảo hộ cho phép, tuổi phải đủ trên hai mươi.

Trong tăng sự sẽ có một vị trưởng lão đức hạnh đủ hạ lạp để làm thầy tế độ (Upajjhaayo) của giới tử, phải có một hoặc hai vị Tỳ kheo thông hiểu luật nghi và tiếng pàli để hướng dẫn giới tử và bạch trình tuyên ngôn đến tăng, vị này gọi là thầy yết ma (Kammavaacaacariya).

* Cách thức tăng sự:

Trước tiên thầy yết ma đặt tên tạm để ám chỉ thầy tế độ và giới tử như sau; khi thầy yết ma hỏi hoặc nói điều gì, giới tử phải trả lời cho hợp lý:

(Aac: Aacariya, thầy yết ma; Naag: giới tử Naaga)

Aac. Tva.m naago naama? Ngươi tên là Naaga?

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Aac. Tuyha.m upajjhaayo aayasmaa tissat-thero naama. Thầy tế độ của ngươi là ngài trưởng lão Tissa?

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Tiếp đến thầy yết ma kiểm tra đầy đủ tam y và bình bát của giới tử:

Aac. Pa.thama.m upajjha.m gaahaapetabbo upajjha.m gaahaapetvaa pattaciivara.m aacikkhi-tabba.m. ayan-te patto.

Trước tiên phải cho nhận thầy tế độ, sau khi bái sư phải trình bày y bát. Đây là bát của ngươi!

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Aac. Aya.m sa"nghaa.ti. Đây là y tăng già lê.

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Aac. Aya.m uttaràsa"ngo. Đây là y uất-đa- la tăng.

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Aac. Aya.m antaravaasako. Đây là y an-đà-hội.

Naag. Aama bhante! Thưa vâng, bạch Ngài.

Aac. Gaccha amumhi okaase ti.t.thaahi. Hãy đi ra đứng chỗ kia.

Thầy yết ma bảo giới tử lui ra đứng chỗ phí ngoài tăng hội rồi tr? vào giữa tăng tuyên ngôn trình tăng xin được chỉ dạy giới tử:

" Su.nàtu me bhante sa"ngho naago aayas-manto tissassa upasampadaapekkho. Yadi sa"n-ghassa pattakalla.m aha.m naaga.m anusàsey-ya.m.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Naaga là đệ tử của Ngài Tissa, muốn thọ cụ túc giới. Nếu đã hợp thời với tăng, tôi xin được chỉ dạy naaga.

Thầy yết ma bước ra ngoài đến chỗ giới tử đứng mà dạy bảo các điều cần thiết như sau:

Su.naasi Naaga ayan te saccakaalo bhuuta-kaalo ya.m jaata.m ta.m sa"nghamajjhe pucchante santa.m atthii' ti vattabba.m asanta.m natthii' ti vattabba.m. Maa kho vi.t.thaasi maa kho ma.nku ahosi. Evanta.m pucchissanti santi te evaruupaa aabaadhaa:

Nầy Naaga, nay là lúc ngươi phải thành thật, trung thực, điều nào ngươi được hỏi giữa tăng, có thì phải nói là có; không có, phải nói không có.

Ngươi đừng giấu giếm, đừng thẹn thùng. Ta sẽ hỏi ngươi những chứng bệnh như vầy ngươi có không?

Aac. Ku.t.tha.m? Bệnh cùi?

Naag. Natthi bhante! Không có, thưa Ngài.

Aac. Ga.n.do? Bệnh ung nhọt?

Naag. Natthi bhante! Không có, thưa Ngài.

Aac. Kilàso? Bệnh da liểu?

Naag. Natthi bhante! Không có, thưa Ngài.

Aac. Soso? Bệnh lao?

Naag. Natthi bhante! Không có, thưa Ngài.

Aac. Apamaaro? Bệnh phong điên?

Naag. Natthi bhante! Không có, thưa Ngài.

Aac. Manusso si? Ngươi là loài người phải chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Puriso' si? Ngươi là nam nhân phải chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Bhujisso' si? Ngươi là người tự do phải chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Ana.no' si? Ngươi là người vô nợ phải chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Na’ si raajabha.to? Ngươi không bị quân dịch phải chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Anu~n~naato’ si maataapituuhi? Ngươi có được mẹ cha cho phép chăng?

Naag. Aama bhante! Có, thưa ngài.

Aac. Paripu.n.naviisati vasso’ si? Ngươi đủ 20 tuổi chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Paripu.n.nan-te pattaciivara.m? Y và bát của ngươi có đủ chăng?

Naag. Aama bhante! Vâng, thưa ngài.

Aac. Kinnaamo’ si? Ngươi tên là gì?

Naag. Aha.m bhante naago naama. Thưa ngài, con tên là Naaga.

Aac. Ko nàmo te upajjhaayo? Thầy tế độ của ngươi là ai?

Naag. Upajjhaayo me bhante aayasmaa Tissatthero naama. Bạch Ngài, Thầy tế độ của con là Ngài trưởng lão Tissa.

Chỉ dạy giới tử xong rồi, Thầy yết ma trở vào trình tăng để cho gọi giới tử, tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho naago aayas-mato tissassa upasampadaapekkho anusi.t.tho so mayaa yadi sa"nghassa pattakalla.m naago aagaccheyya aagacchaahii’ ti vattabbo. Aagacchaahi!

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Naaga đệ tử của Ngài Tissa, là người muốn thọ cụ túc giới, người ấy đã được tôi chỉ dạy xong. Nếu đã hợp thời với Tăng, phải cho Naaga đi vào. Nên nói " Người đi vào". Hãy đi vào!

Phần giới tử khi được gọi nên bước vào giữa Tăng chúng, đảnh lễ Tăng và tác bạch xin thọ cụ túc giới, như sau:

Sa"ngha.m bhante upasampada.m yaacaami. ullumpatu ma.m bhante sa"ngho anukampa.m upaadaaya.

Dutiyampi bhante sa"ngha.m upasampa-da.m yaacaami. Ullumpatu ma.m bhante sa"ngho anukampa.m upaadaaya.

Tatiyampi bhante sa"ngha.m upasampa-da.m yaacaami. Ullumpatu ma.m bhante sa"ngho anukampa.m upaadaaya.

Bạch đại đức Tăng, con cầu xin thọ giới cụ túc nơi Tăng. Mong đại đức Tăng vì lòng bi mẩn mà tế độ con.

Lần thứ nhì... lần thứ ba...

Sau khi giới tử đã tác bạch xin thọ cụ túc giới nơi tăng, vị yết-ma bạch trình Tăng cho phép sát hạch giới tử những điều nguyên tắc, tuyên ngôn trình tăng như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m Naago aayasmato tissassa upasampadaapekkho. Yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m naaga.m anta- raayike dhamme puccheyya.m.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, đây là Naaga, người muốn thọ cụ túc giới, đệ tử của tôn giả Tissa. Nếu đã hợp thời với Tăng, tôi xin được hỏi Naaga về các điều chướng ngại.

Rồi xoay qua giới tử, thầy yết ma bắt đầu hạch hỏi:

Su.naasi Naaga ayante saccakaalo bhuuta-kaalo ya.m jaata.m pucchaami santa.m atthii' ti vattabba.m asanta.m natthii' ti vattabba.m. Santi te evaruupaa aabaadhaa.

Nầy Naaga, hãy nghe đây, nay là lúc ngươi phải thành thật trung thực; điều nào ta hỏi có thì nên nói là có, không có thì nói là không có. Những chứng bệnh như vầy người có không.

Aac. Ku.t.tha.m?

Naag. Natthi bhante!

Aac. Ga.n.do?

Naag. Natthi bhante!

Aac. Kilàso?

Naag. Natthi bhante!

Aac. Soso?

Naag. Natthi bhante!

Aac. Apamaaro?

Naag. Natthi bhante!

Aac. Manusso si?

Naag. Aama bhante!

Aac. Puriso' si?

Naag. Aama bhante!

Aac. Bhujisso' si?

Naag. Aama bhante!

Aac. Ana.no' si?

Naag. Aama bhante!

Aac. Na' si raajabha.to?

Naag. Aama bhante!

Aac. Anu~n~naato’ si maataapituuhi?

Naag. Aama bhante!

Aac. Paripu.n.naviisati vasso’ si

Naag. Aama bhante!

Aac. Paripu.n.nan-te pattaciivara.m?

Naag. Aama bhante!

Aac. Kinnaamo’ si?

Naag. Aha.m bhante naago naama.

Aac. Ko nàmo te upajjhaayo?

Naag. Upajjhaayo me bhante aayasmaa Tissatthero naama.

[Nghĩa: Lời vấn đáp, toàn bộ đều như trước.]

Hoàn tất nghi thức hướng dẫn giới tử, thẩm vấn luật lệ xong, vị yết ma chính thức tác pháp yết ma trình tăng truyền giới cụ túc, bằng tứ bạch tuyên ngôn (~natticatutthakammavaacaa), như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m naago aayasmato tissassa upasampadaapekkho pari-suddho antaraayikehi dhammehi paripu.n.nassa pattaciivara.m. Naago sa"ngha.m upasampada.m yaacati aayasmataa tissena upajjhaayena. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho naaga.m upasam-paadeyya aayasmataa tissena upajjhaayena. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m naago aayasmato tissassa upasampadaapekkho pari-suddho antaraayikehi dhammehi paripu.n.nassa pattaciivara.m. Naago sa"ngha.m upasampada.m yaacati aayasmataa tissena upajjhaayena. Sa"ngho naaga.m upasampaadeti aayasmataa tissena upaj-jhaayena. Yass’ aayasmato khamati naagassa upasampadaa aayasmataa tissena upajjhaayena so tu.nh’ assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Upasampanno sa"nghena naago aayas-mataa tissena upajjhaayena. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi, Naaga nầy là người muốn thọ cụ túc, đệ tử của Tôn Giả Tissa, đã thanh tịnh các pháp chướng ngại, và đầy đủ y bát. Naaga cầu xin thọ giới cụ túc nơi tăng, có thầy tế độ là tôn giả Tissa. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng nên truyền giới cụ túc cho Naaga có thầy tế độ là Tôn Giả Tissa. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi, Naaga nầy là người muốn thọ giới cụ túc, đệ tử của Tôn Giả Tissa, đã thanh tịnh các pháp chướng ngại, và đầy đủ

y bát. Naaga cầu xin thọ giới cụ túc nơi tăng, có thầy tế độ là Tôn Giả Tissa. Tăng truyền cụ túc cho Naaga, có thầy tế độ là Tôn Giả Tissa. Sự truyền cụ túc cho Naaga, có thầy tế độ là Tôn Giả Tissa nếu vị nào chấp nhận thì im lặng, như vĩ nào không chấp nhận phải nói ra. Tôi tuyên bố ý nghĩa đó lần thứ hai.

Bạch đại đức tăng, xin hãy nghe tôi ... nt ... phải nói ra. Tôi tuyên bố ý nghĩa đó lần thứ ba.

Bạch đại đức Tăng, xin hãy nghe tôi ... nt ... phải nói ra. Naaga đã được Tăng truyền giới cụ túc, có Tôn Giả Tissa là thầy tế độ. Tăng chấp nhận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

Khi dứt tứ bạch tuyên ngôn ngay lúc nào thì Thiện nam tử ấy thành tựu phẩm mạo Tỳ-khưu (Bhikkhu) ngay khi ấy.

Phận sự của thầy tế độ tiếp theo đó phải làm đối với tân Tỳ kheo đệ tử của mình, là phải đo bóng thời gian, tính ra ngày, tháng, năm tu của đệ tử, và đếm số tăng hội chứng minh truyền cụ túc giới hôm đó, sau nữa là chỉ dạy tân Tỳ kheo về những điều phạm hạnh cơ bản, gồm có bốn y pháp (nissaya: pháp nương trong đời sống) và bốn bất tác pháp (akaraniiya: điều không nên làm).

Việc chỉ giáo (anusaasana) nầy là phận sự của thầy tế độ (upajjhaayo), nhưng nếu Ngài già yếu không đảm trách nổi, thì giao phó việc ấy cho vị yết ma giáo thọ đảm nhận cũng được.

* Lời chỉ giáo (anusaasana). - Paalii :

Taavadeva chaayaa metabbaa utuppamaa-na.m Aacikkhitabba.m divasabhaago Aacikkhitabbo sa"ngiiti Aacikkhitabbaa cattaaro nissayaa Aacik-khitabbaa cattaari ca akara.niiyaani Aacikkhi-tabbaani.

Phải đo bóng thời gian, kể mùa tiết, kể ngày giờ, đếm số tăng hội, trình bày bốn y chỉ, và chỉ dạy bốn bất tác.

* Dạy bốn y chỉ (nissaya):

1. "Pi.n.diyalopabhojana.m nissaaya pab-bajjaa. Tattha te yaavajiiva.m ussaaho kara.niiyo. Ati-rekalaabho sa"nghabhatta.m uddesabhatta.m

nimantana.m sa.laakabhatta.m pakkhika.m upo-sathika.m paatipadika.m" - "Aama bhante".

"Các bậc xuất gia sống nương đồ ăn khất thực. Điều đó ngươi phải trọn đời siêng năng làm theo. Có lợi lộc ngoại lệ cũng được, như là Tăng thí thức, chỉ định thực, biệt thỉnh thực, trù phù thực, bán nguyệt kỳ thực, trai kỳ thực, sơ nhựt thực". Tân Tỳ kheo nói " Thưa vâng".

2. " Pa.msukuulaciivara.m nissaaya pabbaj-jaa. Tattha te yaavajiiva.m ussaaho kara.niiyo. Ati-rekalaabho khoma.m kappaasika.m koseyya.m- kambaka.m saana.m bha.nga.m" - "Aama bhante".

" Các bậc xuất gia sống nương y phấn tảo. Điều đó ngươi phải trọn đời siêng năng hành theo. Có lợi lộc ngoại lệ cũng được, như là y vải bố, y vải bông, y vải tơ tằm, y vải len, y vải lụa, y vải hổn hợp chất". Tân tỳ kheo nói " Thưa vâng".

3. Rukkhamuulasenaasana.m nissaaya pab-bajjaa. Tattha te yaavajiiva.m ussaaho kara.niiyo. Atirekalaabho vihaaro a.d.dhayogo paasaado ham- miya.m guhaa - "Aama bhante".

"Các bậc xuất gia sống nương sàng tọa gốc cây. Điều đó ngươi phải trọn đời siêng năng làm theo. Có lợi lộc ngoại lệ cũng được, như là tịnh xá, mái che, lâu đài, dinh thự, thạch động". Tân Tỳ kheo nói "Thưa vâng".

4. "Puutimuttabhesajja.m nissaaya pab-bajjaa. Tattha te yaavajiiva.m ussaaho kara.niiyo. Atirekalaabho sappi navaniita.m tela.m madhu phaa.nita.m" - "Aama bhante".

" Các bậc xuất gia sống nương dược phẩm là nước tiểu thú. Điều đó ngươi phải trọn đời siêng năng làm theo. Có lợi lộc ngoại lệ cũng được, như là bơ, sữa, dầu mè, mật ong, đường mía." Tân tỳ kheo nói "Thưa vâng".

* Dạy bốn pháp bất tác (akara.niiya):

1. "Upasampannena bhikkhunaa methu-no dhammo na pa.tisevitabbo antamaso tirac-chaanagataayapi. Yo bhikkhu methuna.m dham-ma.m pa.tisevati assama.no hoti asakya-puttiyo. Seyyathaapi naama puriso siisacchinno abhabbo tena sariirabandhanena jiivitu.m evameva bhik-khu methuna.m dhamma.m pa.tisevitvaa assa-ma.no hoti asakyaputtiyo. Tan- te yaavajiiva.m akara.niiya.m". - "Aama bhante! "

"Một Tỳ kheo đã thọ cụ túc giới, không nên hành pháp dâm dục, cho dù với con thú cái. Vị Tỳ kheo nào hành điều dâm dục vị ấy là phi sa môn phi Thích tử. Ví như một người bị chém đứt đầu, nó không thể sống với thân không đầu ấy; cũng như thế, vị Tỳ kheo khi đã hành pháp dâm dục sẽ thành phi sa môn phi Thích tử. Ngươi trọn đời điều ấy không nên làm." Tân Tỳ kheo nói: "Thưa vâng."

2. "Upasampannena bhikkhunaa adinna.m theyyasa"nkhaata.m na aadaatabba.m antamaso ti-.nasalaaka.m upaadaaya. Yo bhikkhu paada.m vaa paadaaraha.m vaa atirekapaada.m vaa adinna.m theyyasa"nkhaata.m aadiyati assama.no hoti asak-yaputtiyo. Seyyathaapi naama pa.n.dupalaaso bandhanaa pamutto abhabbo haritattaaya eva-meva bhikkhu paada.m vaa paadaaraha.m vaa ati-rekapaada.m vaa adinna.m theyyasa"nkhaata.m aadi-yitvaa assama.no hoti asakyaputtiyo. Tan-te yaavajiiva.m akara.niiya.m" - "Aama bhante! ".

"Một vị Tỳ kheo đã thọ cụ túc giới, không nên lấy vật chưa được cho với ý trộm cắp, cho dù là một cọng cỏ. Vị Tỳ kheo nào lấy trộm vật chưa được cho trị giá 1 pàd 28 hoặc

tương đương hoặc cao hơn, vị ấy là phi sa môn phi thích tử. Ví như lá vàng lìa cành không còn xanh tươi nữa; cũng như thế, vị Tỳ kheo khi đã lấy trộm vật chưa cho trị giá 1 pàd hoặc tương đương hoặc cao hơn, sẽ thành phi sa-môn phi thích tử. Ngươi trọn đời điều ấy không nên làm". Tân Tỳ kheo nói "Thưa vâng".

3. "Upasampannena bhikkhunaa sa~ncicca paa.no jiivitaa na voropetabbo antamaso kuntha-kipillika.m upaadaaya. Yo bhikkhu sa~ncicca ma-nussaviggaha.m jiivitaa voropeti antamaso gab- bhapaatana.m upaadaaya assama.no hoti asakya-puttiyo. Seyyathaapi naama puthusilaa dvidhaa bhinnaa appa.tisandhikaa hoti evameva bhikkhu sa~nciccamanussaviggaha.m jiivitaa voropetvaa assama.no hoti asakyaputtiyo. Tan-te yaava-jiiva.m akara.niiya.m" -"Aama bhante!"

"Một vị Tỳ kheo đã thọ cụ túc giới, không nên cố ý đoạt mạng sống chúng sanh, thậm chí là con mối con kiến. Vị Tỳ kheo nào cố ý giết người cho dù chỉ trục phá thai nhi, vị ấy là phi sa môn phi thích tử. Ví như tảng đá bị bể làm đôi không còn dính lại nữa; cũng như thế, vị Tỳ kheo đã cố ý giết người sẽ thành phi sa-môn phi thích tử. Ngươi trọn đời điều ấy không nên làm." Tân Tỳ kheo nói "Thưa vâng".

4. "Upasampannena bhikkhunaa uttari-manussadhammo na ullapitabbo antamaso su~n~nagaare abhiramaamii' ti. Yo bhikkhu paapic-cho icchaapakato asanta.m abhuuta.m uttari-manussadhamma.m ullapati jhaana.m vaa vimok-kha.m vaa samaadhi.m vaa samaapatti.m vaa magga.m vaa phala.m vaa assama.no hoti asakyaputtiyo. Seyyathaapi naama taalo matthakacchinno abhabbo puna viru.lhiyaa evameva bhikkhu paapiccho icchaapakato asanta.m abhuuta.m ut-tarimanussadhamma.m ullapitvaa assama.no hoti asakyaputtiyo. Tante yaavajiiva.m akara-.niiya.m" - "Aama bhante! "

" Một vị Tỳ kheo đã thọ cụ túc giới, không nên khoe khoang pháp thượng nhân, thậm chí nói rằng: tôi thỏa thích ngôi nhà trống. Vị Tỳ kheo nào ác dục tham vọng khoa trương pháp thượng nhân không có không thật chứng về thiền, hoặc giải thoát, hoặc định, hoặc nhập định, hoặc đạo, hay quả, vị ấy là phi sa-môn phi thích tử. Ví như cây thốt nốt bị đứt đọt không thể phát triển nữa; cũng như thế, vị Tỳ kheo ác dục tham vọng đã khoa trương pháp thượng nhân không có không thật chứng sẽ thành phi sa môn phi thích tử. Ngươi trọn đời điều ấy không nên làm". Tân Tỳ kheo nói "Thưa vâng".

Đến đây đã trình bày tóm tắt luật nghi truyền giới cụ túc.

DỨT PHÉP TRUYỀN CỤ TÚC GIỚI.

***

07. TĂNG SỰ GIÁN NGHỊ (Samanubhaasanaa)

Sự gián nghị - Samanubhaasanaa, tức là sự can gián, ngăn cản, khuyên răn một vị Tỳ kheo phạm lỗi để cho chừa bỏ lỗi lầm ấy.

Khi một vị Tỳ kheo hành động sai quấy, (giới Tăng tàn 4 điều và giới ưng đối trị 1 điều), cần được chư Tỳ kheo nhắc nhở cho thấy lỗi lầm và cải thiện, nếu được nhắc nhở nhiều lần vẫn không cải thiện thì Tăng phải họp lại làm tăng sự can gián bằng cách tứ bạch tuyên ngôn (~natticatutthakammavaacaa).

Nếu sau khi Tăng hành tăng sự can gián mà vị ấy từ bỏ khuyết điểm và sám hối tội thì tốt, bằng như vẫn cố chấp như cũ thì phạm tội với tội danh tùy theo luật đã chế định.

Trong giới bổn Paa.timokkha có 5 điều cần làm tăng sự gián nghị, như sau:

1. Tỳ kheo cố định chia rẽ tăng (sa"ngha-bhedaa): Giới Tăng tàn, điều thứ 10.

2. Tỳ kheo xu hướng chia rẽ tăng (bhedaanuvattaka): Giới Tăng tàn, điều thứ 11.

3. Tỳ kheo tính khó dạy giới (dubbacajaatika): giới Tăng tàn, điều thứ 12.

4. Tỳ kheo làm xấu tục gia (kuladuusaka): Giới Tăng tàn, điều thứ 13.

5. Tỳ kheo có tà kiến (ari.t.tha): Giới ưng đối trị điều 68.

* Cách tuyên ngôn trong tăng sự gián nghị:

- Tuyên ngôn gián nghị với Tỳ kheo chia rẽ Tăng như vầy:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu samaggassa sa"nghassa bhedaaya parakkamati. So ta.m vatthu.m nappa.tinissaj-jati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho it-thannaama.m bhikkhu.m samanubhaaseyya tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu samaggassa sa"nghassa bhedaaya parakkamati. So ta.m vatthu.m nap- pa.tinissajjati.Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m samanubhaasati tassa vatthussa pa.tinissag-gaaya. Yass’ aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno samanubhaasanaa tassa vatthussa so tu.nh’ assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so. bhaaseyya tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya Samanubha.t.tho sa"nghena itthannaa-mo bhikkhu tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama29 nầy cố tình chia rẽ tăng. Vị ấy không từ bỏ việc đó. Nếu đã hợp thời với Tăng, tăng nên can gián Tỳ kheo itthannaama cho từ bỏ việc ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthan-naama nầy cố tình chia rẽ tăng. Vị ấy không từ bỏ chuyện đó. Tăng can gián Tỳ kheo itthannaama cho từ bỏ chuyện ấy. Sự can gián Tỳ kheo itthannaama cho từ bỏ chuyện ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, bằng vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi... nt... nên nói ra. lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi... nt... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng can gián cho từ bỏ chuyện ấy. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó là vậy.

-Tuyên ngôn gián nghị đối với Tỳ kheo xu hướng chia rẽ tăng, như vầy:

Su.naatu me bhante sa"ngho itthannaamo ca itthannaamo ca bhikkhuu itthannaamassa bhikkhuno sa"nghabhedaaya parakkamantassa anuvattakaa vaggavaadakaa. Te ta.m vatthu.m nappa.tinissajjanti. Yadi sa"nghassa pattakal-la.m sa"ngho itthannaama~nca itthannaama~nca bhikkhuu samanubhaaseyya tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho itthannaamo ca itthannaamo ca bhikkhuu itthannaamassa bhikkhuno sa"nghabhedaaya parakkamantassa anuvattakaa vaggavaadakaa. Te ta.m vatthu.m nappa.tinissajjanti. Sa"ngho itthannaama~nca it-thannaama~nca bhikkhuu samanubhaasati tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Yass' aayasmato kha-mati itthannaamassa ca itthannaamassa ca bhikkhuuna.m samanubhaasanaa tassa vatthussa pa.tinissaggaaya so tu.nh' assa yassa nak-khamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. So bhaaseyya. Samanubha.t.thaa sa"nghena itthan-naamo ca itthannaamo ca bhikkhuu tassa vatthussa pa.tinissaggaaya khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama tùng bọn phe đảng với Tỳ kheo itthannaama quyết chia rẽ tăng. Họ không từ

bỏ chuyện ấy. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải can gián các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama cho từ bỏ chuyện ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama tùng bọn phe đảng với Tỳ kheo itthannaama quyết chia rẽ tăng. Họ không từ bỏ chuyện ấy. Tăng can gián các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama cho từ bỏ chuyện ấy. Sự can gián các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama cho từ bỏ chuyện ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng bằng vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ nhì tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama đã được tăng can gián cho từ bỏ chuyện ấy, tăng chấp nhận mới in lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

- Tuyên ngôn gián nghị đối với Tỳ kheo khó dạy, như vầy:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu bhikkhuuhi sahadhammi-ka.m vuccamaano attaana.m avacaniiya.m karoti. So ta.m vatthu.m nappa.tinissajjati. Yadi sa"n-ghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhik-khu.m

samanubhaaseyya tassa vatthussa pa.ti- nissaggaaya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu bhikkhuuhi sahadhammi-ka.m vuccamaano attaana.m avacaniiya.m karoti. So ta.m vatthu.m nappa.tinissajjati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m samanubhaasati tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Yass' aayasmanto khamati itthannaamassa bhikkhuno samanu-bhaasanaa tassa vatthussa pa.tinissaggaaya so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Samanubha.t.tho sa"nghena itthannaa-mo bhikkhu tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy khi được chư Tỳ kheo nhắc bảo theo đúng pháp lại tỏ ra mình khó dạy. Vị ấy không từ bỏ chuyện đó. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên can gián Tỳ kheo cho bỏ chuyện ấy đi. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy khi được chư Tỳ kheo nhắc bảo theo đúng pháp lại tỏ ra mình khó dạy. Vị ấy không từ bỏ chuyện đó. Tăng can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ chuyện ấy.Sự can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ chuyện ấy, nếu vị tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi... nt... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng can gián cho từ bỏ chuyện ấy. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

- Tuyên ngôn gián nghị đối với Tỳ kheo làm xấu tục gia, như vầy:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sa"nghena pabbaajaniiya-kammakato bhikkhuu chandagaamitaa dosa-gaamitaa mohagaamitaa bhayagaamitaa paapeti. So ta.m vatthu.m nappa.tinissajjati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m samanubhaaseyya tassa vatthussa pa.tinissag-gaaya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sa"nghena pabbaajaniiya-kammakato bhikkhuu chandagaamitaa dosa-gaamitaa mohagaamitaa bhayagaamitaa paapeti. So ta.m vatthu.m nappa.tinissajjati. Sa"ngho itthan-naama.m bhikkhu.m samanubhaasati tassa vat-thussa pa.tinissaggaaya. Yass' aayasmato kha-mati itthannaamassa bhikkhuno samanu-bhaasanaa tassa vatthussa pa.tinissaggaaya so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya samanubha.t.tho sa"nghena itthan-naamo bhikkhu tassa vatthussa pa.tinissaggaaya. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama bị chư tăng xử lý trục xuất lại bêu xấu chư Tỳ kheo là thiên vị thương, ghét, ngu, sợ. Vị ấy không từ bỏ chuyện đó. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên can gián Tỳ kheo itthannaama cho từ bỏ chuyện đó. Đây là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama này bị chư tăng xử lý trục xuất lại bêu xấu chư Tỳ kheo là thiên vị thương, ghét, ngu, sợ. Vị ấy không từ bỏ chuyện đó. Tăng can gián Tỳ kheo itthannaama cho từ bỏ chuyện đó. Sự can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ chuyện đó nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng can gián cho từ bỏ chuyện đó. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

- Tuyên ngôn để gián nghị đối với Tỳ kheo tà kiến, như vầy:

"Su.naatu me bhante sa"ngho itthan-naamassa bhikkhuno evaruupa.m paapaka.m di.t-.thigata.m uppanna.m tathaa' ha.m bhagavataa dhamma.m desita.m aajaanaami yathaa ye' me antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa te pa.tisevati n' aala.m antaraayaayaa' ti. So ta.m di.t- .thi.m nappa.tinissajjati. Yadi sa"nghassa patta-kalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m sama-nubhaaseyya tassaa di.t.thiyaa pa.tinissaggaaya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho itthannaa-massa bhikkhuno evaruupa.m paapaka.m di.t.thi-gata.m uppanna.m tathaa' ha.m bhagavataa dham- ma.m desita.m aajaanaami yathaa ye' me antaraayikaa dhammaa vuttaa bhagavataa te pa.tisevato n' aala.m antaraayaayaa' ti. So ta.m di.t.thi.m nappa.tinissaj-jati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m samanu-bhaasati tassaa di.t.thiyaa pa.tinissaggaaya. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno samanubhaasanaa tassaa di.t.thiyaa

pa.tinissaggaaya so tu.th' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. So bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. So bhaa-seyya. Samanubha.t.tho sa"nghena itthan-naamo bhikkhu tassaa di.t.thiyaa pa.tinissaggaaya khama-ti sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaara-yaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, đối với Tỳ kheo itthannaama có ác tà kiến sanh khởi như sau: "Theo tôi biết pháp do Đức Thế Tôn thuyết thì những pháp mà Ngài nói là chướng ngại, thật sự không đủ để làm trở ngại cho người hành theo đâu". vị ấy không

từ bỏ tà kiến đó. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng phải nên can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ tà kiến ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, đối với Tỳ kheo itthannaama có có ác tà kiến sanh khởi như sau: "theo tôi biết pháp do Đức Thế Tôn thuyết thì những pháp mà Ngài nói là chướng ngại, thật sự không đủ để làm trở ngại cho người hành theo đâu". Vị ấy không từ bỏ tà kiến đó. Tăng can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ tà kiến ấy. Sự can gián Tỳ kheo itthannaama cho bỏ tà kiến ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ nhì tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch Đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được tăng can gián cho bỏ tà kiến ấy. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

DỨT TĂNG SỰ GIÁN NGHỊ

--- o0o ---

08. TĂNG SỰ PHÊ CHUẨN CHỖ XÂY CẤT (Vatthudesanaa)

Luật Tỳ kheo có qui định việc vị Tỳ kheo xây dựng am cốc (ku.ti) và đại tịnh xá (mahalla-kavihaara), phải làm ở một vị trí thuận lợi an ổn, tức là chỗ không có điều khả nghi, chỗ có lối thông chung quanh. Am cốc xây

dựng còn có thêm qui định về kích cở nữa. Bất cứ trường hợp nào, về chỗ xây cất đều phải được chư tăng xác minh và phê chuẩn mới được phép làm. Luật Tăng tàn, điều 6 và điều 7.

Việc chư tăng xác minh và phê chuẩn vị trí xây cất, phải qua tăng sự nhị bạch tuyên ngôn (~nattiduti-yakamma).Tăng sự được tiến hành hai giai đoạn, cử người xác minh (olokana), và phê chuẩn (desanaa).

* Tăng sự phê chuẩn chỗ thất liêu.

Am cốc - Kuti, là chỗ ở cá nhân của vị Tỳ kheo, nếu tự mình quyên góp để xây dựng cho mình, không có thí chủ đứng ra chịu tổn phí cho, thì phải cất với kích cở qui định là ngang 5, 25 m (7 gang tay Phật) dài 9 m (12 gang Phật); và chỗ nền xây cất phải xin chư Tỳ kheo xác minh phê chuẩn.

Vị Tỳ kheo cốc chủ ấy phải tìm đến Tăng và trước hết yêu cầu chư Tăng xác minh chỗ nền xây thất. Mặc y vai trái, đảnh lễ những vị trưởng lão, ngồi chồm hổm và tác bạch rằng:

Aha.m bhante sa~n~naacikaaya ku.ti.m kattu-kaamo assaamika.m attuddesa.m. So’ ha.m bhante sa"ngha.m ku.tivatthu-olokana.m yaacaami. Duti-yampi. pe. Tatiyampi.pe.

Bạch đại đức tăng, tôi muốn làm ngôi am cốc cho mình không có thí chủ, do tự quyên góp. Bạch Tăng, tôi xin Tăng xem xét nền cốc. Lần thứ nhì ... nt ... Lần thứ ba ... nt ...

Chư Tăng nên cử ra hai vị Tỳ kheo hiểu luật để đi đến chỗ ấy xem xét nền cốc có hợp lý không, bằng cách tuyên ngôn đề cử như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sa~n~naacikaaya ku.ti.m kattu-kaamo assaamika.m attuddesa.m. So sa"ngha.m ku.tivatthu-olokana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama~nca itthannaa-ma~nca bhikkhuu sammanneyya itthannaamassa bhikkhuno ku.tivatthu.m oloketu.m. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sa~n~naacikaaya ku.ti.m kattu-kaamo assaamika.m attuddesa.m. So sa"ngha.m ku.tivatthu-olokana.m yaacati. Sa"ngho itthan-naama~nca itthannaama~nca bhikkhuu samman-nati itthannaamassa bhikkhuno ku.tivatthu.m oloketu.m. Yass' aayasmato khamati itthannaa-massa ca

itthannaamassa bhikkhuuna.m sammati itthannaamassa bhikkhuno ku.tivatthu.m oloke-tu.m so tu.nh' assa yassa nak-khamati so bhaa-seyya. sammataa sa"nghena itthannaamo ca it-thannaamo ca bhikkhuu itthannaamassa bhikkhu-no ku.tivatthu.m oloketu.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evame-ta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi am cốc cho mình, không có thí chủ, do tự quyên góp. Vị ấy xin Tăng xét nền cốc. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cử các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama xem xét nền cốc của Tỳ kheo. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi am cốc cho mình, không có thí chủ, do tự quyên góp. Vị ấy xin Tăng xem xét nền cốc. Tăng cử các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama xem xét nền cốc của Tỳ kheo itthannaama. Việc cử các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama xem xét nền cốc của Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama được tăng cử đi xem xét nền cốc của Tỳ kheo itthannaama, Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

Hai vị Tỳ kheo được Tăng cử đi, hãy đến chỗ ấy để xem xét địa thế, thấy như thế nào thì trở lại trình Tăng rõ; khi đã xác minh thấy là chỗ xây cất được hợp lý thì Tăng phê chuẩn cho phép Tỳ kheo cốc chủ tiến hành xây cất. Sự phê chuẩn ấy cũng phải qua tăng sự nhị bạch tuyên ngôn.

Tỳ kheo cốc chủ ngõ lời xin Tăng phê chuẩn rằng:

Aha.m bhante sa~n~naacikaaya ku.ti.m kat-tukaamo assaamika.m attuddesa.m. So' ha.m bhan-te sa"ngha.m ku.tivatthudesana.m yaacaami. Duti-yampi.Pe. Tatiyampi.pe.

Bạch đại đức Tăng, tôi muốn làm am thất cho mình, không có thí chủ, do tự quyên góp. Bạch Tăng, tôi xin Tăng phê chuẩn chỗ nền cốc. Lần thứ nhì ... nt ... Lần thứ ba ... nt ...

Tiếp đến Tăng cần được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sa~n~naacikaaya ku.ti.m kattukaamo assaamika.m attuddesa.m. So sa"ngha.m ku.tivat-thudesana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakal-la.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno ku.tivat-thu.m

deseyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sa~n~naacikaaya ku.ti.m kattukaamo assaamika.m attuddesa.m. So sa"ngha.m ku.tivat-thudesana.m yaacati. sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno ku.tivatthu.m deseti. Yass' aayas-manto khamati itthannaamassa bhikkhuno ku-.tivatthussa desanaa so tu.nh' assa yassa nak-khamati so bhaaseyya. Desita.m sa"nghena it-thannaamassa bhikkhuno ku.tivatthu.m kha-mati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đưc Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm am cốc cho mình, không có thí chủ, do tự quyên góp. vị ấy xin Tăng phê chuẩn chỗ nền cốc. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên phê chuẩn chỗ nền cốc của Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm am cốc cho mình, không có thí chủ, do tự quyên góp. Vị ấy xin Tăng phê chuẩn chỗ nền cốc. Tăng phê chuẩn chỗ nền cốc của Tỳ kheo itthannaama. Việc phê chuẩn nền cốc của Tỳ kheo itthannaama nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Nền cốc của Tỳ kheo itthannaama đã được phê chuẩn, tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

* Tăng sự phê chuẩn chỗ làm đại tịnh xá:

Đại tịnh xá - Mahallakavihaara, là một ngôi chùa riêng, có khuôn viên rộng lớn, được thí chủ làm cúng cho Tỳ kheo; dù không giới hạn kích cở, nhưng cũng phải được Tăng xác minh phê chuẩn vị trí tọa lạc.

Trước hết, vị Tỳ kheo chủ nhân phải tìm đến Tăng để xin xem xét vị trí nền tịnh xá, lời tác bạch như sau:

Aha.m bhante mahallaka.m vihaara.m kat-tukaamo sassaamika.m attuddesa.m. So' ha.m-bhante sa"ngha.m vihaaravatthu-olokana.m yaacaa-mi. Dutiyampi.pe. Tatiyampi.pe.

Bạch đại đức Tăng, tôi muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Bạch Tăng, tôi xin Tăng xem xét nền tịnh xá. Lần thứ nhì ... nt ... Lần thứ ba ... nt ...

Tăng cần được thông qua bằng nhị bạch tuyên ngôn để cử hai vị đi xác minh, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu mahallaka.m vihaara.m kattu-kaamo sassaamika.m attuddesa.m. So sa"ngha.m vihaaravatthu-olokana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama~nca itthannaa-ma~nca bhikkhuu sammanneyya itthannaamassa bhikkhuno vihaaravatthu.m oloketu.m. Esaa ~nat-ti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu mahallaka.m vihaara.m kat-tukaamo sassaamika.m attuddesa.m. So sa"n-gha.m vihaaravatthu-olokana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama~nca itthannaama~nca bhikkhuu sam-mannati itthannaamassa bhikkhuno vihaaravat-thu.m oloketu.m. Yass' aayasmato khamati

it-thannaamassa ca itthannaamassa ca bhikkhuu-na.m sammati itthannaamassa bhikkhuno vi-haaravatthu.m oloketu.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Sammataa sa"nghena itthannaamo ca itthannaamo ca bhikkhuu itthan-naamassa bhikkhuno vihaaravatthu.m oloketu.m. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Vị ấy xin Tăng xem xét nền tịnh xá. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cử các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama đi xem xét nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Vị ấy xin Tăng xem xét nền tịnh xá. Tăng cử các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama đi xem xét nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama. Việc cử Tỳ kheo itthannaama và itthannaama xem xét nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama, nếu Tôn Giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Các Tỳ kheo itthannaama và itthannaama đã được Tăng cử đi xem xét nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama, Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

Hai vị được Tăng cử đi, hãy đến chỗ ấy xem xét nền xây dựng tịnh xá, nếu thấy thích hợp rồi thì trở lại trình Tăng rỏ; về vị Tỳ kheo chủ nhân phải tác bạch xin Tăng phê chuẩn chỗ làm tịnh xá ấy, như sau:

Aha.m bhante mahallaka.m vihaara.m kattukaamo sassaamika.m attuddesa.m. So' ha.m bhante sa"ngha.m vihaaravatthudesana.m yaacaa- mi. Dutiyampi.pe. Tatiyampi.pe.

Bạch đại đức Tăng, tôi muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Bạch Tăng, Tôi cầu xin Tăng phê chuẩn nền tịnh xá. Lần thứ nhì ...nt... Lần thứ ba... nt...

Tiếp đến Tăng phải được thông qua bằng nhị bạch tuyên ngôn để phê chuẩn, như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu mahallaka.m vihaara.m kat-tukaamo sassaamika.m attuddesa.m. So sa"n-gha.m vihaaravatthudesana.m yaacati. Yadi sa"n-ghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno vihaaravatthu.m deseyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu mahallaka.m vihaara.m kattukaamo sassaamika.m attuddesa.m. So sa"n-gha.m vihaaravatthudesana.m yaacati. Sa"ngho it-thannaamassa bhikkhuno vihaaravatthu.m dese-ti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno vihaaravatthudesanaa so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Desita.m sa"n-ghena itthannaamassa bhikkhuno vihaara-vat- thu.m. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Eva-meta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Vị ấy xin Tăng phê chuẩn nền tịnh xá. Nếu đã hợp với Tăng, Tăng hãy nên phê chuẩn nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy muốn làm ngôi đại tịnh xá cho mình, có thí chủ cúng. Vị ấy xin Tăng phê chuẩn nền tịnh xá. Tăng phê chuẩn nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama. Việc phê chuẩn nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama nếu Tôn Giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Nền tịnh xá của Tỳ kheo itthannaama đã được tăng phê chuẩn. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

DỨT TĂNG SỰ PHÊ CHUẨN CHỖ XAÂY CẤT.

***

09. TĂNG SỰ CHO PHÉP LÌA TAM Y (Ticiivaraavippavaasasammati)

Trong luật Tỳ kheo, giới ưng xả đối trị (nissag-giyapaacittiya), điều thứ hai có nói: Vị Tỳ kheo xa lìa tam y cách đêm phạm ưng xả đối trị, ngoại trừ vị Tỳ kheo được cho phép.

Tỳ kheo có 3 trường hợp được phép lìa xa tam y cách đêm không phạm tội, là đang trong thời gian hưởng quyền lợi Ka.thina, đang cư ngụ trong phạm vi ticiivaraavippavaasasiimaa, có sự cho phép của Tăng vì lý do bệnh.

Trường hợp vị Tỳ kheo bệnh muốn ra đi đến nơi khác để điều trị mà không thể mang theo tam y bên mình, thì nên xin phép Tăng cho xa lìa tam y, nhất là y Sa"nghaa.ti. Vậy mới không phạm tội ưng xả.

Vị Tỳ kheo ấy phải đến tác bạch với Tăng như sau:

Aha.m bhante gilaano na sakkomi ticiiva-ra.m aadaaya pakkamitu.m. So' ha.m bhante sa"ngha.m ticiivarena avippavaasasammati.m yaacaami. Dutiyampi ... pe ... tatiyampi ... pe ...

Bạch chư Tăng, tôi bị bệnh không thể đi mang theo tam y. Bạch chư Tăng, tôi cầu xin Tăng cho phép lìa xa tam y.

Tăng phải chấp thuận bằng tăng sự nhị bạch tuyên ngôn, như vầy:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu gilaano na sakkoti ticiiva-ra.m aadaaya pakkamitu.m. So sa"ngha.m ticiiva-rena avippavaasasammati.m yaacati. Yadi sa"n-ghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno ticiivarena avippavaasasammati.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.nàtu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu gilaamo na sakkoti ticii-vara.m aadaaya pakkamitu.m. So sa"ngha.m ticiiva-rena avippavaasasammati.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno ticiivarena avippa-vaasasammati.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno ticiivarena avippa-vaasasammatiyaa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dinnaa sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno ticiivarena avippa-vaasasammati. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhì. Evameta.m dhaarayaami."

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy bị bệnh không thể đi mang theo tam y. Vị ấy xin Tăng cho phép lìa xa tam y. Nếu đã hợp

thời với Tăng, Tăng hãy nên cho phép lìa xa tam y đối với Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch Đại Đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy bị bệnh không thể đi mang theo tam y. Vị ấy xin Tăng cho phép lìa xa tam y. Tăng cho phép lìa xa tam y đối với Tỳ kheo itthannaama. Việc cho phép lìa xa tam y đối với Tỳ kheo itthannaama, nếu Tôn Giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Đối với Tỳ kheo itthannaama, Tăng đã cho phép lìa xa tam y. Tăng chấp nhận nên mới im lặng Tôi xin ghi nhận Việc đó như vậy.

Sau khi được tăng chấp thuận, Tỳ kheo bệnh ấy có quyền xa lìa một trong tam y cách đêm không phạm tội; nhưng hiệu lực của sự cho phép, chỉ trong thời gian còn bệnh, khi hết bệnh thì hết hiệu lực của chỉ thị.

DỨT TĂNG SỰ CHO PHÉP LÌA XA TAM Y

***

10. TĂNG SỰ TRỊ PHẠT TỘI TĂNG TÀN (vu.t.thaana)

Tội Tăng tàn (sa"nghàdisesaapatti) là luật đức Phật chế có 13 điều trong giới bổn (paa.timokkha); Tỳ kheo phạm tội phải làm tăng sự theo luật mới đúng pháp, tội này không thể sám hối cách thông thường như các tội nhẹ khác.

Tăng sự trị phạt tội Tăng tàn phải qua 3 giai đoạn: phạt biệt trú (parivaasadaana), phạt tự hối (maanattadaana), phục vị (abbhaana).

Đối với vị Tỳ kheo phạm tội không che dấu thời gian cách đêm, Tăng chỉ xử vị ấy hành phạt tự hối (maanatta) sáu đêm rồi phục vị (abbhaana).

Đối với vị phạm tội có che dấu thời gian qua đêm thì tăng xử phạt vị ấy sống biệt trú (parivaasa) theo thời gian tương ứng với thời gian che dấu, sau đó mới cho phạt tự hối (maanatta), rồi phục vị (abbhaana).

Về tác pháp kiết ma trong tăng sự trị phạt tội Tăng tàn phải là tứ bạch tuyên ngôn (~natticattut-thakammavaacaa) không thể làm cách khác.

Về túc số Tăng chứng minh tăng sự vụ việc này, có hai trường hợp, tăng sự xử phạt biệt trú (parivaasa) và phạt tự hối (maanatta) cần túc số từ 4 vị Tỳ

kheo hoặc nhiều hơn; Riêng giai đoạn phục vị (abbhaana) nhất định phải có túc số từ 20 vị trở lên (không kể Tỳ kheo can tội).

Trong thời gian chịu phạt biệt trú (parivaasa) hay hành tự hối (maanatta), vị Tỳ kheo can tội ấy phải tuân theo các nguyên tắc luật lệ và phải chấp nhận mất các quyền lợi và quyền hạn của một vị Tỳ kheo bình thường. Việc này vị Luật Sư nên có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn.

---o0o---

10.1 Xử lý tội phạm không che dấu

Vị Tỳ kheo nào khi đã phạm tội, biết là phạm, có lòng tàm quý với lỗi lầm bèn tìm đến một vị Tỳ kheo khác trình bày khai thật, nội trong ngày ấy, như thế gọi là tội không có che dấu. Trường hợp nầy Tăng không cần cho biệt trú (parivaasa), chỉ cho hành tự hối (maanatta) sáu đêm.

* Cách thức Appa.ticchannamaananatta-kamma.

Đương sự cầu xin Tăng cho hình phạt tự hối (Maanatta) rằng:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo 30 aapajji.m appa.ticchannaayo. So' ha.m bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.tic- channaana.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami.

Aha.m bhante ... pe ... Dutiyampi bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami.

Aha.m bhante ... pe ... tatiyampi bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami".

Bạch đại đức tăng, tôi dã phạm nhiều tội, không che dấu. Bạch đại đức Tăng, tôi đây xin Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu.

Bạch đại đức tăng ... nt ... lần thứ nhì.

Bạch đại đức tăng ... nt ... lần thứ ba.

Vị luật sư tuyên ngôn trình Tăng cho hình phạt maanatta đến Tỳ kheo ấy như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji appa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maa-natta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaa-na.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m dadeyya. Esaa ~natti.

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji appa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maa-natta.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno sambahulaana.m aapattiina.m appa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m deti. Yass ' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanattassa daana.m, so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi eta-mattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m ... pe.. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m ... pe ... so bhaaseyya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m appatic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaara-yaami".

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, không che dấu. Vị ấy xin Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Nếu đã hợp hợp với Tăng, Tăng hãy nên cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội không che dấu.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, không che dấu. Vị ấy xin Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội không che dấu. Việc cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội không che dấu, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố sự việc đó.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi ... nt ... Lần thứ ba tôi tuyên bố sự việc đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu, Tăng đã cho đối với Tỳ kheo itthannaama.Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

Dứt tuyên ngôn, vị Tỳ kheo ấy thọ pháp giữa Tăng như vầy:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami. (nói ba lần).

Tôi thọ trì hành phạt tự hối, tôi thọ trì pháp hành.

Trong thời gian thọ pháp, vị Tỳ kheo hãy trình pháp mỗi ngày với Tăng hoặc một hoặc vài vị Tỳ kheo, trình pháp như sau:

"Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m appa.ticchannaayo. So ’ ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho ambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ’ ha.m maanat-ta.m caraami. Vediyaam’ aha.m bhante vediyatii’ ti ma.m sa"ngho dhaaretu".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội, không che dấu. Tôi đây đã xin Tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Tăng đã cho tôi hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Tôi đang thi hành hình phạt tự hối. Bạch quí ngài, tôi xin khai trình; mong Tăng hãy nhận cho tôi là người khai trình rồi".

Mặt khác, khi đang thi hành pháp maanatta như thế, nếu có vị Tỳ kheo khách tăng đến, đương sự cũng phải khai trình với vị đó. Trường hợp biết rõ vị Tỳ kheo khách là người không thuận với mình, không tiện để khai trình thì hãy tuyên bố xả pháp hành rồi sau đó đến khuya hoặc gần sáng sẽ thọ trì lại với một hoặc vài vị Tỳ kheo thích hợp. Lời xả pháp hành như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami. (nói ba lần).

Tôi xả hình phạt tự hối, tôi xả pháp hành.

Sau khi đã trải qua đủ sáu đêm tự hối rồi, Tỳ kheo ấy đáng được Tăng phục vị (abbhaana) cho trở lại phẩm cách bình thường.

* Cách thức Appa.ticchanna - abbhaana-kamma.

Tỳ kheo ấy đi đến Tăng túc số trên 20 vị và ngõ lời xin Tăng phục vị xuất tội, như sau:

"Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m appa.ticchannaayo so ’ ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ’ ha.m bhante ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami.

Aha.m bhante... pe... So’ ha.m ci.n.na-maanatto dutiyampi bhante sa"ngha.m abbhaa-na.m yaacaami.

Aha.m bhante... pe... So’ ha.m ci.n.na-maanatto tatiyampi bhante sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami ".

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội không che dấu, tôi đây đã xin Tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Tăng đã cho tôi hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu. Bạch quí Ngài, tôi đã chịu đủ hình phạt tự hối cầu xin Tăng phục vị. Bạch quí Ngài ... nt ... lần thứ hai, cầu xin tăng phục vị. Bạch quí Ngài ...nt... lần thứ ba, cầu xin Tăng phục vị.

Tăng phục vị cho Tỳ kheo ấy bằng tuyên ngôn như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji appa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maa-natta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno sambahulaana.m aapattiina.m appa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji appa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchannaana.m chaaratta.m maa-natta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhu-no sambahulaana.m aapattiina.m appa.ticchan-naana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.na- maanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheti. Yass’ aayas-mato khamati itthannaamassa bhikkhuno ab-bhaana.m so tu.nh’ assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho ... pe... Tati-yampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho ... pe ... so bhaaseyya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhik-khu. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evame-ta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội không che dấu. Vị ấy đã xin Tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu; Tăng đã cho hình phạt tự hối sáu đêm đến Tỳ kheo itthannaama về những tội không che dấu. Vị ấy đã chịu đủ hình phạt tự hối nay cầu xin tăng phục vị. Nếu đã hợp thời với

Tăng, Tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội không che dấu. Vị ấy đã xin Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm về những tội không che dấu; Tăng đã cho hình phạt tự hối sáu đêm đến Tỳ kheo itthannaama về những tội không che dấu. Vị đã chịu đủ hình phạt tự hối nay xin Tăng phục vị. Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama.Việc phục vị Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố sự việc đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... lần thứ ba, tôi tuyên bố sự việc đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... thì nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị. Tăng chấp nhận bởi thế im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

---o0o---

10.2 Xử lý tội phạm che dấu xác định thời gian.

Tỳ kheo phạm tội Tăng tàn rồi che dấu không khai ra, vì hổ ngươi, vì lầm tưởng, vì không có cơ hội ... đến sau mới khai trình; tội ấy cần phải xử lý theo cách phạt biệt trú (parivaasa) đủ thời gian đã che dấu, mới cho hình phạt tự hối (maanatta) sáu đêm rồi phục vị (abbhaana). Đây là cách xuất tội trường hợp nầy.

Nếu Tỳ kheo đã che dấu mà nhớ rõ thời gian che dấu là bao lâu thì xử cho biệt trú theo thời gian đó.

* Cách thức Pa.ticchannaparivaasakamma.

Đương sự xin Tăng cho biệt trú theo thời gian xác định như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo (1). So' ha.m bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa-.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m (2) yaacaami.

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. Dutiyampi bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa- .ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m yaacaami.

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. Tatiyampi bhante sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa- .ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m yaacaami.

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Bạch, tôi đây xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày.

Bạch, tôi đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Bạch, lần thứ hai tôi xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày.

Bạch, tôi đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Bạch, lần thứ ba tôi xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày.

Kế đến, Tăng cho pháp biệt trú đến Tỳ kheo ấy, bằng cách thông qua tứ bạch tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekahappa.ticchannaana.m ekaa-haparivaasa.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakal-la.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno samba-hulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaa-haparivaasa.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap-pa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan-naana.m ekaahaparivaasassa daana.m so

tu.nhassa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho ... pe ... so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.. pe.. so bhaaseyya. Dinno sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno sambahulaa aapattiina.m ekaahappa.tic- channaana.m ekaahaparivaaso. Khamati sa"nghas-sa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho pháp biệt trú một ngày đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Tăng cho phép biệt trú một ngày đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày. Việc cho pháp biệt trú một ngày đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Pháp biệt trú một ngày đã được tăng cho đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

Tỳ kheo ấy thọ pháp biệt trú giữa Tăng như sau:

Parivaasa.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami (nói ba lần)

Tôi xin thọ trì biệt trú, tôi xin thọ trì phận sự.

Sau khi đã thọ trì pháp biệt trú giữa Tăng Tỳ kheo ấy phải trình pháp hành của mình với Tăng (trình bằng Paali hay ý nghĩa cũng được) như vầy:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan- naana.m ekaahaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"n-gho sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.tic-channaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So ' ha.m parivasaami vediyaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu.

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Tôi đây đã xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Tăng đã cho tôi biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Tôi đang biệt trú; bạch đại đức tăng, tôi khai trình; xin tăng nhận biết tôi khai trình rồi.

Trong thời gian biệt trú, Tỳ kheo ấy phải sống riêng biệt với Tỳ kheo khác, không được hưởng quyền lợi và quyền hạn như vị Tỳ kheo bình thường, không được thụ lễ của vị khác (dù đó là đệ tử của mình), không được giáo giới,truyền giới, làm y chỉ cho ai ...trong thời gian biệt trú nếu có vị Tỳ kheo khách nào đến viếng thăm thì Tỳ kheo ấy phải khai trình pháp hành của mình, nếu không thể khai trình với vị ấy được, vì bất đồng quan điểm ... thì phải nguyện xả pháp để sau đó nguyện thọ lại với một vị Tỳ kheo bạn. Lời nguyện xả như sau:

Parivaasa.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (nói ba lần)

Tôi xả bỏ sự biệt trú, tôi xả bỏ pháp hành.

Đó là cách thức biệt trú về tội phạm che dấu có thời gian xác định.

Chú thích:

(1) Nói rõ thời gian đã che dấu tội, thay đổi lời lẻ cho thích hợp. Nếu tội che dấu hai ngày thì nói làdviiappa.ticchannaayo, ba ngày là tiihappa.ticchannaayo, bốn ngày là catuuhappa-.ticchannaayo, năm ngày là pa~ncaahappa.ticchannaayo, sáu ngày là chaahappa.ticchannaayo, bảy ngày là sattaahappa-.ticchannaayo, tám ngày là a.t.thaahappa.ticchannaayo, chín ngày là navaahappa.ticchannaayo, mười ngày làdasaahappa-.ticchannaayo, mười một ngày là ekadasaahappa.ticchan-naayo, mười hai ngày làdvaadasaahappa.ticchannaayo, mười ba ngày là terasaahappa.ticchannaayo, mười bốn ngày là catuddaa- sahappa.ticchannaayo, nửa tháng là pakkhappa.ticchan-naayo, hơn nửa tháng làatirekapakkhappa.ticchannaayo, một tháng

là maasappa.ticchannaayo, hơn một tháng là a.tirekamaa- sappa.ticchannaayo,một năm là sa.mvaccharappa.tic-channaayo, hơn một năm làa.tirekasa.mvaccharappa.tic-channaayo ... luật sư phải hướng dẫn sắp đặt ngôn từ.

(2) Trình thời gian che dấu bao lâu thì phải xin thời gian biệt trú bấy lâu; che dấu hai ngày thì xin biệt trú hai ngày "dviihaparivaasa.m",che dấu ba ngày thì xin biệt trú ba ngày "tiihaparivaasa.m" ... v.v... che dấu hơn một năm thì xin biệt trú hơn năm

"aterekasa.mvaccharaparivaasa.m" nên lập văn tự cho khế hợp. Tuyên ngôn trình Tăng để cho Tỳ kheo can tội biệt trú, luật sư cũng phải chú ý lập văn tự phù hợp với lời xin của Tỳ kheo về thời gian che dấu và thời gian biệt trú.

* Cách thức Pa.ticchanna - maanattakamma.

Vị Tỳ kheo thọ biệt trú về tội phạm đã che dấu, khi đã đủ thời gian Tăng tuyên phạt thì vị ấy bước qua giai đoạn chịu tự hối sáu đêm (maanatta). Vị ấy phải tìm đến Tăng và xin hình phạt tự hối, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan- naana.m ekaahaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa-.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So' ha.m bhante parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahu-laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaa-ratta.m maanatta.m yaacaami. Aha.m bhante.pe. parivu.t.thaparivaaso dutiyampi bhante sa"n-gha.m.pe. yaacaami. Aha.m bhante.pe. pari-vu.t.thaparivaaso tatiyampi bhante sa"ngha.m.pe. yaacaami.

Bạch đại đức Tăng, tôi đã phạm nhiều tội che dấu một ngày; tôi đã xin Tăng cho biết trú một ngày về những tội che dấu một ngày; Tăng đã cho tôi biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Bạch, tôi đây đã mãn biệt trú nay tôi xin Tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày.

... Lần thứ hai, tôi xin tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày.

... Lần thứ hai, tôi xin tăng hình phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày.

Tiếp đến chư Tăng, phải cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo ấy, bằng cách thông qua tứ bạch tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaa-haparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap-pa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaa-ratta.m maanatta.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan-naana.m ekaahaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthan-naamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m adaa-si.So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaacati. Sa"ngho itthan-naamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m

ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap-pa.ticchannaana.m chaaratta.m maanattassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap- pa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m. Kha-mati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho hình

phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú một ngày về những tội che dấu một ngày. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày. Tăng cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày. Việc cho hình phạt tự hối sáu đêm đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ nhì tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. lần thứ ba tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. hình phạt tự hối sáu đêm Tăng đã cho đối với Tỳ kheo itthannaama về những tội che dấu một ngày; Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

Tỳ kheo ấy thọ trì hình phạt tự hối giữa Tăng, như sau:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami. (nói ba lần).

Tôi thọ trì hình phạt tự hối, tôi thọ trì phận sự.

Tỳ kheo hành maanatta, mỗi ngày phải trình pháp với Tăng, nếu không trình gọi là làm hỏng sự hành pháp; lời trình như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan- naana.m ekaahaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"n-gho sambahulaana.m aapatiina.m ekaahappa.tic-channaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m

ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahu-laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m maanatta.m caraami. Vediyaam’ aha.m bhante vediyatii’ ti ma.m sa"ngho dhaaretu.

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu một ngày. Tôi đã xin Tăng một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho tôi một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày; khi mãn biệt trú tôi đã xin Tăng sáu đêm tự hối về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về những tội che dấu một ngày. Tôi đang hành pháp tự hối; bạch quí ngài tôi khai trình, mong chư tăng hãy nhận biết là tôi khai trình.

Nếu đang hành maanatta, có duyên cớ phải tạm thời ngưng sự thực hành thì nguyện xả với một vài vị chứng minh, như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (nói ba lần).

Tôi xả pháp hành tự hối, tôi xả phận sự.

* Cách thức pa.ticchanna - abbhaanakamma.

Sau khi đã hành maanatta đủ sáu đêm rồi, Tăng nên phục vị cho Tỳ kheo ấy. Cách thức như vầy, Tỳ kheo ấy đi đến chỗ tăng hội, túc số trên 20 vị, đảnh lễ các vị cao hạ rồi ngỏ lời xin ph?c vị rằng:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaahappa.ticchannaayo. So’ ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchan- naana.m ekaahaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"n-gho sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.tic-channaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahu-laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m bhante ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Aha.m bhante.pe. So’ ha.m ci.n.namaanatto duti-yampi bhante sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Aha.m bhante. pe. So’ ha.m ci.n.namaanatto tati- yampi bhante sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày; tôi đã xin Tăng một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho tôi một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày; khi mãn biệt trú tôi đã xin Tăng phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày; Tăng đã cho tôi hình phạt tự hối sáu đêm về những tội che dấu một ngày. Bạch, tôi đã tròn đủ thời gian tự hối, tôi xin Tăng phục vị ...nt... Bạch, tôi đã tròn đủ thời gian tự hối, lần thứ nhì tôi xin Tăng phục vị ... nt ... Bạch, tôi đã tròn đủ thời gian tự hối, lần thứ ba tôi xin Tăng phục vị.

Tăng phục vị cho Tỳ kheo ấy bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap-pa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m itthannaama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaàmassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahap-pa.ticchannaana.m ekaahaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.ticchannaana.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno sambahulaana.m aapattiina.m ekaahappa.tic-channaana.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheti. Yass’ aayasmato khamati itthannaamassa bhik-khuno abbhaana.m so tu.nh’ assa yassa nak-khamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhikkhu. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày. Vị ấy khi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đem

tự hối về những tội che dấu một ngày. Vị ấy đã đủ thời gian tự hối nay xin Tăng phục vị. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama.Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu một ngày. Vị ấy đã xin Tăng một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama một ngày biệt trú về những tội che dấu một ngày. vị ấy khi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội che dấu một ngày, Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội che dấu một ngày. Vị ấy đã đủ thời gian tự hối, nay xin Tăng phục vị. Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama. Việc phục vị Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị rồi, Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

--- o0o ---

10.3 Xử lý tội che dấu thời gian không rõ

Trường hợp Tỳ kheo phạm tội Tăng tàn cũng che dấu, nhưng đây không xác định được thời gian vì không nhớ rỏ. Trường hợp này Tăng phải sử biệt trú với thời gian phỏng định trừ ra thời gian thanh tịnh của vị ấy, thí dụ như vị ấy tu được mười hạ, nhớ rằng sáu hạ đầu thanh tịnh, như vậy Tăng sẽ cho biệt trú về tội che dấu thời gian là bốn năm ... v.v...

Nếu đang khi biệt trú mà chợt nhớ ra thời gian chính xác đã che dấu, thì phải khai báo với Tăng để thêm hoặc bớt thời gian biệt trú.

Trường hợp xử lý tội che dấu nầy, gọi là Suddhantaparivaasa.

Cũng trải qua ba giai đoạn: biệt trú (parivaasa), tự hối (maanatta), phục vị (abbhaana).

* Cách thức suddhantaparivaasakamma.

Tỳ kheo ấy đi đến Tăng, và xin biệt trú như sau:

Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m aapattipariyanta.m na jaanaami rattipariyanta.m na jaanaami aapattipariyanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapatti- pariyante vematiko rattipariyante vematiko. So' ha.m bhante sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m yaacaami. Dutiyampi aha.m bhante. pe. Tatiyampi aha.m bhante. pe."

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, tôi không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, tôi không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Bạch, tôi xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Lần thứ nhì ... nt ... lần thứ ba ... nt ...

Tăng phải được thông qua tuyên ngôn để cho biệt trú đến Tỳ kheo ấy, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati rattipariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapatti-pariyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantapari-vaasa.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapat-tiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati rat- tipariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na sarati rattipariyanta.m na sarati aapattipa-riyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m

suddhantapari-vaasa.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m suddhan-taparivaasassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamat-tha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"nngho. pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Dinno sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m suddhantapa-rivaaso. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Vị ấy xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Việc cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh đến Tỳ kheo itthannaama, về những tội ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. lần thứ ba tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Sự biệt trú trừ thời gian thanh tịnh đã được tăng cho đến Tỳ kheo itthannaama, về những tội ấy. Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

Tỳ kheo tuyên bố thọ trì sự biệt trú:

Parivaasa.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami (đọc ba lần).

Tôi thọ trì sự biệt trú, tôi thọ trì pháp hành.

Tỳ kheo đang khi hành biệt trú phải trình pháp với tăng hoặc nhóm hoặc một vị cũng được, lời trình như sau:

"Aha.m bhante sambahulaana.m sa"nghaa-disesaa aapattiyo aapajji.m aapattipariyanta.m na jaanaami rattipariyanta.m na jaanaami aapattipari- yanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapattipariyante vematiko rattipariyante ve-matiko. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasaami vediyaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, tôi không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, tôi không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ trong hạn lượng đêm. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Tăng

đã cho tôi biệt trú trừ thời gian thanh tịnh về những tội ấy. Tôi đang biệt trú. Bạch, tôi xin khai trình; xin Tăng nhận biết là tôi khai trình.

Tỳ kheo đang biệt trú mà có hoàn cảnh không thể giữ pháp hành trong lúc đó, thì tạm thời xả, và đêm đó thọ trì lại. Lời xả như vầy:

Parivaasa.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (đọc ba lần).

Tôi xả bỏ sự biệt trú, tôi xả bỏ pháp hành.

Đó là cách thức tăng sự cho biệt trú.

* Cách thức suddhantamaanattakamma.

Sau khi đã hành biệt trú đủ thời gian, Tỳ kheo ấy qua giai đoạn hai là sống tự hối sáu đêm. Tỳ kheo ấy phải tìm đến Tăng, và ngỏ lời xin Tăng cho hành maanatta như sau:

"Aha.m bhante sambahulaana.m sa"nghaa-disesaa aapattiyo aapajji.m aapattipariyanta.m na jaanaami rattipariyanta.m na jaanaami aapattipari- yanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapattipariyante vematiko rattipariyante ve-matiko. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So' ha.m bhante parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami. Dutiyampi aha.m bhante.pe. Tatiyampi aha.m bhante.pe. yaacaami"

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, tôi không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, tôi không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ trong hạn lượng đêm. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho tôi biệt trú trừ thời gian thanh tịnh về những tội ấy. Bạch, tôi đã mãn biệt trú, tôi xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Lần thứ nhì ... nt.. lần thứ ba ... nt ...

Tiếp đến, Tăng cho Tỳ kheo ấy sáu đêm tự hối, bằng cách thông qua tứ bạch tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati

rattipariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na sarati rattipariyanta.m na sarati aapatti-pariyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantapari-vaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapat-tiina.m chaarattta.m maanatta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat- ta.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapat-tiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati ratti- pariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na sarati rattipariyanta.m na sarati aapattipa-riyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantapari-vaasa.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaadi. So parivutthaparivaaso sa"ngha.m

taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapat-tiina.m chaaratta.m maanatta.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. so bhaaseyya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết hạn lượng tội, không biết hạn lượng đêm, không

nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Việc cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt... nên nói ra. Lần thứ ba, tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Sáu đêm tự hối được Tăng cho đến Tỳ kheo itthannaama rồi, Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

Tỳ kheo ấy thọ trì pháp maanatta rằng:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami (nói ba lần).

Tôi xin thọ trì maanatta, tôi thọ trì pháp hành.

Trong thời gian hành maanatta, mỗi ngày vị Tỳ kheo ấy phải khai trình với chư tăng không được bỏ qua, lời trình như sau:

"Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m aapattipariyanta.m na jaanaami rattipariyanta.m na jaanaami aapattipariyanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapat- tipariyante vematiko rattipariyante vemati-ko. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m sud-dhantaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me

sa"ngho taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m maanatta.m caraami. Vediyaam’ aha.m bhante vediyatii’ ti ma.m sa"ngho dhaaretu".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, tôi không biết rõ hạn lượng tội, không biết rõ hạn lượng đêm, tôi không nhớ hạn lượng tội, không nhớ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho tôi biệt trú trừ thời gian thanh tịnh về những tội ấy. Khi đã mãn biệt trú,

tôi đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tôi đang hành pháp tự hối. Bạch, tôi xin khai trình, xin Tăng nhận biết là tôi khai trình.

Nếu trong thời gian hành maanatta, Tỳ kheo có duyên cớ không thể khai trình thì phải tạm thời xả bỏ pháp hành để không làm hỏng pháp hành maanatta, đêm gần hết sẽ thọ lại với các vị trong chùa. Lời xả pháp hành như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami.

Tôi xin xả maanatta, tôi xả pháp hành.

* Cách thức Suddhanta-abbhaanakamma.

Khi đã đủ sáu đêm maanatta, nếu Tăng thấy rằng Tỳ kheo ấy đã cải thiện thì nên phục vị Tỳ kheo ấy. Đương sự phải tìm đến Tăng có túc số trên 20 vị, đến đảnh lễ các vị cao hạ, và ngỏ lời xin Tăng phục vị như sau:

Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m aapattipariyanta.m na jaanaami rattipariyanta.m na jaanaami aapattipariyanta.m na saraami rattipariyanta.m na saraami aapat- tipariyante vematiko rattipariyante vemati-ko. So’ ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m sud-dhantaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m adaasi. So’ ha.m bhante ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Aha.m bhante.pe. So’ ha.m ci.n.namaanatto dutiyampi bhante sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Aha.m bhante.pe. So’ ha.m ci.n.namaanatto tatiyampi bhante sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết rõ hạn lượng tội, không biết rõ hạn lượng đêm, không nhớ rõ hạn lượng tội, không nhớ rõ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ hạn lượng đêm. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho tội biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Khi mãn biệt trú tôi đã xin tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về những tội ấy. Bạch quí Ngài, nay tôi đã đủ thời tự hối, tôi

xin tăng phục

vị. Bạch quí ngài, ... nt ... lần thứ hai tôi xin Tăng phục vị. Bạch quí ngài ... nt ... lần thứ ba tôi xin Tăng phục vị.

Tiếp đến Tăng phải thông qua tứ bạch tuyên ngôn để phục vị Tỳ kheo ấy, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadiseso aapattiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati rattipariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na sarati rattipariyanta.m na sarati aapatti-pariyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantapa-rivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji aapattipariyanta.m na jaanaati rattipariyanta.m na jaanaati aapattipariyanta.m na sarati rattipariyanta.m na sarati aapatti-pariyante vematiko rattipariyante vematiko. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m suddhantapa-rivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m suddhantaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Sa"ngho itthannaa-ma.m bhikkhu.m abbheti. Yassaa’ yasmato kha-mati itthannaamassa bhikkhuno abbhaana.m so tu.nh’ assa yassa nakkhamati so bhaasey-ya.Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhikkhu. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết rõ hạn lượng tội, không biết rõ hạn lượng đêm,

không nhớ rõ hạn lượng tội, không nhớ rõ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ trong hạn lượng tội, nghi ngờ trong hạn lượng đêm. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Khi mãn biệt trú vị ấy đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. vị ấy đã đủ thời tự hối, nay xin Tăng phục vị. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, không biết rõ hạn lượng tội, không biết rõ hạn lượng đêm, không nhớ rõ hạn lượng tội,

không nhớ rõ hạn lượng đêm, có sự nghi ngờ hạn lượng tội, nghi ngờ trong hạn lượng đêm. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú trừ thời gian thanh tịnh, về những tội ấy. Khi mãn biệt trú vị ấy đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Vị ấy đã đủ thời tự hối nay xin tăng phục vị; Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama. việc phục vị Tỳ kheo itthannaama,nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị; Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

---o0o---

10.4 Xử lý tội liên tục sai phạm

Có ba trường hợp xử trị tổng kết tội danh (samodhaana). Trường hợp một là agghasamo-dhaana, nghĩa là xử theo cách gom các tội đã phạm che dấu rồi phạt biệt trú một lần lấy thời gian của tội nào che dấu lâu nhất mà làm mốc thời gian biệt trú.

Thí dụ như vị ấy liên tục vị phạm năm tội, có tội đã che dấu một ngày, có tội đã che dấu mười ngày, có tội đã che dấu một tháng, có tội đã che dấu một năm, có tội đã che dấu hai năm; thì xử phạt biệt trú là hai năm vì tội che dấu hai năm là nặng nhất trong các tội.

* Cách thức agghasamodhaanaparivaasa.

Tỳ kheo phạm tội hãy tìm đến Tăng và xin hành biệt trú như sau:

"Aha.m bhante sambahulaana.m aapattiyo aapajji.m ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaa-yo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo ekaccaa tiihap-pa.ticchannaayo ekaccaa catuuhappa.ticchannaayo ekaccaa pa~ncaahappa.ticchannaayo ekaccaa chaa-happa.ticchannaayo ekaccaa sattaahappa.ticchan-naayo ekaccaa a.t.thaahappa.ticchannaayo ekaccaa navaahappa.ticchannaayo ekaccaa dasaahappa-.ticchannaayo 31 . So’ ha.m bhante sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.tic-channaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaacaami. Dutiyampi. pe. Tatiyampi.pe. yaacaami".

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày, có tội che dấu ba ngày, có tội che dấu bốn ngày, có tội che dấu năm ngày, có tội che dấu sáu ngày, có tội che dấu bảy ngày, có tội che dấu tám ngày, có tội che dấu chín ngày, có tội che dấu mười ngày. Bạch quí Ngài, tôi xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian của tội đã che dấu mươi ngày. Lần thứ nhì ...nt ... Lần thứ ba ... nt...

Kế đến Tăng phải thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo ekaccaa tiihappa.ticchan-naayo ekaccaa catuuhappa.ticchannaayo ekaccaa pa~ncaahappa.ticchannaayo ekaccaa chaahappa.tic-channaayo ekaccaa

sattaahappa.ticchannaayo ekaccaa a.t.thaahappa.ticchannaayo ekaccaa navaà-happa.ticchannaayo ekaccaa dasaàhappa.ticchan-naayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapat-tiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.tic-channaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaa-sa.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaahappa-.ticchannaayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo

dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Dinno sa"nghena itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaa- happa.ticchannaayo taasa.m agghena samo-dhaanaparivaaso. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthan-naama nầy đã phạm nhiều tội có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày, có tội che dấu ba ngày, có tội che dấu bốn ngày, có tội che dấu năm ngày, có tội che dấu sáu ngày, có tội che dấu bảy ngày, có tội che dấu tám ngày, có tội che dấu chín ngày, có tội che dấu mười ngày. Vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mười ngày. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mươi ngày. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày, có tội che dấu ba ngày, có tội che dấu bốn ngày, có tội che dấu năm ngày, có tội che dấu sáu ngày, có tội che dấu bảy ngày, có tội che dấu tám ngày, có tội che dấu chín ngày, có tội che dấu mười ngày. Vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mười ngày. Tăng cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mươi ngày. việc cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mười này, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội đã che dấu mười ngày. Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

Tỳ kheo ấy khi được Tăng chấp nhận cho biệt trú như vậy rồi, hãy thọ trì pháp biệt trú như sau:

Parivaasa.m samaadiyaami vatta.m samaa-diyaami (nói ba lần)

Tôi xin thọ trì sự biệt trú, tôi thọ trì pháp hành.

Sau khi thọ pháp hành biệt trú, hãy trình pháp với Tăng, và sau này trong thời gian biệt trú nếu gặp vị Tỳ kheo thanh tịnh nào chưa được biết mình thì cũng hãy khai trình với vị ấy. Lời khai trình như sau:

"Aha.m bhante sambahulaana.m aapattiyo aapajji.m ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihap-pa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaahappa.ticchan-naayo. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaa-happa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaa- naparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasaami vedi-yaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu". (đọc ba lần)

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo trị giá thời gian tội che dấu mười ngày. Tăng đã cho tôi biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Tôi đang biệt trú. Bạch quí ngài, tôi xin khai trình, xin Tăng nhận biết tội khai trình rồi.

Nếu ban ngày không tiện hành pháp và trình pháp thì phải xả để thọ trì lúc đêm. lời xả như sau:

Parivaasa.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (đọc ba lần).

Tôi xin xả biệt trú, tôi xin xả pháp hành.

* Cách thức agghasamodhaanamaanatta.

Khi đã mãn thời gian biệt trú, Tỳ kheo qua giai đoạn hai, tự hối sáu đêm (Maanatta). Tỳ kheo ấy nên tìm đến Tăng để xin hành pháp, như sau:

"Aha.m bhante sambahulaana.m aapattiyo aapajji.m ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaa-happa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa

aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samo- dhaanaparivaasa.m adaasi. So' ha.m bhante pari-vutthaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami"

Dutiyampi ... pe... Tatiyampi ... pe ...

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Bạch quí ngài, tôi đã mãn biệt trú nay tôi xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Lần thứ nhì ...nt... lần thứ ba ...nt...

Kế đến Tăng phải được thông qua bằng tuyên ngôn để cho Tỳ kheo hành maanatta, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaahappa-.ticchannaayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m yaaci. sa"ngho itthan- naamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m adaasi. So parivut-thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaa- ratta.m maanatta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pat-takalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m dadey-ya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. Ekaccaa dasaahappa-.ticchannaayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m ag-ghena samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho it- thannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m ag-ghena samodhaanaparivaasa.m adaasi. So pari-vutthaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacati. Sa"ngho itthan-naamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaarat-ta.m maanatta.m deti. Yassaa' yasmato

khamati itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanattassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maa- natta.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười này. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Vị ấy mãn biệt trú xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Nếu đã hợp thời với Tăng,

Tăng hãy nên cho Tỳ kheo sáu đêm tự hối về những tội ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười này. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Vị ấy mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tăng cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Việc cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ...nên nói ra.lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

Tỳ kheo khi được Tăng chấp nhận, hãy thọ trì pháp hành như sau:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami (đọc 3 lần).

Tôi thọ trì maanatta,tôi thọ trì pháp hành.

Tỳ kheo đã thọ trì phận sự maanatta,phải khai trình với Tăng mỗi ngày như vầy:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaa-happa.ticchannaayo. So’ ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samo- dhaanaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivuttha-parivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m maanatta.m caraami. Vediyaam’ aha.m bhante vediyatii’ ti ma.m sa"ngho dhaaretu."

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mươi ngày; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Tôi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tôi đang hành pháp tự hối. Bạch quí Ngài, tôi xin khai trình; xin Tăng hãy nhận biết cho tôi, người khai trình rồi.

Nếu trong thời gian đang hành pháp có trường hợp khó khăn không thể khai trình thì tạm xả phận sự và sẽ thọ lại lúc đêm trước khi mặt trời mọc. Lời xả như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (đọc ba lần).

Tôi xả maanatta, tôi xả pháp hành.

* Cách thức agghasamodhaanaabbhaanakam-ma.

Khi đã trải qua sáu đêm tự hối, Tỳ kheo ấy đáng được phục vị; Tăng hội 21 vị nên phục vị Tỳ kheo ấy bằng cách làm tăng sự tứ bạch tuyên ngôn.

Tỳ kheo ấy hãy đến Tăng và ngỏ lời xin phục vị như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaa-happa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa

aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samo- dhaanaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivuttha-parivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So' ha.m bhante ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Dutiyampi.pe. Tatiyampi.pe. "

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mươi ngày; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Tôi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về những tội ấy. Bạch quí Ngài, tôi đã qua đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị. Lần thứ nhì ...nt... lần thứ ba ... nt ...

Tăng phải thông qua tuyên ngôn để phục vị Tỳ kheo ấy, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaa-happa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchan- naayo.pe. ekaccaa dasaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaa-happa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaana-parivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahap-pa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaana-parivaasa.m adaasi. So parivutthaparivaaso sa"n- gha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taa-sa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji ekaccaa aapattiyo ekaahappa.ticchannaayo ekaccaa dviihappa.ticchannaayo.pe. ekaccaa dasaahap-pa.ticchannaayo. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghena samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m yaa aapattiyo dasaahappa.ticchannaayo taasa.m agghe-na samodhaanaparivaasa.m adaasi. So parivut-thaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaa-

ratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maa-natta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m ab-bhaana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama.m bhik-khu.m abbheti. Yass' aayasmato khamati it-thannaamassa bhikkhuno abbhaana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Duti-yampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. So bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhikkhu khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami."

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết theo giá trị thời gian che dấu mười ngày. Vị ấy mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Vị ấy đã qua đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị. Nếu đã hợp thời với Tăng, thì Tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, có tội che dấu một ngày, có tội che dấu hai ngày ...v.v... có tội che dấu mười ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng kết tội theo giá trị thời gian tội che dấu mười ngày. Vị ấy mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Vị ấy đã qua đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị; Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama. Việc phục vị Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. lần thứ ba, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị; Tăng chấp nhận nên mới im lặng tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

***

10.5 Xử lý tội tổng hợp tội danh

Trường hợp nầy gọi là missakasamodhaana. Vị Tỳ kheo phạm nhiều điều trong giới Tăng tàn, mỗi lần phạm có tội danh khác nhau, và che dấu. Tăng phải xử phạt theo cách tổng hợp các tội khác nhau đó và cho biệt trú một lần; thời gian biệt trú là cộng chung thời gian che dấu mỗi tội. Cũng qua ba giai đoạn: biệt trú (parivaasa), tự hối (maanatta) và phục vị (abbhaana).

* Cách thức Missakasamodhaanaparivaasa.

Tỳ kheo phạm tội đã khai nhận rồi, nên tìm đến Tăng và ngỏ lời xin biệt trú, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m eka.m sukkavisa.t.thi.m eka.m kaayasa.msag-ga.m eka.m du.t.thullavAaca.m eka.m attakaama.m eka.m sa~ncaritta.m eka.m ku.ti-kaara.m vihaara-kaara.m eka.m du.t.thadosa.m eka.m a~n~nabhaa-giya.m eka.m sa"nghabheda.m eka.m bhedaa-nuvattaka.m eka.m dubbacca.m eka.m kula-duusaka.m 32. So' ha.m bhante sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaacaami. Du-tiyampi.pe. Tatiyampi.pe."

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh, một điều thân xúc chạm, một điều nói lời tục, một điều dụ gái hầu hạ mình, một điều làm mai dong, một điều làm cốc liêu một điều xây tịnh xá, một điều giận vu cáo, một điều vịn cớ khống, một điều chia rẽ tăng, một điều tùng chia rẽ, một điều tỏ khó dạy, một điều quấy rối tục gia. Bạch quí Ngài, tôi xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy.

Tiếp đến chúng Tăng cần được thông qua tuyên ngôn để cho Tỳ kheo ấy biệt trú, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisa.t.thi.m eka.m kaayasa.msagga.m eka.m du.t.thullavAaca.m eka.m attakaala.m eka.m sa~ncaritta.m eka.m ku.tikaara.m eka.m vihaarakaara.m eka.m du.t.thadosa.m eka.m a~n~nabhaagiya.m eka.m sa"nghabheda.m eka.m bhedaanuvattaka.m eka.m dubbaca.m eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaacati. Yadi

sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m dadey-ya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaacati. Sa"ngho itthan-naamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samo-dhaanaparivaasa.m deti. Yass' aayasmanto kha-mati itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapat-tiina.m samodhaanaparivaasassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Duti-yampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Dinno sa"nghena itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaaso. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh, một điều thân xúc chạm, một điều nói lời tục, một điều dụ gái hầu hạ mình, một điều làm mai dong, một điều cất liêu cốc, một điều xây tịnh xá, một điều giận vu cáo, một điều vịn cớ khống, một điều chia rẽ tăng, một điều tùng chia rẽ, một điều tỏ khó dạy, một điều quấy rối tục gia. Vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy. Nếu đã hợp với Tăng, Tăng hãy nên cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp các tội ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ...v.v... một điều quấy rối tục gia. Vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy. Việc cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp các tội ấy, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. Lần thứ ba, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. Sự biệt trú tổng hợp các tội ấy đã được tăng cho đối với Tỳ kheo itthannaama; Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc đó như vậy.

Khi đã được Tăng cho biệt trú, Tỳ kheo ấy thọ trì pháp trước Tăng như sau:

Parivaasa.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami (nói ba lần)

Tôi xin thọ trì biệt trú, tôi thọ trì pháp hành.

Là người đang thọ trì sự biệt trú, Tỳ kheo phải trình pháp với Tăng, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m samodhaanapari-vaasa.m adaasi. So' ha.m parivasaami vediyaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu."

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ...v.v... một điều quấy rối tục gia. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy. Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp các tội ấy. Tôi đang biệt trú; bạch quí Ngài, tôi xin khai trình. Xin Tăng hãy nhận biết cho tôi là người khai trình rồi.

Lời xả pháp hành khi cần phải xả:

Parivaasa.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami. (nói ba lần).

* Cách thức Missakasamodhaanamaanatta.

Khi đã mãn thời gian biệt trú, vị Tỳ kheo đến giai đoạn hành pháp tự hối sáu đêm, Tỳ kheo ấy phải tìm đến Tăng để xin hànhmaanatta, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m eka.m sukkavisa.t.thi.m eka.m kaaya-sa.msagga.m eka.m du.t.thullavAaca.m eka.m atta-kaama.m eka.m sa~ncaritta.m eka.m ku.tikaara.m eka.m vihaarakaara.m eka.m du.t.thadosa.m eka.m a~n~nabhaagiya.m eka.m sa"nghabheda.m eka.m bhedaanuvattaka.m eka.m dubbacca.m eka.m kuladuusaka.m. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapat-tiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaa-sa.m adaasi. So' ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"n-gha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami. Dutiyampi... Tatiyampi ... "

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh, một điều xúc chạm thân, một điều nói tục tỉu, một điều dụ gái hầu hạ mình, một

điều làm mai dong, một điều làm cốc liêu, một điều xây tịnh xá, một điều giận vu cáo, một điều vịn cớ khống, một điều chia rẽ tăng, một điều tùng chia rẽ, một điều tỏ khó dạy, một điều quấy rối tục gia. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp các tội ấy. Tôi đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy.

Tiếp đến chúng Tăng cần được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaa-massa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samodhaa-naparivaasa.m adaasi. So parivutthaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"n-gho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapat-tiina.m chaaratta.m maanatta.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaa-massa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samodhaa-naparivaasa.m adaasi. So parivutthaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m deti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanattassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. So bhaaseyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho. pe. So bhaaseyya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat- ta.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Eva-meta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ...v.v... môt điều quấy rối tục gia. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp các tội ấy. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm

tự hối về các tội ấy. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho sáu đêm tự hối về những tội ấy đối với Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ...v.v... môt điều quấy rối tục gia. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp các tội ấy. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy. Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy đối với Tỳ kheo itthannaama. Việc cho sáu đêm tự hối về những tội ấy đối với Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thư hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Sáu đêm tự hối về những tội ấy đã được Tăng cho đối với Tỳ kheo itthannaama, Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi ghi nhận việc đó như vậy.

Tỳ kheo thọ trì maanatta như sau:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami.

Tôi xin thọ trì maanatta, tôi thọ trì pháp hành (nói ba lần)

Tỳ kheo là người đang hành maanatta phải trình pháp với Tăng như vầy:

Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m samodhaanapari-vaasa.m adaasi. So' ha.m parivutthaparivaaso sa"n-gha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So' ha.m maanatta.m caraami vediyaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu.

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ... v.v... một đều quấy rối tục gia. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp các tội ấy. Tôi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về

những tội ấy. Tôi đang thực hành pháp tự hối; bạch quí Ngài, tôi xin khai trình. Xin Tăng nhận biết cho tôi là người khai trình rồi.

Trong thời gian hành maanatta nếu có duyên cớ khó có thể trình pháp ban ngày, hãy xả pháp để thọ trì lại ban đêm. Lời xả pháp như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami (nói ba lần).

Tôi xin xả pháp maanatta, tôi xả pháp hành.

* Cách thức missakasamodhaanàbbhaana.

Sau khi hành maanatta đủ sáu đêm, Tỳ kheo ấy đáng được phục vị. Hãy đi đến Tăng hội chúng 21 vị và ngõ lời xin Tăng phục vị, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji.m eka.m sukkavisa.t.thi.m eka.m kaayasa.msagga.m eka.m du.t.thullavAaca.m eka.m attakaama.m eka.m sa~ncaritta.m eka.m ku.tikaa-ra.m eka.m vihaarakaara.m eka.m du.t.thadosa.m eka.m a~n~nabhaagiya.m eka.m sa"nghabheda.m eka.m bhedaanuvattaka.m eka.m dubbaca.m eka.m kuladuusaka.m. So' ha.m sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m samodhaanapa-rivaasa.m adaasi. So ha.m parivutthaparivaasaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So' ha.m bhante

ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Dutiyampi ... Tatiyampi ..."

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh, một điều xúc chạm thân, một điều nói tục tỉu, một điều dụ gái hầu hạ mình, một điều làm mai dong, một điều cất cốc liêu, một điều xây tịnh xá, một điều giận vu cáo, một điều vịn cớ khống, một điều chia rẽ Tăng, một điều tùng chia rẽ, một điều tỏ khó dạy, một điều quấy rối tục gia. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp các tội ấy. Mãn biệt trú tôi đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về những tội ấy. Bạch quí Ngài, tôi đã đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị. Lần thứ nhì ... Lần thứ ba..

Tăng chúng cần phải thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisa.t.thi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaa-massa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samodhaa-naparivaasa.m adaasi. So parivutthaparivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthan-naama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa sa"nghaadisesaa aapattiyo aapajji eka.m sukkavisatthi.m.pe. eka.m kuladuusaka.m. So sa"ngha.m taasa.m aapat-tiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho it-thannaamassa bhikkhuno taasa.m aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m adaasi. So parivutthapa- rivaaso sa"ngha.m taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno taasa.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m ab-bheti. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno abbhaana.m so tu.nh' assa yassa nak-khamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. Tatiyam-pi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhikkhu. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami."

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ... v.v... một điều quấy rối tục gia. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp các tội ấy. Mãn biệt trú vị ấy đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Vị ấy đã đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội Tăng tàn, một điều làm di tinh ... v.v... một điều quấy rối tục gia. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp các tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama

biệt trú tổng hợp các tội ấy. Mãn biệt trú vị ấy đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về những tội ấy; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về những tội ấy. Vị ấy đã đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị; Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama. Việc phục vị Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị; Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

--- o0o ---

10.6 Xử lý tội tái phạm khi đang thọ phạt

Trường hợp nầy gọi là odhaanasamodhaana.

Tỳ kheo đang thọ hình biệt trú (parivaasa) hoặc đang hành pháp tự hối (maanatta) chưa được phục vị bình thường thì lại phạm tội khác nữa; Tăng phải xử lý bằng cách đúc kết tội cũ (muulaapatti) và tội mới (antaraapatti) cho làm lại từ đầu, bỏ hết thời gian đã chịu phạt vừa qua.

Xử lý trường hợp nầy, trước tiên phải quy tập tội mới thành tội cũ; Tỳ kheo ấy ngõ lời xin Tăng qui tập như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m pakkhappa.ticchannaayo 33. So' ha.m sa"n-gha.m sambahulaanna.m aapattiina.m pakkhap- pa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji.m pa~ncaahappa.ticchannaayo. So' ha.m bhante sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaacaami. Dutiyampi.pe. Tatiyam-pi.pe. pa.tikassana.m yaacaami".

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về nhiều tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt trú nữa tháng về nhiều tội che dấu nữa tháng. Khi đang biệt trú tôi đã phạm

tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Bạch quí Ngài, nay tôi xin Tăng qui tập tội mới che dấu năm ngày lại với tội cũ. lần thứ hai ... nt ... lần thứ ba ... nt ...

Tăng cần được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m samba- hulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa

bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaayo pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaa-ma.m bhikkhu.m antaraa sambahulaana.m aapattii-na.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.ti-kasseyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaacati. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaa-na.m muulaaya pa.tikassati. Yass' aayasmato kha-mati itthannaamassa bhikkhuno antaraa samba- hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassanaa so tu.nh' assa yassa nak-khamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. So bhaa-seyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaaseyya. Pa.tikassito sa"nghena itthannaamo bhikkhu antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaara-yaami."

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy xin Tăng qui tập tội mới che dấu năm ngày với tội cũ. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ về những tội mới che dấu năm ngày. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú, vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy xin Tăng qui tập tội mới che dấu năm ngày với tội cũ; Tăng qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Sự qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba, tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ...nt... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Tăng chấp nhận nên im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

* Cách thức odhaanasamodhaanaparivaasa.

Sau khi Tăng đã qui tập tội mới thành tội cũ như thế rồi, Tỳ kheo phải hành biệt trú trở lại từ đầu, bỏ hết thời gian đã biệt trú dở dang. Vị ấy phải ngõ lời xin biệt trú như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapaj-ji.m pakkhappa.ticchannaayo. So' ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchan- naana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"n-gho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa-.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasanto antaraa sambahulaana.m aapat-tiyo aapajji.m pa~ncaahappa.ticchannaayo. So'ha.m sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikas-sana.m yaaci.m. Ta.m ma.m sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m muulaaya pa.tikassi. So' ha.m bhante

sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m yaacaami. Dutiyampi.pe. Tatiyampi.pe. samodhaanaparivaasa.m yaacaami".

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang biệt trú, tôi đã phạm tiếp những tội che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng qui tập tội mới che dấu năm ngày với tội cũ; Tăng đã qui tập tội về tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Bạch quí ngài, tôi xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. lần thứ hai ... nt ... lần thứ ba ... nt ...

Tăng phải được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So Sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahap-pa.ticchan-naana.m muulaaya pa.tikassi. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic- channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapa-rivaasa.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaa-

na.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pak-khappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa

bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m

yaaci. Sa"n-gho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sambahu-laana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassi. So Sa"ngha.m antaraa samba-hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaa-na.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno an-taraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic-channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaana-parivaasa.m deti. Yass' aayasmato khamati it-thannaamassa bhikkhuno antaraa sambahulaa-na.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m pu-rimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaa-seyya. Dinno sa"nghena itthannaamassa bhik-khuno antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~n- caahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu sa-modhaanaparivaaso. khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami."

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập về tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama về tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày. Nay vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội, che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập về tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama về tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày. Nay vị ấy xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các

tội trước.Việc cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước, Tăng chấp nhận bởi thế im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

Tỳ kheo nọ khi đã được cho phép biệt trú, hãy nên thọ trì pháp hành giữa Tăng, như sau:

Parivaasa.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami. (3 lần).

Tôi thọ trì sự biệt trú, tôi thọ trì pháp hành.

Là người đang thọ trì pháp hành biệt trú, vị ấy phải trình pháp với Tăng hoặc nhóm Tỳ kheo hoặc một vị khác, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m pakkhappa.ticchannaayo. So' ha.m Sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchan- naana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa-.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m. So' ha.m pa-rivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji.m pa~ncaahappa.ticchannaayo. So' ha.m Sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci.m. Ta.m ma.m sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassi. So' ha.m Sa"ngha.m antaraa sambahu-laana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m yaa-ci.m. Tassa me Sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m puri- maasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasaami vediyaam' aha.m bhante vediyatii' ti ma.m sa"ngho dhaaretu".

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt

trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú tôi đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Tôi xin Tăng qui tập tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập tôi lại tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với những tội trước. Tôi đang biệt trú, bạch quí ngài, tôi xin khai trình; mong Tăng hãy nhận biết cho tôi là người khai trình rồi.

Trong thời gian biệt trú, nếu gặp trở ngại vì duyên cớ chính đáng, Tỳ kheo có thể xả pháp hành tạm thời, để sau đó thọ trì lại; xả như sau:

Parivaasa.m nikkhipaami vatta.m nikkhi-paami.

Tôi xã biệt trú, tôi xã pháp hành. (nói ba lần).

* Cách thức odhaanasamodhanamaanatta.

Khi đã mãn thời gian biệt trú, Tỳ kheo ấy bước qua giai đoạn hành maanatta, sáu ngày tự hối. Vị ấy tìm đến Tăng và bạch xin hành maanatta như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m pakkhappa.ticchannaayo. So' ha.m Sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchan- naana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa-.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So' ha.m parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji.m pa~ncaahappa.ticchannaayo. So' ha.m Sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassa-na.m yaaci.m. Ta.m ma.m sa"ngho antaraa samba- hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassi. So' ha.m Sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic-channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapa- rivaasa.m yaaci.m. Tassa me Sa"ngho antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapari-vaasa.m adaasi. So' ha.m bhante parivu.t.tha-parivaaso Sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacaami. Dutiyampi ... Tatiyampi ...".

Bạch quí Ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt

trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú tôi đã phạm tiếp nhiều tội mới che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập tôi lại tội tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Bạch quí ngài, tôi đã mãn biệt trú, nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về nhiều tội ấy. Lần thứ nhì ... lần thứ ba ...

Tăng cần được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaa-massa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapat-tiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"n-gha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~n-caahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m muulaaya pa.tikassi. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic- channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaana-parivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~n-caahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu sa- modhaanaparivaasa.m adaasi. So parivu.t.thapari-vaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaa-ratta.m maanatta.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m dadeyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m it-thannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci. Sa"ngho itthannaana.m bhikkhu.m antaraa samba-hulaana.m

aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassi. So sa"ngha.m antaraa samba-hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiina.m samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic-channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapa-rivaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"n-gha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaacati. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m chaarat-ta.m maanatta.m deti. Yass' aayasmato khamati itthan-naamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanattassa daana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Dinna.m sa"nghena itthannaamassa bhikkhu-no sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maa-natta.m. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Khi đang biệt trú vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về nhiều tội. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho sáu đêm tự hối đến Tỳ kheo itthannaama về nhiều tội ấy. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Vị ấy khi đang biệt trú đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội

mới che dấu năm ngày. Vị xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Vị ấy đã mãn biệt trú nay xin Tăng cho sáu đêm tự hối về nhiều tội; Tăng cho sáu đêm tự hối đến Tỳ kheo itthannaama về nhiều tội ấy. Việc cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về nhiều tội, nếu tôn giả nào chấp nhận thì hãy im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ hai tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng cho sáu đêm tự hối về nhiều tội. Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

Dứt tuyên ngôn, Tỳ-kheo ấy hãy thọ trì pháp hành trước chư Tăng như sau:

Maanatta.m samaadiyaami vatta.m samaadi-yaami. (nói ba lần).

Tôi xin thọ pháp maanatta, tôi thọ trì phận sự.

Trong thời gian thọ trì pháp maanatta, Tỳ kheo ấy phải trình báo với Tăng mỗi ngày, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m pakkhappa.ticchannaayo. So’ ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchan- naana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhap-pa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivasanto antaraa sambahulaana.m aapat-tiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So’ha.m sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassa-na.m yaaci.m. Ta.m ma.m sa"ngho antaraa samba-hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaa-na.m muulaaya pa.tikassi. So’ha.m sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaana-parivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic- channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaa-naparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivu.t.thaparivaa-so sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaarat-ta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sam-bahulaana.m

aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m maanatta.m caraami vediyaam’ aha.m bhante vediyatii’ ti ma.m sa"ngho dhaaretu.

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng.Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về nhiều tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt trú nữa tháng về nhiều tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú, tôi đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng qui tập lại tội gốc vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập tôi lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Tôi xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp

những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Khi đã mãn biệt trú tôi xin Tăng cho sáu đêm tự hối về các tội; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về các tội. Nay tôi đang hành pháp tự hối, tôi xin trình báo, bạch quí Ngài, xin Tăng nhận biết cho tôi là người trình báo rồi.

Đang thời gian hành maanatta, nếu có duyên cớ phải tạm thời xả pháp hành thì xả với một vị hoặc nhiều vị như sau:

Maanatta.m nikkhipaami vatta.m nikkhipaami (nói ba lần).

Tôi xin xả pháp maanatta, tôi xin xả phận sự.

* Cách thức odhaanasamodhaanaabbhaanakam-ma.

Khi đã qua đủ sáu đêm hành maanatta, nếu Tỳ kheo ấy có hạnh kiểm tốt đáng được phục vị (abbhaanaaraha) thì tăng nên phục vị Tỳ kheo ấy.

Vị Tỳ kheo ấy hãy đến hội chúng tăng trên hai mươi vị Tỳ kheo, đảnh lễ Tăng trưởng lão rồi tác bạch xin phục vị, như sau:

Aha.m bhante sambahulaa aapattiyo aapajji.m pakkhappa.ticchannaayo. So’ ha.m sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchan- naana.m pakkhaparivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho sambahulaana.m aapattiina.m pakkhap-pa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivasanto antaraa sambahulaana.m aapat-tiyo aapajji.m pa~ncaahappa.ticchannaayo. So’ ha.m sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassa-na.m yaaci.m. Ta.m ma.m sa"ngho antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaa-na.m muulaaya pa.tikassi. So’ ha.m sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-

.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaana-parivaasa.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.tic-channaana.m purimaasu aapattiisu samodhaana- parivaasa.m adaasi. So’ ha.m parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m yaaci.m. Tassa me sa"ngho samba-hulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanatta.m adaasi. So’ ha.m bhante ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaana.m yaacaami. Dutiyampi ... Tatiyampi ...

Bạch quí ngài, tôi đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng.Tôi đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho tôi biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú, tôi đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập tôi lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Tôi đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho tôi biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Khi đã mãn biệt trú tôi đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về các tội; Tăng đã cho tôi sáu đêm tự hối về các tội. Bạch quí Ngài, tôi đã đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị. Lần thứ nhì ... lần thứ ba.

Tăng cần được thông qua bằng tuyên ngôn như sau:

"Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pak-khappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahu- laana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamas-sa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m pak-khappa.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa-.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci. Sa"n-gho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sambahu-laana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muulaaya pa.tikassi. So sa"ngha.m antaraa samba-hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno antaraa sam-bahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapari-vaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno

sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaa-na.m yaacati. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m abbheyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthannaamo bhikkhu sambahulaa aapattiyo aapajji pakkhap-pa.ticchannaayo. So sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa.ticchannaana.m pakkha- parivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhik-khuno sambahulaana.m aapattiina.m pakkhappa-.ticchannaana.m pakkhaparivaasa.m adaasi. So parivasanto antaraa sambahulaa aapattiyo aapajji pa~ncaahappa.ticchannaayo. So sa"ngha.m antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m muulaaya pa.tikassana.m yaaci. Sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m antaraa sambahulaa-na.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m muu- laaya pa.tikassi. So sa"ngha.m antaraa samba-hulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchannaana.m purimaasu aapattiisu samodhaanaparivaasa.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno antaraa sambahulaana.m aapattiina.m pa~ncaahappa.ticchan-naana.m purimaasu aapattiisu samodhaanapari-vaasa.m adaasi. So parivu.t.thaparivaaso sa"ngha.m sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m yaaci. Sa"ngho itthannaamassa bhikkhuno sambahulaana.m aapattiina.m chaaratta.m maanat-ta.m adaasi. So ci.n.namaanatto sa"ngha.m abbhaa-na.m yaacati. Sa"ngho ithannaama.m bhikkhu.m abbheti. Yass' aayasmato khamati itthannaamas-sa bhikkhuno abbhaana.m so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Dutiyampi etamat-tha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Tatiyampi etamattha.m vadaami.

Su.naatu me bhante sa"ngho.pe. so bhaasey-ya. Abbhito sa"nghena itthannaamo bhikkhu. Khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami".

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về nhiều tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội

mới che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Vị ấy khi mãn biệt trú đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về các tội. Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về các tội. Đủ thời tự hối nay vị ấy xin Tăng phục vị; nếu đã hợp thời với Tăng, tăng hãy nên phục vị Tỳ kheo itthannaama. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy đã phạm nhiều tội che dấu nữa tháng. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú nữa tháng về những tội che dấu nữa tháng. Đang khi biệt trú, vị ấy đã phạm tiếp nhiều tội che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng qui tập lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày; Tăng đã qui tập Tỳ kheo itthannaama lại tội cũ vì những tội mới che dấu năm ngày. Vị ấy đã xin Tăng cho biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama biệt trú tổng hợp những tội mới che dấu năm ngày lại với các tội trước. Khi mãn biệt trú vị ấy đã xin Tăng cho sáu đêm tự hối về các tội; Tăng đã cho Tỳ kheo itthannaama sáu đêm tự hối về các tội. Vị ấy đã đủ thời tự hối nay xin Tăng phục vị; Tăng phục vị Tỳ kheo itthannaama. Việc phục vị Tỳ kheo itthannaama, nếu tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Lần thứ nhì tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Lần thứ ba tôi xin tuyên bố ý nghĩa đó.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi ... nt ... nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng phục vị; Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận sự việc đó như vậy.

Kết luận: Tăng sự trị phát tội Tăng tàn là một hình thức tăng sự phức tạp, Tỳ kheo được xuất tội phải trải qua nhiều giai đoạn xử lý. Vị Luật sư cần nắm bắt sự kiện cụ thể, lập văn tự cho khế hợp thống nhất trong bản tuyên ngôn trình Tăng ở giai đoạn cho biệt trú, cho pháp tự hối, phục vị ...

Mặt khác, vị luật sư phải thông hiểu những nguyên tắc trong vấn đề nầy như là những phận sự nên làm và không nên làm của vị đang thọ phát biệt trú, đang hành pháp tự hối, để nhắc nhở vị Tỳ kheo can phạm. Về phần Tăng chúng, các vị Tỳ kheo phải giám sát mọi sở hành của Tỳ kheo ấy, và khích lệ động viên để thực hiện tốt phận sự.

DỨT TĂNG SỰ TRỊ PHẠT TỘI TĂNG TÀNG

---o0o---

11. PHÉP SÁM HỐI TỘI (aapattidesanaa)

Tội (aapatti) là mức độ lỗi lầm đã vi phạm trong điều luật mà Đức Phật đã cấm chế.

Tội của Tỳ kheo phạm luật trong giáo pháp nầy qui định có 7 thứ:

tội triệt khai (paaraajika), tội Tăng tàn (sa"nghaadisesa), tội thô suất (thullaccaya), tội ưng phát lộ (paa.tidesaniiya), tội ưng xả đối trị (nis-saggiyapaacittiya), tội ưng đối trị (paacittiya), tội tác ác (dukkaka), và tội ác khẩu (dubbhaasita).

Tội triệt khai hay tội bất cộng trụ, là tội mất gốc, không thể sám hối xuất tội với bất cứ hình thức gì.

Tội Tăng tàn cần được xuất tội bằng cách thọ phạt biệt trú trước tăng hội.

Ngoài hai tội trên đây, các tội khác đều có thể xuất tội bằng cách sám hối (pa.tidesanaa). Sám hối là đối mặt với một vị Tỳ kheo thanh tịnh khác rồi bày tỏ lỗi lầm mình đã phạm và nguyện hứa chừa cãi sau nầy.

Có ba cách sám hối:

a. Cách sám hối phổ thông, đối với các tội thullaccaya, paacittiya, dukkata, dubbhaasita. b. Cách sám hối tội ưng phát lộ c. Cách sám hối tội ưng xả đối trị.

* Cách sám hối phổ thông.

- Sám hối đích tội danh đã phạm từng điều luật.

Vị sám hối nói: Aha.m bhante 34 eka.m thul-laccaya.m 35 aapatti.m aapanno ta.m pa.tidesemi.

Bạch Ngài, tôi phạm một tội thô suất, tôi xin sám hối tội ấy.

Vị chứng tội hỏi: Passasi aavuso 36 Hiền giả, ông có thấy rõ tội ấy chăng?

Vị sám: Aama bhante passaami. Bạch ngài, tôi thấy rõ.

Vị chứng: Aayati.m aavuso sa.mvareyyaasi 37. Hiền giả, ông hãy nên thu thúc sau nầy.

Vị sám: Saadhu su.t.thu bhante sa.mvarissaami saadhu su.t.thu bhante sa.mvarissaami. Saadhu su.t.thu bhante sa.mvarissaami. Lành thay, bạch Ngài, tôi sẽ thu thúc tốt đẹp, tôi sẽ thu thúc tốt đẹp, tôi sẽ thu thúc tốt đẹp.

- Sám hối đích tội danh đã phạm hai điều luật:

Vị Sám: Aha.m bhante 38 dve thullaccayaayo 39 aapattiyo aapanno taa pa.tidesemi. Bạch Ngài, tôi phạm hai tội thô suất, tôi xin sám hối những tội ấy.

Vị chứng: Passasi aavuso taa aapattiyo. Hiền giả, ông thấy rõ những tội ấy chăng?

... tiếp theo có cách thức như trước.

- Sám hối đích tội danh đã phạm nhiều điều luật:

Vị sám: Aha.m bhante 40 sambahulaa naanaa-vatthukaayo thullaccayaayo 41 aapattiyo aapanno taa pa.tidesemi.Bạch Ngài, tôi phạm nhiều tội thô suất có điều học khác biệt, tôi xin sám hối những tội ấy.

Vị chứng: Passasi aavuso taa aapattiyo? Hiền giả, ông thấy rõ những tội ấy chăng?

... Tiếp theo có cách thức như trước.

- Sám hối tổng quát nhiều tội danh:

Vị sám: Aha.m bhante sambahulaa naanaavat-thukaayo thullaccayaayo ca paacittiyaayo ca duk-kataayo ca dubbhaasitaayo ca aapattiyo aapanno taa pa.tidesemi.

Bạch Ngài, tôi phạm nhiều tội thô suất, tội ưng đối trị, tội tác ác và tội ác khẩu có điều học khác biệt; tôi xin sám hối những tội ấy.

Vị chứng: Passasi aavuso taa aapattiyo? Hiền giả, ông thấy rõ những tội ấy chăng?

... tiếp theo có cách thức như trước.

- Sám hối tổng quát không nêu tội danh:

Vị sám: Sabbaa taa aapattiyo aarocemi. Sabbaa garulahutaa aapattiyo aarocemi. Aha.m bhante sambahulaa naanaavatthukaayo aapattiyo aapajji.m taa tumha muule pa.tidesemi.

Tôi xin khai ra tất cả tội ấy, Tôi xin khai ra tất cả tội nặng nhẹ. Bạch ngài, tôi đã phạm nhiều tội có những điều học khác nhau, tôi xin sám hối với Ngài những tội ấy.

Vị chứng: Passasi aavuso tà aapattiyo? Hiền giả, ông thấy rõ những tội ấy chăng?

... tiếp theo có cách thức như trước.

* Cách sám hối tội ưng phát lộ (paa.tidesaniiya)

Tội ưng phát lộ là tội do phạm trong bốn điều học ưng phát lộ (paa.tidesaniiyasikkhaapada); cách xuất tội này cũng bằng cách đối mặt sám hối, có cách thức tương tợ như trước nhưng lời trình tội có khác đôi chút như sau:

Vị sám: Gaarayha.m bhante 42 dhamma.m aapajji.m 43 asappaaya.m paa.tidesaniiya.m ta.m pa.tidesemi.

Bạch ngài, tôi đã phạm một điều đáng quở trách, không thích hợp, cần được phát lộ, tôi xin sám hối điều ấy.

Vị chứng: Passasi aavuso? Hiền giả, ông thấy rõ chăng?

vân vân ...

* Cách sám hối tội ưng xả đối trị (nissaggiya)

Tội ưng xả đối trị là tội do phạm trong ba mươi điều học ưng xả (nissaggiya).

Tội ưng xả đối trị cần được sám hối bằng cách là trước phải giao ra vật sanh tội đáng xả bỏ rồi sám hối ưng đối trị sau.

Vật sanh tội tức là vật ưng xả, như là y tích trử, y rời xa đêm, bình bát dư, vàng bạc...v.v...

Vật ưng xả phải xả bỏ trước Tăng, hay trước nhóm Tỳ kheo, hoặc trước một vị Tỳ kheo khác.

Tội ưng xả đối trị có nhiều trường hợp như sau:

* Sám hối tội giữ y dư quá hạn.

Sám hối với Tăng; Tỳ kheo phạm tội ấy cầm lấy y ưng xả đi đến Tăng rồi tuyên bố xả bỏ như sau:

Ida.m 44 me bhante 45 ciivara.m dasaahaatik-kanta.m nissaggiya.m imaa' ha.m sa"nghassa nis-sajjaami.

Bạch đại đức Tăng, y nầy của tôi đã giữ quá mười ngày, thành vật ưng xả, tôi xin xả bỏ y nầy đến Tăng.

Một vị trong tăng sẽ tự nhận đại diện Tăng để chứng tội sám hối của vị Tỳ kheo ấy; tự nhận bằng lời trình Tăng như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu aapatti.m sarati vivarati uttaa-niikaroti deseti. Yadi sa"nghassa pattakalla.m aha.m itthannaamassa bhikkhuno aapatti.m pa-.tigga.nheyya.m 46 .

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy nhớ ra tội, nhận tội, khai tội, thú tội. Nếu đã hợp thời với tăng, tôi xin được chứng nhận tội cho Tỳ kheo itthannaama.

Tiếp đến Tỳ kheo can phạm sẽ sám hối với vị đại diện Tăng:

Sám - Aha.m bhante 47 eka.m nissaggiya.m paacittiya.m aapanno ta.m 48 pa.tidesemi.

Bạch Ngài, tôi phạm một điều ưng xả đối trị, tôi xin sám hối điều ấy.

Chứng - Passasi aavuso ta.m aapatti.m? Hiền giả, ông thấy rõ tội ấy chăng?

Sám - Aama bhante passaami. bạch Ngài, tôi thấy rõ.

Chứng - Aayati.m aavuso sa.mvareyyaasi. Hiền giả, ông nên thu thúc sau nầy.

Sám - Saadhu su.t.thu bhante sa.mvarissaami. Lành thay, bạch ngài, tôi sẽ thu thúc tốt đẹp.

Sau khi Tỳ kheo ấy xả vật sanh tội và sám hối như vậy xong, vị đại diện Tăng phải tuyên ngôn trình tăng để cho y lại Tỳ kheo ấy, như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho, ida.m 49 ciivara.m itthannaamassa bhikkhuno nissaggiya.m sa"n-ghassa nissa.t.tha.m. Yadi sa"nghassa pattakal-la.m sa"ngho ima.m ciivara.m itthannaamassa bhikkhuno dadeyya.

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, đây là y ưng xả của Tỳ kheo itthannaama, đã xả bỏ đến Tăng. Nếu đã hợp thời với tăng, Tăng hãy nên cho lại Tỳ kheo itthannaama y nầy.

Tỳ kheo khi được cho lại y ưng xả phải làm theo luật để hợp thức hoá xử dụng y dư, bằng cách ký gởi (xem phần ký gởi y bát).

Trường hợp sám hối ưng xả với nhóm Tỳ kheo 2, 3 vị. Tỳ kheo nói lời xả bỏ y dư đến nhóm Tỳ kheo như sau:

Ida.m me bhante ciivara.m dasaahaatikkan-ta.m nissaggiya.m imaa' ha.m aayasmantaana.m nissajjaami.

Bạch quí ngài, y nầy của tôi đã giữ quá hạn mười ngày, thành vật ưng xả; tôi xin xả bỏ y nầy đến các tôn giả.

Một vị trong nhóm sẽ nhận đại diện để chứng tội cho Tỳ kheo sám hối, bằng tuyên ngôn như sau:

Su.nantu me aayasmantaa aya.m itthannaamo bhikkhu aapatti.m sarati vivarati uttaaniikaroti deseti. Yad' aayasmantaana.m pattakalla.m aha.m itthannaamassa bhikkhuno aapatti.m pa.tigga.n-heyya.m.

Bạch chư tôn giả, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama nầy nhớ ra tội, nhận tội, khai tội, thú tội. Nếu đã hợp thời với chư tôn giả, tôi xin được chứng nhận tội cho Tỳ kheo itthannaama.

Tiếp đến là nghi thức sám hối, giống như phần trước.

Nhóm Tỳ kheo cho lại vị ấy y đã xả bằng cách, tuyên ngôn như sau:

Su.nantu me aaysmantaa ida.m ciivara.m it-thannaamassa bhikkhuno nissaggiya.m aayas-mantaana.m nissa.t.tha.m. Yad' aaysmantaana.m pat- takalla.m aayasmantaa ima.m ciivara.m itthannaa-massa bhikkhuno dadeyyu.m.

Bạch chư Tôn Giả, hãy nghe tôi, đây là y ưng xả của Tỳ kheo itthannaama, đã xả bỏ đến các tôn giả. Nếu hợp thời với các tôn giả, các tôn giả hãy nên cho lại Tỳ kheo itthannaama y nầy.

Chú ý những thay đổi cần thiết, xem phần trước.

Y dư phạm ưng xả, nếu không có dịp xả với tăng hay nhóm Tỳ kheo, thì xả bỏ và sám hối với một vị Tỳ kheo khác cũng được. Lời xả bỏ y dư như sau:

Ida.m me bhante ciivara.m dasaahaatik-kan-ta.m nissaggiya.m imaa' ha.m aayasmato nissaj-jaami.

Bạch Ngài, y nầy của tôi đã giữ quá mười ngày, thành vật ưng xả; tôi xả bỏ y nầy đến Ngài.

Tiếp theo áp dụng nghi sám hối, như phần trước.

Vị kia phải nói cho lại y xả, như sau:

Ima.m ciivara.m aayasmato dammi.

Tôi cho lại Tôn giả y nầy.

Chú ý các thay đổi cần thiết.

* Sám hối tội rời bỏ y cách đêm

Tỳ kheo ngoài thời hạn quả báu Ka.thina lại để rời khỏi hắc tay cách đêm một trong tam y (y nội, y vai trái, y tăng già lê) thì phạm ưng xả đối trị.

Y đã rời xa ấy thành vật phải xả bỏ xả trước Tăng hay nhóm Tỳ kheo hoặc một vị nào khác cũng được, rồi sám hối.

Nếu sám hối với Tăng, xả bỏ y phạm tội như sau:

Aya.m me bhante 50 sa"nghaati [18] ekaratti.m vippavu.t.thaa 51 a~n~natra bhikkhusammatiyaa nis-saggiyaa 52 imaa' ha.m sa"nghassa nissajjaami

Bạch quí ngài, y tăng già lê nầy của tôi đã rời xa cách đêm, thành vật ưng xả, trừ phi Tỳ kheo được cho phép; Tôi xin xả bỏ y nầy đến tăng.

Tiếp đến, Tăng cử đại diện để chứng tội, Tỳ kheo sám hối, và Tăng cho lại y xả, mọi nghi thức tuyên ngôn và sám hối đều áp dụng giống như trong cách "sám hối tội giữ y dư quá hạn", phần Tăng xử lý.

Nếu sám hối với nhóm 2 hay 3 vị Tỳ kheo thì lời xả bỏ y phạm tội như sau:

Aya.m me bhante sa"nghaa.ti ekaratti.m vip-pavu.t.thaa a~n~natra bhikkhusammatiyaa nissag-giyaa imaa' ha.m aayasmantaana.m nissajjaami.

Bạch các tôn giả, y tăng già lê nầy của tôi đã rời xa cách đêm, thành vật ưng xả, trừ phi Tỳ kheo được cho phép; tôi xả bỏ y nầy đến các tôn giả.

Tiếp theo, nhóm cử đại diện chứng tội, Tỳ kheo sám hối, và nhóm cho lại y xả, mọi nghi thức đều áp dụng như cách "sám hối tội giữ y dư quá hạn" phần do nhóm xử lý.

Nếu là trường hợp sám hối với một vị Tỳ kheo khác, thì lời xả bỏ y phạm tội như sau:

Aya.m me bhante sa"nghaa.ti ekaratti.m vip-pavu.t.thaa a~n~natra bhikkhusammatiyaa nissag-giyaa imaa ' ha.m aayasmato nissajjaami.

Thưa Tôn giả, y tăng già lê nầy của tôi đã rời xa cách đêm, thành vật ưng xả, trừ phi Tỳ kheo được cho phép; tôi xin xả bỏ y nầy đến tôn giả.

Tiếp theo mọi nghi thức khác hãy áp dụng như trong tội giữ y quá hạn, do một vị xử lý.

* Sám hối tội giữ bình bát dư.

Vị Tỳ kheo có bát dư, cất giữ bát dư quá mười ngày phạm tội ưng xả đối trị, bình bát ấy phải xả bỏ.

Có thể xả bỏ bát dư ấy đến tăng hoặc nhóm Tỳ kheo hoặc một vị cũng được.

Xả bỏ bình bát dư đến Tăng, nói như sau:

Aya.m me bhante patto dasaahaatikkanto nissaggiyo imaa' ha.m sa"nghassa nissajjaami.

Bạch đại đức Tăng, đây là bình bát của tôi đã giữ quá mười ngày, thành vật ưng xả; tôi xin xả bỏ bát nầy đến Tăng.

Tiếp theo, Tăng cử đại diện chứng tội và Tỳ kheo đương sự hãy sám hối với vị ấy, mọi nghi thức như trước.

Sau cùng Tăng cho lại Tỳ kheo ấy bình bát bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m patto it-thannaamassa bhikkhuno nissaggiyo sa"nghas-sa nisa.t.tho. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"n-gho ima.m patta.m itthannaamassa bhikkhuno dadeyya 53 .

Bạch đại đức tăng, hãy nghe tôi, đây là bình bát của Tỳ kheo itthannaamassa, thành vật ưng xả, đã được xả bỏ đến Tăng. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho lại bình bát nầy đến Tỳ kheo itthannaama.

Tỳ kheo đã được lại bát phải ký gởi theo luật mới nên cất giữ hoặc xử dụng.

Trường hợp xả bỏ bình bát dư đến nhóm vài ba vị Tỳ kheo thì lời xả bỏ như sau:

Aya.m me bhante patto dasaahaatikkanto nissaggiyo imaa' ha.m aayasmantaana.m nissaj-jaami.

Thưa các tôn giả, bình bát nầy của tôi đã giữ quá mười ngày, thành vật ưng xả; tôi xin xả bỏ bình bát nầy đến các tôn giả.

Tiếp theo cử một vị đại diện cho nhóm để chứng tội cho Tỳ kheo ấy, và vị ấy sám hối; nghi thức giống như cách sám hối tội giữ y dư, với nhóm Tỳ kheo thụ lý.

Rồi sau đó nhóm Tỳ kheo cho lại bình bát xả, bằng tuyên ngôn như vầy:

Su.nantu me aayasmantaa aya.m patto it-thannaamassa bhikkhuno nissaggiyo aayasman-taana.m nisa.t.tho. Yad' aayasmantaana.m pattakal- la.m aayasmantaa ima.m patta.m itthannaamassa bhikkhuno dadeyya.

Thưa các tôn giả, hãy nghe tôi, đây là bình bát của Tỳ kheo itthannaama, thành vật ưng xả, đã được xả bỏ đến các tôn giả. Nếu đã hợp thời với các tôn giả, các tôn giả hãy cho lại Tỳ kheo itthannaama bình bát nầy.

Khi Tỳ kheo được cho lại bình bát, hãy theo luật ký gởi mới nên xử dụng hoặc cất giữ.

Trường hợp xả bỏ bình bát dư đến một vị, thì nói như sau:

Aya.m me bhante patto dasaahaatikkanto nissaggiyo imaa'ha.m aayasmato nissajjaami.

Bạch Ngài, đây là bình bát của tôi đã giữ quá mười ngày, thành vật ưng xả, tôi xin xả bỏ bình bát nầy đến Ngài.

Tiếp đó làm nghi thức sám hối, vị Tỳ kheo kia hãy nói cho lại bình bát:

Ima.m patta.m aayasmato dammi.

Tôi cho lại tôn giả bình bát nầy.

Được lại bình bát Tỳ kheo hãy làm theo luật ký gởi.

* Sám hối tội tìm bình bát trái phép.

Tỳ kheo xử dụng bình bát chưa hư cũ, chưa bị lủng bể hơn năm dấu, bèn đi tìm kiếm bình bát mới, phạm tội ưng xả đối trị. Bình bát mới ấy phải xả bỏ.

Trường hợp nầy chỉ được làm nghi xuất tội với Tăng (sa"ngha) thôi, chớ không thể sám hối xả bát với nhóm hay với một vị được.

Bình bát mới ấy cần được xả bỏ đến Tăng, nói như sau:

Aya.m me bhante patto uunapa~ncaban-dhanena pattena cetaapito nissaggiyo imaa' ha.m sa"nghassa nisajjaami.

Bạch đại đức Tăng, đây là bình bát của tôi, đã tìm kiếm khi bình bát cũ chưa hư bể được năm vết, thành vật ưng xã. Tôi xin xã bỏ bình bát nầy đến Tăng.

Tiếp đến, Tăng chứng tội cho Tỳ kheo ấy sám hối. Tăng cử đại diện chứng tội sám hối bằng cách thông qua tuyên ngôn, nghi thức giống ở trước trong phần Tăng xử lý tội giữ y dư.

Sau khi Tỳ kheo ấy sám hối ưng đối trị xong, Tăng hãy cho lại Tỳ kheo ấy bình bát, nhưng không phải cho bình bát vừa xả đó mà cho bằng cách chuyển đổi.

Việc chuyển đổi, Tăng sẽ cử ra một vị thực hiện, đề cử bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho. Yadi sa"nghas-sa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhik-khu.m pattaggaahaapaka.m sammanneyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho. Sa"ngho itthan-naama.m bhikkhu.m pattaggaahaapaka.m samman-nati. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno pattaggaahaapakassa sammati so tu.nh' assa yassa nakkhamati so so bhaaseyya. Sammato sa"nghena itthannaamo bhikkhu pat-taggaahaapako khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhì. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cử Tỳ kheo itthannaama làm người trao bát. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi, Tăng cử Tỳ kheo itthannaama làm người trao bát. Nếu việc cử Tỳ kheo itthannaama làm người trao bát, vị tôn giả nào chấp nhận thì im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Tỳ kheo itthannaama đã được Tăng cử làm người trao bát, Tăng chấp nhận mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

Vị Tỳ kheo được Tăng cử, hãy thực hiện việc chuyển đổi bình bát, trước tiên cầm bát ưng xả đó trao cho vị lớn nhất rồi lấy bình bát của trưởng lão trao cho vị kế, lấy bình bát vị ấy trao cho vị kế nữa, cứ thế chuyển đổi đến vị cuối cùng trong tăng, mới lấy bình bát của vị cuối cùng ấy trao lại cho Tỳ kheo đương sự và nói:

Ayan-te bhikkhu patto yaava bhedanaaya dhaaretabbo.

Nầy Tỳ kheo, đây là bình bát của Ngài phải nên giữ cho đến khi bể hư.

Vị Tỳ kheo ấy phải hoan hỷ nhận bát. Đó là cách hợp thức hóa trong việc nầy.

* Sám hối tội thu giữ vàng bạc.

Tỳ kheo tự mình thọ lãnh hoặc bảo người thọ lãnh hoặc bảo người thọ lãnh hoặc vui thích kho tàng sở hữu, phạm ưng xả đối trị. Vàng bạc châu báu ấy phải xả bỏ giữa Tăng rồi sám hối mới xuất tội được.

Tỳ kheo đem vàng bạc ấy đến Tăng và nói xả bỏ như sau:

Aha.m bhante ruupiya.m pa.tiggahesi.m, ida.m me bhante nissaggiya.m imaa' ha.m sa"n-ghassa nissajjaami.

Bạch đại đức Tăng, Tôi đã thọ nhận vàng bạc; bạch đại đức Tăng, vàng bạc nầy thành vật ưng xả, tôi xin xả bỏ đến Tăng.

Sau khi xả bỏ vật sanh tội, Tỳ kheo ấy hãy làm lễ sám hối, Tăng cử đại diện chứng tội bằng tuyên ngôn, cách thức giống như ở phần Tăng xử lý "tội giữ y dư".

Trường hợp vật ưng xả là vàng bạc, Tăng phải cử người ném bỏ mất đi chớ không nên cho lại Tỳ kheo.

Nếu tại đấy có người cư sĩ đứng gần, Tăng nên bảo họ rằng: "Ngươi hãy biết xử lý vật nầy" người ấy hỏi lại: "với vật nầy phải đem vật chi đến?", Tăng chỉ nên nói là hãy đem vật cần dùng. Sau đó nếu cư sĩ mang lại nhu yếu phẩm cho chư Tỳ kheo, Tăng chia nhau dùng ngoại trừ Tỳ kheo đương sự.

Cũng có thể bảo người cư sĩ ấy đem liệng bỏ vàng bạc, không cần gợi ý cho họ đổi thành nhu yếu phẩm. Nếu người cư sĩ ấy không chịu lấy liệng bỏ,

Tăng nên cử một vị đủ đức tính hiền thiện để đem liệng bỏ vàng bạc ấy. Tăng cử bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho itthannaama.m bhikkhu.m rùpiyachaddaka.m sammanneyya. Esaa ~natti.

Su.naatu me bhante sa"ngho sa"ngho itthan-naama.m bhikkhu.m ruupiyacha.d.daka.m samman-nati. Yass' aayasmato khamati itthannaamassa bhikkhuno ruupiyacha.d.dakassa sammati so tu.nh' assa yassa nakkhamati so bhaaseyya. Sammato sa"nghena itthannaamo bhikkhu ruupi-yacha.d.dako khamati sa"nghassa tasmaa tu.nhii. Evameta.m dhaarayaami.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cử Tỳ kheo itthannaama làm người liệng bỏ vàng bạc. Đó là lời bố cáo.

Bạch đại đức Tăng, Tăng cử Tỳ kheo itthannaama làm người liệng bỏ vàng bạc. Việc cử Tỳ kheo itthannaama làm người liệng bỏ vàng bạc, nếu vị tôn giả nào chấp nhận thì hãy im lặng, như vị nào không chấp nhận thì nên nói ra. Tỳ kheo itthannaamađã được Tăng cử làm người liệng bỏ vàng bạc, Tăng chấp nhận nên mới im lặng. Tôi xin ghi nhận việc đó như vậy.

Tỳ kheo được Tăng cử, hãy đem vàng bạc liệng bỏ cho mất biệt, Tăng chẳng nên chỉ định chỗ liệng bỏ. Đó là cách hợp thức hóa trong việc nầy.

* Sám hối tội kinh doanh tiền tệ.

Tỳ kheo kinh doanh mua bán bằng tiền bạc dưới nhiều hình thức, phạm tội ưng xả đối trị. Tiền bạc ấy phải xả bỏ. Tiền bạc ấy gồm tiền giấy, tiền đồng, tiền vàng ...

Tiền bạc do kinh doanh, phải xả bỏ trước Tăng và sám hối, Tăng ném bỏ tiền bạc ấy.

Phải xả bỏ như sau:

Aha.m bhante naanappakaaraka.m ruupiya-sa.mvohaara.m samaapajji.m ida.m me nissag-giya.m. Imaa' ha.m sa"nghassa nissajjaami.

Bạch đại đức Tăng, tôi đã kinh doanh tiền bạc dưới nhiều hình thức, tiền bạc nầy thành vật ưng xả. Tôi xin xả bỏ tiền nầy đến Tăng.

Sau khi xả bỏ tiền bạc, Tỳ kheo hãy sám hối tội lỗi, và Tăng nên cử đại diện chứng tội bằng tuyên ngôn, mọi nghi thức đều giống như trước ở phần Tăng xử lý tội giữ y dư.

Tiền bạc đã được xả đến Tăng, Tăng nên cử người đem ném bỏ. Tuyên ngôn cử người ném bỏ tiền bạc, áp dụng giống như ở phần xử lý tội nhận lãnh vàng bạc vậy.

* Sám hối tội mậu dịch hàng hóa.

Tỳ kheo làm mậu dịch trao đổi hàng hóa, dùng vật nầy trao đổi vật kia, thậm chí trao đổi y bát để lấy đồ dùng khác ... đó gọi là hình thức mậu dịch, Tỳ kheo phạm tội ưng xả đối trị. Hàng phẩm mậu dịch phải xả bỏ.

Có thể xả bỏ đến Tăng hoặc nhóm Tỳ kheo hoặc một vị khác.

Xả bỏ với Tăng, nói như sau:

Aha.m bhante naanappakaaraka.m kayavik-kaya.m samaapajji.m ida.m me nissaggiya.m. Imaa' ha.m sa"nghassa nissajjaami.

Bạch đại đức Tăng tôi đã mậu dịch hay hóa dưới nhiều hình thức, hàng này của tôi thành vật ưng xả. Tôi xin xả bỏ vật này đến Tăng.

Xả bỏ vật rồi Tỳ kheo hãy sám hối tội, Tăng nên cử đại diện để chứng tội sám hối, mọi nghi thức giống như ở phần Tăng xử lý tội giữ y dư.

Sau khi Tỳ kheo đã sám hối, Tăng nên cho lại vật ấy, bằng tuyên ngôn như sau:

Su.naatu me bhante sa"ngho aya.m itthan-naamo bhikkhu naanappakaaraka.m kayavik-kaya.m samaapajji ida.m itthannaamassa bhik-khuno nissaggiya.m sa"nghassa nisa.t.tha.m. Yadi sa"nghassa pattakalla.m sa"ngho ima.m it-thannaamassa bhikkhuno dadeyya.

Bạch đại đức Tăng, hãy nghe tôi. Tỳ kheo itthannaama nầy đã mậu dịch hàng hóa dưới nhiều hình thức, vật nầy của Tỳ kheo itthannaama thành vật ưng xả xã, đã được xả bỏ đến Tăng. Nếu đã hợp thời với Tăng, Tăng hãy nên cho lại Tỳ kheo itthannaama vật

nầy.

Trường hợp xả bỏ hàng hóa đến nhóm hai, ba, vị Tỳ kheo thì nói như sau:

Aha.m bhante naanappakaaraka.m kayavik-kaya.m samaapajji.m ida.m me nissaggiya.m imaa' ha.m aayasmantaana.m nissajjaami.

Bạch các tôn giả, tôi đã mậu dịch hàng hóa dưới nhiều hình thức, vật nầy của tôi thành vật ưng xả; tôi xin xả bỏ vật nầy đến các tôn giả.

Tiếp đến là nghi thức sám hối, và một vị đại diện nhóm do tuyên ngôn đ? cử sẽ chứng tội cho Tỳ kheo sám hối, mọi cách thức làm giống như ở phần nhóm Tỳ kheo xử lý tội giữ y dư.

Sau cùng nhóm Tỳ kheo hãy tuyên ngôn cho lại Tỳ kheo ấy vật đã xả, như sau:

Su.nantu me aayamantaa aya.m itthan-naamo bhikkhu naanappakaaraka.m kayavikka-ya.m samaapajji ida.m itthannaamassa bhikkhuno nissaggiya.m aayasmantaana.m nisa.t.tha.m. Yad' aayasmantaana.m pattakalla.m aayasmantaa ima.m itthannaamassa bhikkhuno dadeyyu.m.

Bạch chư tôn giả, hãy nghe tôi, Tỳ kheo itthannaama đã mậu dịch hàng hóa dưới nhiều hình thức, vật nầy của Tỳ kheo itthannaama thành vật ưng xả đã xả bỏ đến chư tôn giả. Nếu đã hợp thời với chư tôn giả, chư tôn giả hãy nên cho lại Tỳ kheo itthannaama vật nầy.

Trường hợp xả bỏ vật phạm tội đến một vị Tỳ kheo khác, hãy nói như sau:

Aha.m bhante naanappakaaraka.m kayavik-kaya.m samaapajji.m ida.m me nissaggiya.m imaa' ha.m aayasmato nissajjaami.

Bạch tôn giả, tôi đã mậu dịch hàng hóa dưới nhiều hình thức, vật nầy của tôi thành vật ưng xả, tôi xả bỏ vật nầy đến tôn giả.

Tiếp đến Tỳ kheo ấy sám hối với vị đó. Xong rồi vị đó sẽ cho lại Tỳ kheo ấy vật đã xả, nói như sau:

Ima.m aayasmato dammi.

Tôi cho lại tôn giả vật nầy.

DỨT PHÉP SÁM HỐI TỘI

***

12. PHÉP TRỊ PHẠT PHẠM-ĐÀN (Brahmada.n.dakamma)

Phạm-đàn (brahmada.n.da) là hình thức trị phatï vị Tỳ kheo tánh tình không tốt, ngang ngạnh, công kích chư Tỳ kheo, khó giáo dục xây dựng. Phạm-đàn là hình phạt ngưng giao thiệp với đối tượng, và được xem là hình phạt nặng nề đối với vị Tỳ kheo, sẽ khiến vị ấy cảm thấy khó chịu, bị cô lập, bị bỏ rơi ngoài hàng ngũ tăng chúng để rồi phải tự sửa chửa tự hối cải.

Khi có một vị Tỳ kheo lỗi lầm xúc phạm đến chư Tăng mà vị ấy ngoan cố không biết nhận lỗi, chư Tăng hãy xử phạm-đàn đối với vị ấy. Cách thức xử phạm đàn không cần tuyên ngôn (~natti), chỉ là tăng sự nghị quyết (apalokana) được rồi.

Họp Tăng lại, một vị thông hiểu luật hãy trình bày để tăng nghị quyết, như sau:

Bhante itthannaamo bhikkhu mukharo bhikkhuu duruttavacanehi gha.tento viharati, So bhikkhu ya.m iccheyya ta.m vadeyya bhik-khuuhi itthannaamo bhikkhu n' eva vattabbo na ovaaditabbo na anusaasitabbo. Sa"ngha.m bhante pucchaami itthannaamassa bhikkhuno brahma- da.n.dassa daana.m ruccati sa"nghassa. Dutiyampi pucchaami itthannaamassa bhante bhikkhuno brahmada.n.dassa daana.m ruccati sa"nghassa. Tatiyampi pucchaami itthannaamassa bhante bhikkhuno brahmada.n.dassa daana.m ruccati sa"nghassa.

Bạch đại đức Tăng, Tỳ kheo itthannaama là người xảo ngôn, xúc phạm chư Tỳ kheo với những lời bất nhả. Tỳ kheo ấy muốn nói gì thì nói; Tỳ kheo itthannaama không đáng cho chư Tỳ kheo nói tới, không đáng giáo huấn, không đáng chỉ dạy. Bạc đại đức Tăng, tôi xin hỏi Tăng, Tăng có bằng lòng cho phạt phạm đàn đối với Tỳ kheo itthannaama chăng? Lần thứ hai, tôi xin hỏi, Tăng có bằng lòng cho phạt phạm đàn đối với Tỳ kheo itthannaama chăng? Lần thứ ba, tôi xin hỏi, Tăng có bằng lòng cho phạt phạm đàn đối với Tỳ kheo itthannaama chăng?

Tăng biểu quyết chấp nhận bằng cách im lặng đây chư Tỳ kheo sẽ ngưng giao thiệp với Tỳ kheo ấy, cho đến khi vị ấy biết hối lỗi, sám hối với Tăng thì chư Tỳ kheo mới giao thiệp lại.

Khi Tỳ kheo ấy đã biết phục thiện sám hối với chư Tỳ kheo, thì Tăng nên làm Tăng sự nghị quyết (apalokana) để giải tỏa hình phạt. Một vị thông hiểu hãy trình bày như sau:

Bhante bhikkhusa"ngho asukassa bhik-khuno brahmada.n.da.m adaasi. So bhikkhu so-ratto virato nivaatavutti lajjidhamma.m ok-kanto hirottappe pati.t.thito pa.tisa"nkhaa aayati.m samvare ti.t.thati. Sa"ngha.m bhante pucchaami tassa bhikkhuno brahmada.n.dassa pa.tippas-saddhi ruccati sa"nghassa. Dutiyampi bhante sa"ngha.m pucchaami tassa bhikkhuno brahma-da.n.dassa pa.tippassaddhi ruccati sa"nghassa. Tatiyampi bhante sa"ngha.m pucchaami tassa bhikkhuno brahmada.n.dassa pa.tippassaddhi ruccati sa"nghassa.

Bạch đại đức Tăng, Tăng Tỳ kheo đã cho hình phạt phạm-đàn đối với Tỳ kheo kia. Tỳ kheo ấy đã nghiêm túc, cởi mở, hài hòa, có liêm sĩ, sống tàm quý, nhận thức sẽ thu thúc về sau. Bạch đại đức Tăng, tôi xin hỏi Tăng, Tăng có bằng lòng giải tỏa hình phạt phạm đàn đối với Tỳ kheo ấy chăng? lần thứ hai, tôi xin hỏi Tăng, Tăng có bằng lòng giải tỏa hình phạt phạm- đàn đối với Tỳ kheo ấy chăng? lần thứ thứ ba tôi xin hỏi Tăng, Tăng có bằng lòng giải tỏa hình phạt phạm đàn đối với Tỳ kheo ấy chăng?

Tăng biểu quyết chấp nhận bằng cách im lặng.

DỨT PHÉP TRỊ PHẠT PHẠM ĐÀN.

***

13. PHÉP ĐƯA THỎA HIỆP TĂNG SỰ (chandadaana)

Tỳ kheo Tăng đồng trú trong một cương giới (Siimaa) phải hòa hợp làm tăng sự, không có vị Tỳ kheo nào ở ngoài Tăng khoảng cách quá hắc tay; như vậy tăng sự mới thành, và tỳ khưu không phạm lỗi tác ác do gây trở ngại tăng sự của chư Tỳ kheo.

Trường hợp vị tỳ kheo hữu sự thích đáng như bị bệnh chẳng hạn, không thể vào họp tăng để làm tăng sự thì phải đưa lời đến Tăng hội bày tỏ sự đồng ý và hoan hỷ của mình với việc Tăng làm.

Sự đưa thỏa hiệp tăng sự, có 3 trường hợp:

a) Đối với tăng sự phổ thông. b) Đối với tăng sự bố-tát. c) Đối với tăng sự Tự tứ.

Đối với tăng sự phổ thông, là những tăng sự ngoài việc bố-tát (uposatha) và việc Tự tứ (pavaara.naa), vị Tỳ kheo không vào ngồi dự với tăng được, thì thỉnh một vị Tỳ kheo nào đó đến và nói như sau:

Chanda.m dammi chanda.m me hara chanda.m me aarocehi (ba lần)

Nếu nhờ vị cao hạ hơn thì nói:

Chanda.m dammi chanda.m me haratha chanda.m me aarocetha (ba lần).

Tôi xin gởi thỏa hiệp, Ngài hãy đem đi và trình lời thỏa hiệp của tôi.

Phần vị Tỳ kheo lãnh lời, khi đến nơi tăng trước lúc làm tăng sự, hãy trình bạch cho tăng biết sự thỏa hiệp của Tỳ kheo vắng mặt, như sau:

Aayasmaa bhante itthannaamo mayha.m chanda.m adaasi tassa chando mayaa aahato saadhu bhante sa"ngho dhaaretu.

Bạch đại đức tăng, tôn giả itthannaama đã trao lời thỏa hiệp cho tôi, lời thỏa hiệp của vị ấy tôi đã mang đến rồi, kính mong chư tăng ghi nhận.

Nếu trình tăng lời thỏa hiệp của Tỳ kheo thấp hạ hơn mình thì nói:

Itthannaamo bhante bhikkhu mayha.m chanda.m adaasi tassa chando mayaa aaha.to saadhu bhante sa"ngho dhaaretu.

Bạch đại đức Tăng, Tỳ kheo itthannaama đã đưa lời thỏa hiệp cho tôi, lời thỏa hiệp của vị ấy tôi đã mang đến rồi, kính mong chư Tăng ghi nhận.

***

Đối với tăng sự bố-tát, là tăng sự tụng giới bổn và sám hối thanh tịnh của chư Tỳ kheo trong ngày bố-tát (uposatha).

Vào ngày chư tăng làm lễ bố-tát, nếu vị Tỳ kheo nào trong chùa vì hữu sự không thể vào chánh điện dự tăng sự bố-tát, thì phải đưa lời thỏa hiệp và tỏ sự thanh tịnh (gọi chung là chandaparisuddhi) để nhờ vị Tỳ kheo bạn đem trình Tăng.

Cách đưa lời thỏa hiệp tăng sự (chanda) giống như cách đã trình bày; cách tỏ sự thanh tịnh (parisuddhi) như sau:

Paarisuddhi.m dammi paarisuddhi.m me hara paarisuddhi.m me aarocehi 54.

Tôi tỏ sự thanh tịnh, ông hãy đem đi và trình sự thanh tịnh của tôi.

Phần vị Tỳ kheo nhận chuyển lời, sau khi đến chỗ Tăng hội trước lúc làm tăng sự tụng giới, hãy trình tăng lời thỏa hiệp của Tỳ kheo bệnh rồi tình tăng sự tỏ thanh tịnh của vị ấy như vầy:

Aayasmaa bhante itthannaamo 55 gilaano pari-suddho' ti pa.tijaani parisuddho' ti ta.m sa"ngho dhaaretu.

Bạch đại đức Tăng, Tôn giả itthannaama bị bệnh, vị ấy đã tự nhận thanh tịnh, xin chư Tăng nhận biết vị ấy là người thanh tịnh.

Hoặc có thể trình một lần cả hai việc, lời thỏa hiệp và sự thanh tịnh của Tỳ kheo bệnh, như sau:

Aayasmaa bhante itthannaamo gilaano may-ha.m chanda~nca paarisuddhi~nca adaasi tassa chando ca parisuddhi ca mayaa aahaỉaa saadhu bhante sa"ngho dhaaretu.

Bạch đại đức Tăng, Tôn giả itthannaama bị bệnh, vị ấy đã đưa lời thỏa hiệp và sự thanh tịnh với tôi; lời thỏa hiệp và sự thanh tịnh của vị ấy tôi đã đem đến đây, kính mong chư tăng ghi nhận.

***

Đối với Tăng sự Tự tứ, là tăng sự yêu cầu chỉ lỗi làm trong ngày mãn thời an cư tức là ngày Tự tứ (pavaara.naa).

Vào ngày chư Tăng làm lễ Tự tứ, nếu vị Tỳ kheo nào trong chùa bị bệnh không thể vào họp tăng làm lễ được thì hãy đưa lời thỏa hiệp và lời Tự tứ (gọi chung là chandappavaaranaa) nhờ vị Tỳ kheo bạn đem trình tăng.

Cách đưa lời thỏa hiệp tăng sự (chanda) cũng giống như cách đã trình bày ở trước; cách đưa lời Tự tứ (pavaara.naa) như sau:

Pavaara.na.m dammi pavaara.na.m me hara pavaara.na.m me aarocehi.

Tôi đưa lời Tự tứ, ông hãy đem đi và trình lời Tự tứ của tôi.

Có nói cách khác cũng được:

Pavaara.na.m dammi pavaara.na.m me hara mam atthaaya pavaarehi.

Tôi đưa lời Tự tứ, ông hãy đem đi và hãy làm Tự tứ cho tôi.

Phần vị Tỳ kheo nhận chuyển lời, hãy đi đến Tăng, trước khi Tăng làm Tự tứ hãy trình lời thỏa hiệp và lời Tự tứ của Tỳ kheo bệnh, như sau:

Aayasmaa bhante itthannaamo gilaano may-ha.m chanda~nca pavaara.na~nca adaasi tassa chando ca pavaara.naa ca mayaa aahaỉaa saadhu bhante sa"ngho dhaaretu.

Bạch đại đức Tăng, tôn giả itthannaama bị bệnh, vị ấy đã đưa lời thỏa hiệp và lời Tự tứ cho tôi; lời thỏa hiệp và lời Tự tứ của vị ấy tôi đã đem đến, kính mong chư Tăng ghi nhận.

DỨT PHÉP ĐƯA THOẢ HIỆP TĂNG SỰ.

***

14. PHÉP NHẬP HẠ (vassuupagata)

Mùa mưa (vassaana-utu) là thời an cư cấm túc của chư Tỳ kheo. Theo Phật lịch thì mùa mưa chính thức bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 âl cho đến rằm tháng 10 (4 tháng), nhưng luật có qui định thời an cư chỉ 3 tháng. Do đó việc nhập hạ của chư Tỳ kheo có hai thời, thời tiền an cư (purimikaa vassuupanaayikaa) và thời hậu an cư (pacchimikaa vassuupanaayikaa).

Thời tiền-an-cư từ ngày 16 / 6 đến rằm / 9 âl. Thời hậu-an-cư ngày 16 / 7 đến rằm / 10 âl.Tỳ kheo nhập hạ trong thời tiền an-cư, chỉ khi nào có việc không kịp thời tiền an-cư mới theo thời hậu an-cư.

Đến thời an cư mà vị Tỳ kheo cố ý không nhập hạ thời nào thì phạm tác ác (dukkata).

Cách thức nhập hạ là đến ngày an cư, sau khi quyết định nơi chỗ, hãy quét dọn sạch sẽ và tích chứa nước dùng đầy đủ (nếu chỗ ở hiếm nước). chỗ an

cư có thể là một ngôi chùa (aaraama),ngôi tịnh thất (vihaara), một cư xá (aavaasa), hoặc một liêu cốc riêng (senaasana); định nhập hạ ở đâu thì nguyện ở đó. Có thể phát nguyện một mình, hoặc có nhiều vị cùng nhập hạ thì phát nguyện đồng loạt.

Lời phát nguyện nhập hạ như sau:

Imasmi.m aaraame 56 ima.m temaasa.mvassa.m upemi 57

Tôi nguyện an cư mùa mưa tại chùa nầy hết ba tháng.

Trong thời gian an cư nếu rời khỏi chỗ qua đêm thì đứt hạ, trừ khi có nguyện giải giới. Tỳ kheo có việc ần làm như được tin cha, mẹ, thầy, bạn đau bệnh, hoặc Tăng sự, hoặc cư sĩ thỉnh mời thì được phép nguyện giải giới ra đi nhưng hạn trong bảy ngày phải về trước khi mặt trời mọc ngày thứ bảy.

Cách nguyện giải giới an cư như sau:

Sace me antaraayo natthi sattaahabbhan-tare aha.m puna nivattissaami.

Nếu không có sự trở ngại cho tôi, tôi sẽ trở về trong vòng bảy ngày.

Nguyện ra lời hoặc nghĩ trong tâm cũng được, hoặc báo với vị khác ý nghĩa đi đó cũng được. Cần chú ý là ngày đầu mới nguyện nhập hạ chưa được một đêm thì không được phép giải giới an cư để đi; mặc khác, khi chỉ còn vài ngày nữa là mãn hạ thì dù có đi luôn cũng phải nguyện giải giới bằng không sẽ đứt hạ.

DỨT PHÉP NHẬP HẠ.

***

15. PHÉP XỬ DỤNG Y BÁT

* Sử dụng y (ciivara).

Y là trang phục của vị Tỳ kheo. Y phục chính có 3 thứ, gọi là tam y (ticiivara):

Sa"nghaati (y tăng-già-lê hay y kép), Uttaraasa"nga (y uất-đà-la-tăng hay y vai trái), Antaraavaasaka (y an-đà-hội hay y nội).

Ngoài tam y còn có 6 thứ phụ thuộc khác:

vassikasaa.tika (y tắm mưa), nisiidana (tọa cụ), paccatthara.naa (ngọa cụ) ka.n.d.duppa.ticchaadi (vải băng ghẻ), mukhapu~nchanacola (khăn lau mặt), parikkhaaraco.la (y phụ tùng).

Y phụ tùng gồm có :

kaayabandhana (giây buộc lưng), urabandhana (giây buộc ngực), .thavika (dèm hay túi nải), a.msaka (hằng sắc hay y lót mồ hôi).

Tất cả các trang phục trên, Tỳ kheo đều phải nguyện thành tên; riêng về tam y phải làm dấu hoại sắc trước khi nguyện tên.

* Cách làm dấu tam y.

Dùng mực một trong 3 màu là màu xanh hoặc màu xám hay màu đen khuyên tròn ở bốn góc y, điểm nhỏ cở mắt gà hay mút đủa, vừa đánh dấu vừa nguyện:

Ima.m bindukappa.m karomi (3 lần).

Tôi làm dấu y nầy.

* Cách nguyện đặt tên y.

Chú tâm đến lá y rồi chú nguyện:

Ima.m 58 sa"nghaa.ti.m 59 adhi.t.thaami (3 lần).

Tôi nguyện đây là y Tăng già lê.

* Xả bỏ y cũ.

Khi đổi thay y mới hoặc không dùng xài nữa thì phải xả bỏ y cũ. Chú tâm đến y đó và nói:

Ima.m 60 sa"nghaati.m 61 paccuddharaami (3 lần).

Tôi xả bỏ y tăng già lê nầy.

* Sử dụng bát (patta)

Bình bát có 2 thứ là ayopatta (bát sắt) và mattikapatta (bát đất). Tỳ kheo sử dụng bình bát cũng phải nguyện đặt tên; bình bát không cần làm dấu (bindu).

* Cách nguyện bát.

Chú tâm đến cái bát và nguyện rằng:

Ima.m 62 ayopatta.m 63 adhi.t.thaami. (3 lần)

Tôi chú nguyện bát sắt nầy.

* Cách xả bỏ bình bát.

Khi không dùng bình bát đó nữa thì phải xả bỏ, chú tâm như sau:

Ima.m 64 patta.m paccuddharaami. (3 lần)

Tôi xả bỏ bình bát nầy.

***

Y bát dù chưa nguyện xả bỏ nhưng khi bị rách, lủng lổ thì xem như đã đứt tên nguyện. Y bị rách thân vải trong cách đường biên quá 8 cm (4 ngón tay), chỗ rách lổ vừa đầu ngón tay, như vậy là hỏng. Bình bát bị rò rỉ lủng bể phần dưới đáy, lổ vừa lọt hạt cơm, như vậy là hỏng.

Y có thể đổi thay tìm y mới, dù y cũ chưa rách; riêng bình bát nếu chưa lủng bể quá năm dấu thì không được tìm đổi bình bát mới.

DỨT PHÉP XỬ DỤNG Y BÁT.

***

16. PHÉP KÝ GỞI Y BÁT (vikappa)

Sự ký gởi giống như ký thác cái gì cho ai, để không bận tâm với cái đó nữa.

Y dư (atirekaciivara) và bát dư (atireka-patta), Tỳ kheo giữ lâu lắm là mười ngày, nếu quá hạn sẽ phạm luật ưng xả đối trị. Trường hợp giữ không phạm tội là y bát dư đã ký gởi (vikappa) cho người khác rồi.

Có thể ký gởi đến vị Tỳ kheo khác hoặc vị sa di nào đó cũng được; sự ký gởi có hai cách: Trực tiếp và gián tiếp.

* Cách ký gởi trực tiếp.

Gởi ngay vị ấy, gọi là ký gởi trực tiếp. Tỳ kheo muốn ký gởi y bát cho vị nào thì đem y bát đến tìm vị ấy và nói như sau:

Ima.m 65 ciivara.m 66 aayamato vikappemi.

Tôi ký gởi y nầy đến tôn giả.

Vị nhận ký gởi ấy nên ủy quyền cho Tỳ kheo người gởi, như sau:

Ima.m ciivara.m mayha.m santaka.m pari-bhu~nja vaa visajjehi vaa yathaapaccaya.m vaa karohi.

Y nầy là sở thuộc của tôi, Ngài hãy dùng xài hoặc phân phát hoặc xử dụng tuỳ duyên.

* Cách ký gởi gián tiếp.

Ký gởi cho người vắng mặt, gọi là gởi gián tiếp.

Tỳ kheo muốn ký gởi cho vị sư bạn nhưng không được giáp mặt thì hãy nói với một vị khác thay mặt, nói như sau:

Ima.m ciivara.m 67 itthannaamassa bhikkhuno68 vikappemi.

Tôi ký gởi y nầy đến Tỳ kheo itthannaama.

Vị được nhờ ký gởi cũng nên đại diện để ủy quyền lại Tỳ kheo người gởi, như sau:

Ima.m ciivara.m itthannaamassa bhikkhuno santaka.m paribhu~nja và vissajjehi vaa yathaapaccaya.m vaa karohi.

Y nầy là sở thuộc của Tỳ kheo itthannaama, Ngài hãy dùng xài hoặc phân phát hoặc xử dụng tùy duyên.

DỨT PHÉP KÝ GỞI Y BÁT.

***

Luật nghi tổng quát, chỉ trình bày những nghi thức tăng sự và các phận sự phổ thông của vị Tỳ kheo, không thể gọi là đầy đủ. Các lý giải cần được bậc Tăng trí thức tham khảo riêng.

-CHUNG

----o0o---

Hết

1 .Những vị Tỳ khưu ngụ trong chùa cùng một ranh Siimaa, khi Tăng tụ họp làm tăng sự mà vị Tỳ khưu nào bị bệnh hay hữu sự không thể vào tăng hội để dự tăng sự thì vị ấy phải nhắn gởi lời thoả hiệp (chanda) với một vị khác nhờ trình Tăng thì Tăng sự mới tiến hành tốt đẹp; nếu là tăng sự bố-tát (uposatha) thì ngoài việc gởi lời thoả hiệp (chanda), vị Tỳ khưu ấy phải tỏ sự thanh tịnh (parisuddhi) của mình để nhờ trình tăng. 2 . Nếu trong ngày Bố tát ấy không có vị nào gởi lời Chandapaari- suddhi thì nói "idha natthi", còn nếu có vị Tỳ khưu bệnh gởi lời thì phải nói "idha atthi" và để cho vị nào trách nhiệm nhận lời đứng ra trình tăng . 3 . Tùy theo số tỳkhưu tăng hội mà nói như hiện có 5 vị thì nói ga.nanaa pa~nca bhikkhuu honti . Hiện có 8 vị thì nói nói ga.nanaa a.t.tha bhikkhuu honti .v.v... 4 . Theo lịch Ấn Độ thời xưa, tính một tháng có hai thời kỳ: Sukkhapakkha (thời sáng trăng) được 15 ngày, và Kaa.lapakkha(thời tối trăng) được 15 ngày hoặc 14 ngày (tháng đủ, tháng thiếu). Ngày cuối mỗi thời (pakkha) gọi là pa.n.nrasii (nhằm ngày rằm và 30 âl), ngày cuối của hạ huyền (kaalapakkha) tháng thiếu gọi là catuddasii (nhằm ngày 29 âl tháng thiếu) . Ngàypa.n.narasii và ngày catuddasii nhất định là ngày bố tát; còn ngày samaggii, tức ngày hòa hợp tăng . 5 . Nếu kể lễ bố tát hôm ấy là ngày nào thì phải nói rõ . 6. Hai mươi mốt hạng người không nên cho vào tăng sự bố tát là : người thế tục, tỳ-khưu ni, học nữ, sa di, sadi ni, người xã giới, người phạm tội cực nặng, người bị treo tội vì nghi, người bị treo tội vì không hối cải, người bị treo tội vì không bỏ ác kiến, người lại cái, người giả tu, người ngoại giáo, loài

súc sanh, người giết mẹ, người giết cha, người

giết vị A La hán, người dâm tỳ khưu ni, người chia rẻ tăng, người trích máu Phật, người lưỡng tính . 7 . Thay đổi tên này lễ bố tát : pa.n.naraso hoặc catuddaso hoặc samaggo 8 . Về đơn vị đo lường, 1gang tay Đức Phật khó xác định là bao nhiêu; có nhiều sách giải thích khác nhau, chỉ biết rằng 1 gang của Đức Phật bằn g 3 gang người thường (20 cm x 3 = 60 cm). Như vậy có thể tịnh thất 4,20 m x 7,20 m. 9 . Một do-tuần (yojana) bằng 18 km; tuy nhiên có vài sách giải thích khác nhau về đơn vị đo nầy. 10 . Tháng Kattika có 2 : pubbakattika hay còn gọi là kattikate-maasikaa (tháng 9 âl) và pacchimakattika hay còn gọi làkattikacaatumaasika (tháng 10 âl) . 11 . Biệt thí y (accekaciiara.m) là y đặc biệt, ngoại lệ. 12 . Hạn kỳ cho phép giữ y, là 1 tháng cuối mùa mưa, nếu có quả báu Ka.thina thì thêm thời hạn 4 tháng mùa lạnh . 13 . Lối 5 dm (5 tấc tây) . Theo chú giải, 1 ngón tay của Đức Phật bằng 3 ngón tay người thường. 14 . Đã dẫn chú thích trong điều 6 của giới Tăng Tàng (sa"nghaadisesa). 15 . Ngày rằm hay 30 âl đều nói là pa.n.naraso, nếu là ngày 29 âl của tháng thiếu thì nói là catuddaso . 16 . Vì cung kính nên dùng động từ số nhiều, dù chỉ nói với một vị trưởng lão 17 . Trong ngày tự tứ, nếu ở chùa có vị Tỳ khưu hữu sự bệnh duyên không vào tăng hội được thì phải gởi lời Chanda và lờiPavaara.naa của mình, nhờ vị khác trình lại Tăng. Nếu có thì vị lãnh lời ấy phải trình tăng trước khi làm lễ; nếu không thì nói không có. 18 . Phải nói thực tế, hiện có bao nhiêu vị thì nói bấy nhiêu. 19 . Ngày tự tứ thường là ngày rằm / 9 âl, ngày mãn hạ, nhưng tăng có thể dời lại trể hơn cuối / 9 hoặc Rằm /10; nếu cuối tháng 9 mà thiếu ngày thì nói Catuddasi. 20 . Thay đổi tùy theo điều trở ngại (antaràya) trong 10 điều. Xem trong lễ bố-tát, tụng giới tóm tắt. 21 . Khi vị cao hạ nhất trong chúng, vị ấy phải nói Aavuso thay vì Bhante. 22 . Nếu là y vai trái thì là Uttarasa"nga.m, nếu là y nội thì là Antaravaasaka.m. 23 . Với y vai trái thì nói iminà uttarasa"ngena ...; với y nội thì nói iminaa antaravaa sakena ... 24 . Vị thọ Ka.thina lớn hạ nhất trong chùa thì nói àvuso 25 . Kêu gọi 1 vị nhỏ hạ, tùy hỷ với mình, thì nói anumodàhi. 26 . Một mình nói tùy hỷ, thì nói là anumodaami. 27 . Phải nêu tên chùa đó bằng tiếng Paalii 28 . Đơn vị tiền tệ ngày xưa của xứ Ấn. 1 paada bằng 5 maasaka khó xác định là trị giá bao nhiêu vnđ, chỉ biết là vật ấy giá trị có thể bị đưa tòa hình xét xử và bị tuyên án với tội danh trộm cắp tài sản, bị tước nhân phẩm. 29 . Itthannaama: "tên vậy vậy". Khi ám chỉ ai thì nói tên người ấy. 30 . Dùng số nhiều: Sambahulaa aapattiyo (nhiều tội), nói tổng quát như vậy cũng được càng tốt, dù chỉ phạm tội, lại nữa chỉ nói aapatti (tội) không cần nói đến tội lỗi theo điều giới cũng được.

31 . Đây là văn tự làm mẫu, trên thực tế luật sư phải sắp xếp cho phù hợp lần phạm tội và thời gian che dấu. 32 . Thật sự có phạm những điều nào thì nói ra tội danh những điều đó thôi. Luật sư nên sắp đặt. 33 . Cần chú ý sắp xếp văn tự trình thời gian cho hợp với hoàn cảnh thực tế, tội cũ (maalaapatti) và tội mới (antaraapatti) đã phạm và che dấu bao lâu.

34 . Nếu sám hối với vị nhỏ hạ hơn mình thì đổi tiếng xưng hô là aavuso (hiền giả). 35 . Nếu sám hối tội ưng đối trị thì nói eka.m paacittiya.m; tội tác ác thì nói eka.m dukkata.m; tội ác khẩu thì nói eka.m dubbhaasita.m. 36 . Chứng cho vị lớn hạ hơn

mình thì hỏi là passatha bhante ta.m aapatti.m. 37 . nhắc nhỡ vị lớn hạ hơn thì nói là: aayati.m bhante sa.mvareyyaatha. 38 . Cần thay đổi tiếng xưng hô theo hạ lạp. 39 . Nếu là tội khác thì đổi dve paacittiyaayo, hay dve dukkataayo, hay dve dubbhaasitaayo. 40 . Cần thay đổi tiếng xưng hô theo hạ lạp. 41 . Thay đổi tội danh nếu cần, như paacittiyaayo hay dukkataayo hay dubbhaasitaayo. 42 . Cần đổi tiếng xưng hô theo hạ lạp. 43 . Tội ưng phát lộ có thể có nhiều vị đồng phạm trong 1 điều luật, và như thế các vị có thể cùng sám hối, phải đổi aapajji.mra là aapajjimhaa, và pa.tidesemi ra là pa.tidesema. 44 . xả nhiều y dư thì nói imaani ... ciivaraani dasaahaatikkantaani nissaggiyaani imaan' aaha.m ... 45 . Nếu Tỳ kheo chủ y là vị trưởng lão cao hạ hơn tất cả các Tỳ kheo tăng hội, thì dùng tiếng aavuso thay thế bhante. 46 . Lời tuyên ngôn trình tăng để tự nhận đại diện Tăng chứng tội cho Tỳ kheo sám hối ưng xả đối trị, sẽ được áp dụng giống nhau trong mọi trường hợp khác. 47 . Tùy theo hạ lạp của vị sám và vị chứng phải biết dùng tiếng aavuso hay bhante cho hợp lẽ như các trường hợp lễ sám hối đã nói trước. 48 . Nếu sám hối hai tội ưng xã thì nói dve nissaggiyaayo paacittiyaayo aapanno taa ...; nếu nhiều tội thì nói sambahulaa nissaggiyaayo paacittiyaayo aapanno taa ... 49 . Với nhiều y thì cần thay đổi văn tự thích hợp, đổi imaani ciivaraani thay ida.m ciiara.m, đổi nissaggiyaani thaynissag-giya.m, đổi nissa.t.thaani thay nissa.t.tha.m. 50 . Tùy theo hạ lạp mà dùng tiếng bhante hay aavuso. 51 . Đối với y uttaraasa"ngo hay y antaravaasako thì phải đổi là vippavu.t.tho 52 . Nếu là y uttaraasa"ngo hay y antaravaasako thì chỗ nầy phải là nissaggiyo. 53 . Lưu ý sắp văn tự trong lời khai tội với các nghi thức tuyên ngôn chứng tội ... cho hợp nhau. 54 . Nếu nói với vị cao hạ hơn mình thì nói là haratha... aarocetha. 55 . Nếu chuyển lời trình tăng giúp vị Tỳ kheo nhỏ hạ hơn mình, thì nói Itthannaamo bhante bhikkhu gilaano ... v.v... 56 . Thay đổi tùy theo chỗ an cư.

57 . Nếu nhiều vị đồng nguyện hạ thì nói upema. 58 . Nếu nguyện y trong tầm tay thì nói ima.m , nếu ở ngoài tầm tay thì nói eta.m. 59 . Thay đổi tên trang phục một trong chín thứ đã kể trên: uttaraasa"nga.m, antaravaasaka.m ... v. v... 60 . Nếu vật ngoài tầm tay thì nói eta.m. 61 . Xả bỏ thứ y nào thì nói tên y đó. 62 . Nếu bình bát để ngoài tầm tay thì nguyện là eta.m. 63 . Nếu nguyện bát đất thì đổi là mattikapatta.m. Hoặc nguyện là patta.m cho cả bát sắt và bát đất cũng được. 64 . Nếu ngoài tầm tay thì nói eta.m. 65 . Nếu gởi y bát để ngoài tầm tay thì nói Eta.m. 66 . Nếu gởi bình bát thì nói patta.m. 67 . Chú ý thay đổi cần thiết tùy theo vật trong tầm tay hoặc ngoài tầm. Thay đổi tùy theo y (ciivara.m) hay bát (patta.m). Thay đổi số lượng tùy theo ít hay nhiều. 68 . Nếu là Sa di thì nói itthannaamassa saama.nerassa; nếu là Tỳ kheo cao hạ hơn thì nói itthannaamassa aayasmato.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.